



VIỆT-NAM VĂN-HÓA HIỆP-HỘI
xuất bản và giữ bản quyền

Soạn giả

Việt-Nhân LÊ-ĐÌNH-KẾ

TIỂU-THUYẾT LỊCH-SỬ

ME HIỀN CON THÀNH

(Trích dịch ở bộ Lam-Sơn-Ký)

Một Gia-Đình quyết-chiến,
Bước đường nam tiến
của Dân Tộc Việt-Nam

THƯ-VIÊN
TRUNG-ƯƠNG

M

21037

IN TẠI NHÀ IN TIẾN-THỊNH

11b, Phố Lý-Quốc-Sư

HÀ-NỘI

1953

CÙNG ĐỒNG - BÀO TRUNG - NAM - BẮC

Báo VĂN - HÓA từng biên của VIỆT - NAM VĂN - HÓA hiệp - hội xin trân - trọng có lời kính cáo đề đồng - bào chú - ý tôn - trọng cho rằng :

Kể từ tháng 5 năm 1953 Tòa soạn và Giám - đốc báo VĂN - HÓA, thiết - lập tại số 29B phố Trần - bình - Trọng (chùa Quang - Hoa, bên hồ Thiền - quang) Hà - nội.

Chủ nhiệm Chủ bút : Mai - Khê NGÔ - THÚC - DỊCH
Giám đốc Quản lý : Đồng - Lĩnh DƯƠNG - PHƯƠNG - DỤC

Báo VĂN - HÓA dốc lòng trông cậy toàn thể Đồng bào Trung - Nam - Bắc, sẵn cảm tình quý hóa, sốt - sắng giúp đỡ cho, cổ - động cho, phù - thực cho, bất cứ về phương - diện vật - chất hay tinh - thần, để cho báo VĂN - HÓA chóng thành một cơ - quan văn - hóa chung của toàn thể Đồng bào, phổ - cập khắp các giới : ấy tức là chúng ta cùng nhau chung lưng góp sức kiến - thiết nền văn - hoá của chúng ta lúc này.

Nào các bạn tri - thức tân cựu ! Nào các bạn thanh niên nam nữ ! Nào các bạn công - chức xa gần ! Nào các bạn cần - lao khắp các giới ! Nào các bạn Nông, Công, Thương, Binh, khắp Trung - Nam - Bắc !

Báo VĂN - HÓA là cơ - quan chung của các bạn đây. Báo VĂN - HÓA đương chờ đợi hoan - nghênh các bạn, cũng như đương mong mỗi các bạn hoan - nghênh báo VĂN - HÓA vậy.

Báo VĂN - HÓA Từng biên
kính khải

VĂN - HÓA

TỪNG - BIÊN

GIÁ BÁN

Tại Hà nội

Mỗi số	10\$00
Nửa năm (6 số)	55, —
Một năm (12 số)	100, —

Các tỉnh và Trung Nam - Việt

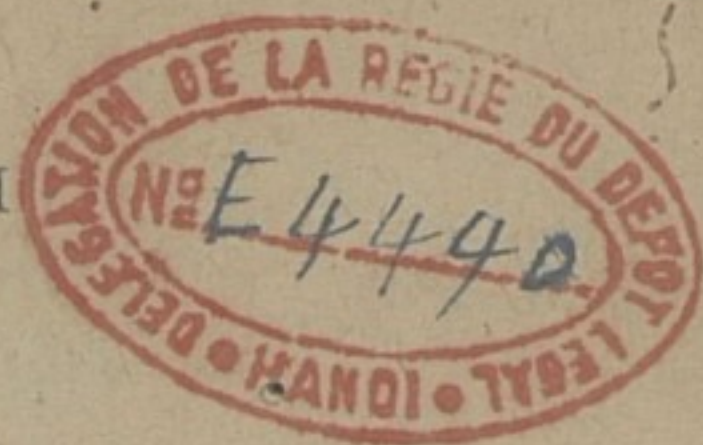
Mỗi số	12\$00
Nửa năm (6 số)	67, —
Một năm (12 số)	120, —

CÔNG SỞ GIÁ GẤP ĐÔI

Hội viên V. N. V. H. H. H. vẫn được hưởng giá đặc biệt

Các quý vị đã nhận được báo ở xa
Xin cấp gửi Mandat về cho Tòa báo

VIỆT - NAM VĂN - HÓA HIỆP - HỘI
xuất bản và giữ bản quyền



Soạn giả
Việt-Nhân LÊ-ĐÌNH-KẾ

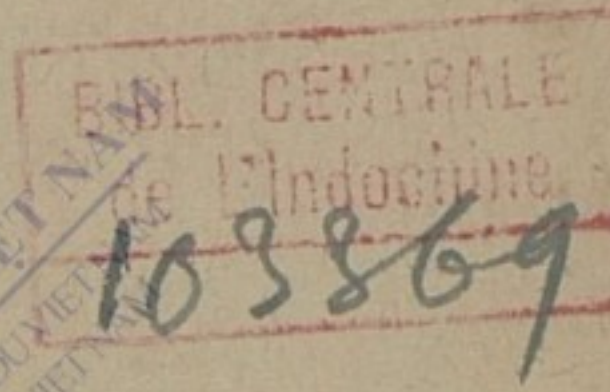
1121887

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

MẸ HIỀN CON THÀNH

(Trích dịch ở bộ Lam - Sơn - Ký)

Một Gia - Đình quyết - chiến,
Bước đường nam tiến
của Dân Tộc Việt - Nam



IN TẠI NHÀ IN TIẾN - THỊNH
11b, Phố Lý - Quốc - Sư
HÀ - NỘI
1953

1132

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Mấy Lời Nói Đầu .

Mười năm trời năm gai năm mật, thề quyết đuổi quân Minh, lấy lại nền độc lập cho tổ quốc, — ai không biết tiếng cứu quốc anh hùng Lê - Thái - Tổ. Nhưng còn một số vô danh đã góp sức vào việc lớn, làm cho nổi tiếng « Bình Ngô Đại-Cáo », hình như người đời còn bỏ sót mất nhiều.

Cũng như đời Lê-Hồng-Đức, văn-trị vũ-công, nổi tiếng trong lịch sử, — thiên hạ chỉ biết anh hùng tài lược của Lê Thánh Tông; còn một số quần thoa đã ngấm ngấm giúp nên công quả, có lẽ không ai để ý đến.

Quyền Mẹ Hiền Con Thánh này ra đời, có mục đích là để cho người đời khỏi sao nhãng mất tên tuổi của những bậc nữ lưu có liên quan đến công nghiệp khởi nghĩa Lam-sơn, hoặc đã ra tay buồm lái, chống với cuồng phong, làm cho chiến tích Lam-sơn được thêm vẻ vang, cơ đồ Hồng Lạc được thêm vững chắc.

Một gia-đình mẹ hiền con thánh, còn xen vào đó biết bao người đáng làm gương cho hậu thế: nào kẻ anh tài, người tiết liệt, nào kẻ bạc tình, người hiếu nghĩa, hết thấy đều có ảnh hưởng sâu xa đến luân thường đạo lý, nhất là những điểm có quan hệ mật thiết đến hạnh phúc gia-đình, cũng lòng hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc-lập, mở rộng bờ cõi cho đất nước.

Công cuộc khởi nghĩa Lam-sơn đã làm cho nước ta thoát khỏi vòng xiềng xích ngoại xâm, rửa được hận, trả được thù, vẻ vang cho cả dân tộc, người Việt-Nam ta ai cũng phải công nhận đó là một công cuộc vĩ-dại không tiền khoáng hậu. Những công cuộc đó, đương lúc nguy nghi như một sợi tóc, nếu không có gia-đình mẹ hiền con thánh kế tiếp để duy trì lấy, thì sợi tóc đứt, cơ đồ đã tan vỡ từ bao giờ rồi. Vận-mệnh nước Việt-Nam

ta hồi bấy giờ, phía bắc bị Tàu đe dọa, phía Nam bị Chiêm-
Thành, Lão-Qua quấy rối, chưa biết may rủi ra sao, chiếc
Kim-Âu chưa chắc đã nguyên lành được đến ngày nay.

Xin ngó qua lịch-sử hồi bắt đầu triều Hậu - Lê : Sau khi
Lê-Thái-Tổ mười năm chiến đấu giúp yên được quân Minh,
Thái-Tông kế vị chưa đầy mười năm thì bị cảm chết một cách
đột ngột ở vườn Lệ-Chi, công thần bị diệt tộc, trăm họ hết sức
hoang mang, kể đến Nghi - Dân tiếm loạn, giết Nhân - Tông
và Thái-Hậu, hãm hại trung lương, thay đổi pháp độ. Trong
nước đã không yên, ngoài biên cương lại bị quấy rối. Quân
Tàu đương muốn trở lại đô hộ nước ta lần nữa,

Một nhà Mẹ Hiền Con Thánh kia đã cứu vãn được
hết. Công nghiệp rất vĩ đại. Quốc dân ta sao nỡ bỏ qua mà
không nhắc nhở tới ?

Vì thế mà Mẹ Hiền Con Thánh phải ra đời. Ra đời để
cho một số nhi-nữ tạo anh hùng không đến nỗi phải mai một.

Quyển Mẹ Hiền Con Thánh này, biên giả lấy tài liệu ở
dã - sử chưa đủ, còn phải thâu thái thêm cả Ngọc Phả
Lê-Triều, cùng những di chúc hay những lời truyền khẩu
của tổ tiên từ mấy đời trước để lại, hoàn toàn là sự thực.

Ngọc Phả còn đó, bút tích chưa nhòa; giám xin ghi chép
ra đây, gọi là góp truyện cổ - tích cùng đọc giả, và
chất-chính cùng những nhà cao - minh sử học.

Hà - nội, ngày 11 tháng 11 năm 1951

Việt - Nhân LÊ - ĐÌNH - KẾ

MẸ HIỀN CON THÁNH



Ngô - Thị - Ngọc - Rao

CÔ CẮT CỎ

*Tay cầm bán nguyệt xanh xang
Muôn ngàn ngọn cỏ vào hàng tay ta*

Đó là câu của Ngọc Rao vẫn thường hát, trong khi cắt cỏ.

Hôm ấy giữa buổi sáng ngày 16 tháng 7 năm đầu Thiệu Bình (1434), trời mưa như trút nước. Trước cửa chùa Động phang, thuộc huyện An-Định, tỉnh Thanh-Hóa, người đứng trú ẩn tấp nập, nhất là ở Tam-quan, người như nêm cối, đủ các hạng, phần đông là hạng nông-dân. Trong đó có cả Ngọc-Rao.

Lê-Thái-Tông (1) đương đi kinh lý, bị trời mưa to, cũng phải ghé vào chùa trú ẩn. Các quan văn võ tùy tùng, và đội ngự-lâm pháo thủ cũng theo vào, chật ních cả chùa trong chùa ngoài. Lê-Thái-Tông cải trang làm người thường dân, xen lẫn vào đám đông người ở Tam quan, cửa chùa, lân la trò chuyện để dò ý dân chúng.

Không ai để ý đến việc cải trang, nên Thái-Tông đã được dịp truyện trò đối đáp với dân chúng một hồi khá lâu. cuối cùng Thái-Tông có một câu phàn nàn:

« Trời độc ác quá ! Mưa tầm tã suốt ngày, chúng ta mất cả công việc. Chúng ta là phận dân hèn, trời chẳng thương thì chớ, nhưng còn vua của chúng ta, đương nấp mình ở trong cửa Tam - bảo kia, — nhất nhất vạn cơ, (3) cũng phải

bó gối. Vua là con trời, trời chẳng thương con, thì còn thương ai?». .

Một cô gái cắt cỏ, quần áo lấm lem, tay cầm liềm, tay chống đòn gánh, đứng bên cạnh, liền đáp :

«Bố nào chẳng thương con, nhưng nếu gặp đũa con hư thì thương sao được» .

Lê Thái-Tông nghe nói, giật mình, rất lấy làm kinh phục. Tự hỏi mình : hay là ta có làm điều gì bậy bạ, để dân chúng oán trách chẳng? Rồi có ý bền lên, lui về Tam bảo. liền sai cận thần theo rồi điều tra tung tích cô cắt cỏ.

Do sự điều tra kỹ càng của chức dịch địa phương, tung tích cô như sau này :

Cô tên là Ngô-thị-Bình, tức Ngọc-Rào, 18 tuổi, sinh quán ở Đông-Phang, huyện An-Định, tỉnh Thanh-Hoá, cháu gọi cụ Ngô-Từ bằng bác ruột. Cụ Ngô-Từ là thủy tổ họ Ngô, là đệ nhất khai quốc công thần của đức Lê-Thái-Tổ, đồng thời và ngang hàng với cụ Nguyễn-Trãi.

Cụ Ngô-Từ nuôi cô từ thừa bé, coi như con đẻ, nên cô vẫn gọi cụ Ngô-Từ là cha. Sử chép cô là con gái cụ Ngô-Từ,

Chính thực, thân phụ cô là cụ Ngô-Sinh-Đồ, (3) mất sớm. Mẹ cô bị hoá chồng từ năm 22 tuổi, ở vậy thờ chồng nuôi hai chút con mọn: cô và một em trai bé. Bà mẹ là người hiền đức có một, lại giữ trọn được gia kiên trinh với người bạn trăm năm đã khuất. Những hàng công khanh và những bậc phú thương nhiều người để ý nom dòm, nhả nhe mỗi lá, nhưng bà nhất định thủ tiết, ai đến hỏi cũng từ chối.

Thời bấy giờ có một thương gia triệu phú, mến danh tiết của bà, chịu khó hao tài tổn của để làm cho được lòng bà. Lân la đi lại sã suồng, rồi một đêm kia lấy cơ đêm hôm mưa bão xin ngủ lại. vì chỗ quen thuộc không nỡ từ chối, bắt đắc dĩ bà phải để cho khách ngủ đêm.

Ngờ đâu, đêm hôm thanh vắng, khách ngọt nhạt giỗ giành mãi không được bà chuẩn nhận kết nghĩa trăm năm, khách bèn tìm cách ép liều nài hoa, cố làm cho thỏa dục vọng

Một đêm mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hoa.

Đêm thâu hiu quạnh, thân gái cô đơn, bà đành ngậm
đắng nuốt cay, một mình than thở :

Mặc người mưa Sở gió Tần,
Nhưng mình còn biết có xuân là gì.

Ngay đêm hôm ấy, sau cuộc mây mưa, bà đã cảm thấy

Tuồng gì là giống hôi tanh,
Thân nghìn vàng để ố danh má đào.

Rồi bà âm thầm nghĩ ngợi :

« Ta sở dĩ còn muốn sống, sống giai giãng đến ngày
nay, là vì còn giữ được một chút trong sạch với chồng, nay
đã hết trong sạch rồi, nếu ta còn ở đời ngày nào, chỉ thêm
nhơ nhuốc mà thôi.

Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững lại giầy cho tan !
Thôi thì thôi,
Thôi đành một thác cho rồi,
Thân này đã lỗi với người tình chung,

Bà nghĩ vợ nghĩ vắn, rồi trần trọc vật vã. Nhà triệu-phủ
vô tình, chạy ra nhà ngoài. Bà nhân dịp ngồi rầy, khẩn hương
hồn chồng cũ, cầu xin chứng giám lòng trinh bạch, rồi cắn
lưỡi tự tử. Chợt nghe tiếng giã gạo ở trong buồng, nhà
triệu-phủ hốt hoảng chạy vào xem sao, thì ôi thôi, bà Ngô-
Sinh-Đồ chỉ còn là cái xác không hồn. Cả nhà hồ hoán, xóm
làng tập nập kẻ lui người tới thăm hỏi. Chức dịch sở tại
kéo đến điều tra, lập biên bản.

Sáng hôm sau, người ta đã thấy họ hàng kéo đến đông
nghịt, làm lễ an táng bà Ngô-Sinh-Đồ, và chức dịch đóng
gong giải nhà triệu-phủ lên cấp trên để nghị tội.

Sau khi bà Ngô-Sinh-Đồ mất đi, Ngọc-Rao và em trai
không nơi nương tựa. Cụ Ngô-Từ phải nuôi cả 2 chị em làm
con nuôi, thương yêu như con đẻ. Nhưng vì Cụ Ngô-Từ đông

con đông cháu, và cụ bận việc nước, ít khi săn sóc đến gia đình, nên trong đám con cháu, chỗ anh chị em thường có nhiều điều xich mích. Buộc lòng, Ngọc-Rao phải tạm xa em bé, từ giã bố nuôi, đến nương tựa ở nơi bác hai vậy.

Bác hai cô, nghiện hút cờ bạc, chẳng nhìn gì đến cháu. Tuy hiếm hoi chỉ có một mụn con gái, bác hai cô cũng chẳng mấy khi giáp mặt con. Bác gái lại là người nanh ác có tiếng, đủ ngón lật lọng lừa dối, miệng chỉ xon xớt mà gia ột ngâm, cả làng cả họ, ai cũng phải kiêng mặt. Mỗi khi đi chợ về, bác gái mua đủ thứ quà cho con gái. Con gái bác hơn cô một tuổi, phiên chợ nào cũng ăn không hết quà. Mà cô thì chỉ dành nuốt nước bọt. Bao giờ bánh thiu chuối thối, sắp đem đổ bỏ, mới đến phần cô. Vì sợ bác mắng, cô phải nhận, nhưng ngấm ngấm đem vứt ra bờ rào, rồi lại tỏ vẻ tươi tỉnh như thường.

Bữa ăn, thì bác cho con gái cơm trắng thịt bung, cá kho chả nướng; còn cô thì chỉ được hưởng toàn là cơm hẩm cơm trộn, với dưa khú cà rêu. Nhiều khi không nuốt đi được, nhưng cũng phải gượng nuốt cho đỡ đói lòng.

Công việc trong nhà bác thì cô phải làm hết những việc nặng nhọc và bẩn thỉu. Nào chần trâu cắt cỏ nào đổ rác hót phân, chân lấm tay bùn, thức khuya dậy sớm, cô thực là một con sen vất vả cực nhọc của nhà bác. Tuy nhiên lúc nào cô cũng hoà nhã vui tươi; cô ít nói, nhưng đã nói là toàn những lời danh thép, có khi tượng hơn người. Trong khi cắt cỏ lằm than mà cô đã thốt ra câu hát tức cảnh, có khi tượng vua chúa, một tay cầm quyền cả thiên-hạ:

*Tay cầm bán nguyệt xanh xang,
Muôn ngàn ngọn cỏ vào hàng tay ta.*

Câu hát này, cả nước đã truyền tụng. Người thì nói của bà chúa nợ, người thì nói của bà phi kia, nhưng đều không đúng sự thực. Chứng thêm gia-phả họ Ngô, câu hát này đúng là của cô Ngọc-Rao trong khi đi cắt cỏ cho nhà bác, thường hát để tiêu khiển.

Vì thấy cô có văn tài, có nhan sắc, có tính nhẫn nại cần lao, lại có vẻ phong lưu đài các, chí khí cao siêu, nên quanh vùng đó có nhiều người muốn dạm hỏi. Nhưng vì bác gái cô cố ý gièm pha, tìm cách nói xấu đánh phá, để gả con gái mình. Con gái bác thì xấu, bác lại là người nanh ác, ai cũng ghê tởm, không giám giây vào. Cũng vì thế, bác gái đâm ghen với cô, tìm cách nói xấu đủ điều, và hắt hủi cô thậm tệ.

Về nhan sắc, — cô là người quốc sắc thiên hương, một hoa khôi bậc nhất trong vùng An - Định. Thực là:

*Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen đua thắm, liễu hờn kém xanh.*

Về tư cách, — cô là người có văn tài, lại có đủ tứ-đức thêm thông minh lỗi lạc, tài trí hơn người, không vì hoàn cảnh mà đổi tiết.

Tiếp được sớ tấu về tung tích cô cắt cổ, Thái-Tông rất lấy làm vui mừng. Tự tin vận-mệnh của nước nhà sẽ phải nhờ ở trong tay cô cắt cổ ấy. Liên hạ lệnh tuyển Ngô-thị-Bính tức Ngọc-Rao vào cung, lập làm thứ-phi. Một mặt ra chỉ dụ truy tặng bà Ngô-sinh-Đồ bốn chữ « Tiết liệt phong cao ».

Sức cho dân địa phương và gia-tộc phải làm lễ khánh-hạ rất trọng thể để tưởng nhớ tấm lòng tiết liệt cao quý của một nữ lưu, đáng làm gương sáng cho muôn đời soi chung, cho phép trích công-quỹ lấy một trăm nén bạc để chi phí về dịp lễ khánh-hạ.

LỜI CHUA

(1) Lê-Thái-Tổ có 2 con trai. Trưởng là Tư-Tề, do chính phi Trịnh thị-Ngọc-Lũ sinh ra, đã được phong làm Thái-Tử. Vì ham mê tửu sắc, bị giáng làm Ai - Quận - Vương.

Thái-Tông là con thứ, húy Nguyên Long, do Phạm-thị-Ngọc Trân sinh ra. 11 tuổi, lên ngôi Hoàng - Đế, ở ngôi 10 năm, thọ 20 tuổi.

Thái-Tông có 4 con trai: Trưởng là Nghi-Dàn (do Nguyễn-thị-Quý sinh ra). Trước đã được phong làm Thái-Tử, sau vì tội bị giáng làm Lạng-sơn-Vương. Mẹ là Thị-Quý, vì tội liên can cũng bị giáng làm vợ thường dân. Thứ 2 là Khắc-Xương, thứ 3 là Bang-Cơ (tức Nhân-Tông)

(2) Một ngày muôn việc, làm vua bận việc túi bụi suốt ngày.

(3) Sinh - đồ cũng như Tú Tài bây giờ.

BÀ THỨ - PHI

Cách đây một tháng, đúng giờ Ngọ hôm rằm tháng tám, ở trên bãi sân rêu, trước túp nhà lá giọt nát, phen vách xiêu gieo gần đổ, người ta thấy ngựa xe tấp nập, quan khách rạp riu, nào cò quạt võng lọng, nào xiêm áo mũ mấn, đỏ rực một vùng, như đám mở hội rước thần vậy. Ngôi nhà ấy chính là nơi bà Ngô-sinh-Đồ trút sạch bụi trần, trọn tiết cùng người quân-tử. Từ khi bà khuất núi, ít người qua lại, cô Bình và cậu em trai xa cách mỗi người một nơi, ngôi nhà giao cho một bà già trong họ ở nhờ. Bà già vì cảnh nhà nghèo, lặn lội đi làm thuê làm mướn, quanh năm ngủ nhờ ngủ đậu, ít khi ở nhà, nên chỉ xiêu gieo tiêu tụy như thế.

Hôm ấy là ngày rước sắc phong cho bà sinh-đồ, sau lễ sắc phong trọng thể đó, là lễ tấn phong Ngô-thị-Bình (con gái bà tiết phụ Ngô-sinh-đồ) lên ngôi thứ-phi của Lê-thái-Tông. Tuy có dân làng và bà con đến quét dọn sửa sang nhưng nhà vốn đã cũ nát hoang tàn, khó mà làm cho trắng lẹ nguy-nga được, — chẳng qua chỉ gọt gâng sạch sẽ được đôi chút mà thôi, còn cái cảnh nhà gieo nát, hay sân rêu giậu đổ, thì vẫn còn y nguyên như cũ.

Người ta nhận thấy :

Ở giữa sân bày một cái hương án hướng về phía nam, trên hương án có một mâm bông ngũ quả và một đỉnh trầm khói bốc nghi ngút. Trước hương án, dựng một tấm biển sơn son thiếp vàng, khắc 4 chữ « Tiết liệt phong cao », phủ trên có đoạn nhiều điều đỏ chói, tàn quạt che kín không để lọt ánh sáng mặt trời. Đứng bên tả là một ông Khâm-mạng, mặc triều phục, tay cầm cò mao-tiết, tay cầm đạo sắc phong giấy vàng; đứng bên hữu là một ông cụ già, trưởng tộc họ Ngô, khăn nhiễu, quần điều, áo thụng lam. Ngô-thị-Bình và cậu em trai, khăn áo chỉnh tề, đều đứng trước quay mặt vào phía hương án, biển vàng.

Dứt ba hồi chiêng trống, cụ già trưởng-tộc đọc tiểu-sứ bà tiết phụ như sau :

Tiết - phụ tên là Trần-thị-Tuyết-Anh, quán tại làng Phúc-lộc, huyện Thụy-Nguyên, tỉnh Thanh Hóa, vợ cả Ngô-sinh-đồ. Hóa chồng từ khi còn ít tuổi, chịu khổ ở vậy thờ chồng nuôi con, không vì hoàn cảnh mà đòi tiết. Lòng son sắt, gia kiên-trinh, đáng làm gương cho hậu thế !.

Cụ già vừa dứt lời, ông Khâm-mạng liền mở tờ giấy vàng ra, giởng giác lên tiếng đọc ;

Thay trời dấy vận, Hoà - dễ phán rằng :
Muốn chính phong tục, phải trọng cương thường ; muốn trọng cương thường, phải nêu danh tiết. Trần-thị-tuyết-Anh, kiên trinh có một, nữ trung hào kiệt, danh tiết không hai. Hồ mặt tài trai, cường bạo giám xâm lăng trinh nữ ; xứng vai liệt phụ, trước sau thề thiết thạch tâm can. Trong như tuyết trắng như ngà, gương trinh vằng vặc ; bia còn tên sử còn truyện, gia sắt huy hoàng, Nhà trọng, luân - thường, nước còn ân điển.

SẮC TỬ KIM BIÊN :
" TIẾT LIỆT PHONG CAO "

KHÂM THỪ.

Dứt lời ông khâm-mạng, ban âm nhạc cất tiếng du dương, thỉnh thoảng có tiếng chiêng tiếng trống điểm xen vào, cùng một tràng pháo nổ inh tai nhức óc.

Ngô-thị-Bình cùng cậu em trai vái trước hương án, rồi theo người nhà, đứng ở bên tả bàn thờ ông bà Ngô-sinh-đồ. Đứng trước bàn thờ làm lễ xong, chị em cô Bình lại theo người nhà rước tờ giấy vàng sắc phong ra mộ bà Ngô-sinh-đồ làm lễ và đốt tờ giấy vàng ấy ở trước mộ ; có ý để báo cho bà Ngô-sinh-đồ ở dưới suối vàng biết rằng bà đã được sắc phong rước rở ấy.

Làm lễ ở mộ xong, chị em cô Bình lại theo bà con về nhà. Ở nhà, người ta đã bày nghi-vệ tấn phong Thờ-

phi, kiêu hoa và võng lọng cở quạt đã xếp đặt chỉnh tề để đợi giờ làm lễ tấn-phong và lễ thân nghinh. Cô Bình đi khắp nhà trong nhà ngoài chào mời tân khách và thân thích, tỏ ý cảm ơn. Truyện trò niềm nở một hồi lâu, chợt mấy hồi trống cái nổi hiệu thúc giục. Cô Bình vội vàng từ giã bà con, ra trước hương án nhận sắc thụ phong ngôi thứ-phi, do ông khâm-mạng trao cho, Rồi xiêm áo xênh xang, giồng giac bước lên kiệu.

*Sẵn sàng phượng liên loan nghĩ,
Hoa quan phấp phới hà y rõ ràng,
Đứng cở giồng trống lên đường,
Trúc tơ nổi trước kiệu vàng cất sau.*

Kiều hoa vừa đến cổng thành, thì trên lũy cao hăng mấy chục lá cờ ngũ hành to bằng chiếc chiếu, từ từ kéo lên phấp phới, trong hoàng cung phát súng nổi hiệu. Lê-Thái-Tông ra tận cổng thành nghênh tiếp.

Lê-Thái-Tông từ khi đón được Thị-Bính làm thứ-phi, rất lấy làm sung sướng, kính yêu chiều chuộng như bạn. Tự tin là mình có phúc lấy được vợ hiền, chọn ngày tốt làm lễ cho thứ-phi cầu tự. Thứ-phi nằm mơ thấy: đức Thượng-đế sai một vị tiên đồng xuống làm con, rồi cho làm vua nước Nam; vị tiên-đồng chê nước Nam nhỏ, không chịu đi; Thượng-đế truyền cho thêm đất nước Chiêm-Thành nữa, tiên-đồng cũng vẫn từ chối không chịu đi. Thượng-đế tức giận, cầm hốt ngọc đánh vào trán tiên-đồng chảy máu lênh láng. Từ đó, thứ-phi có mang. Tin mộng-triệu đồn ầm ỹ, các cung phi đều ghen tức. Một cung phi: Nguyễn-thị-Quý có con trai tên là Nghi-Dân, đã được phong làm Thái-tử. Vì ghen tuông tức tối, và sợ thứ-phi sau này mà sinh con trai đúng như trong mộng, thì ngôi báu chắc không thể về tay Nghi-Dân được. Hai mẹ con đêm ngày bàn định tìm cách hãm hại thứ-phi nhưng chưa có dịp. Một dịp may cho mẹ con Nghi-Dân được thỏa thích vu oan giá họa, là: thứ-phi có mang đủ

9 tháng 10 ngày mà không để. Thái-Tông và cả Triều-đình mong từng giờ từng ngày. Hết ngày ấy đến ngày khác hết tháng ấy sang tháng khác, thứ-phi vẫn không để. Trong ngoài đồn đại đặt để những tiếng không hay cho thứ-phi, Mẹ con Nghi-Dân được dịp lên tiếng để hăm hại; lại thêm có Ngọc-Anh (tức là Tuyên-Từ Hoàng-Hậu, sinh ra Nhân-Tông) đương oán ghét thứ-phi, cùng nhau bàn tán, đồng thanh kết tội thứ-phi, tâu xin tuyên án tử-hình. Trong khi chờ đợi sắc - chỉ, thứ-phi phải tam giam vào chuồng ngựa, quân lính canh phòng rất nghiêm ngặt

NỖI OAN ĐÃ TỎ

Một đêm khuya, trước ngày thi-hành lệnh voi giầy thứ-phi, Lê-thái-Tông nằm mộng thấy một ông cụ già đầu tóc bạc phơ, đứng bên cạnh giường ghé vào tận tai mà phán rằng: «Sao giám cho voi giầy đấng thiên thần?». Lê-thái-Tông chợt tỉnh, cả sợ, vội vàng cho triệu đình thần ngay lúc nửa đêm để bàn định ra lệnh xóa bỏ tội voi giầy thứ-phi.

Sáng sớm hôm sau, sứ mệnh đến pháp trường, vừa đến nơi thì đã thấy người sùm quanh thứ-phi như đám hội, mà 4 con voi thì đương quỳ ở trước mặt thứ-phi. Hỏi ra mới biết là lệnh voi giầy đương thi hành, 4 con voi khi lại gần thứ-phi thì chỉ quỳ phủ phục, mà không giám giầy lên trên. Sứ mệnh vẫn vũ đều tin là đúng mộng triệu của vua, vội vàng đón thứ-phi ra ngoài, tìm chỗ để người ngồi yên nghỉ, và triệt bãi ngay hình phạt nghiêm khắc ấy. Rồi về triều phục mệnh. Thái-Tông nghe lời gièm pha của mẹ con Nghi-Dân và Tuyên-Từ Ngọc-Anh, tuy tha cho thứ-phi tội chết, nhưng vẫn ghép vào tội phát lưu.

Tướng quốc Nguyễn-Trãi được tin thứ-phi bị đầy ải, bèn cùng Thị-Lộ họp bàn, ân cần than thở:

«Tiên-đế Lê-Thái-Tồ năm gai nếm mật, mười năm mới giúp được quân Minh, bình định được thiên hạ. Đối với giang sơn, đáng phải được phần thưởng rất hậu. Thế mà con trưởng là Thái-tử Tư-Tề, hoang dâm vô độ, phải liệt vào hàng bất hiếu. Vua ta bây giờ (chỉ Lê-Thái-Tông) là con thứ vào nối ngôi, tuổi còn trẻ, người lẳng mạn, cũng có tính đam mê sắc dục như anh; tuy sinh được mấy ông con, nhưng xem ra chưa có ai đáng được hưởng thụ, lại còn e có người ngỗ nghịch, có người bất đắc kỳ tử nữa, là khác. (1) Nay chỉ còn mong vị thần-nhân ở trong thai thứ-phi, đề kế nghiệp nhất thống, và làm cho rạng vẻ công nghiệp của tiên tổ. Nếu thứ-phi bị hại thì cơ đồ nhà Lê sẽ sụp đổ theo liền. Ta càng nghĩ càng lo, ta cần phải tìm cách cứu ngay thứ-phi, không thể đề chậm, một giờ một khắc nào được nữa.»

Nghe lời Nguyễn-Trãi nói xong, Thị-Lộ liền xin đi cứu thứ-phi. Thị Lộ thân hành đến tận trại giam, lập mưu vào thăm thứ-phi, tìm cách khôn ngoan, đang đêm giắt được thứ-phi ra ngoài, rồi đưa về an-dưỡng tại chằm Văn-Chương (2), để đợi ngày sinh nở. Thị-Lộ đã làm tròn phận sự, theo đúng ý muốn của Nguyễn-Trãi.

LỜI CHUA

(1) Cụ Thái-Tông có 4 con trai; Trưởng là Nghi-Dân, người hư hỏng, có nhiều tội lỗi. Thứ hai là Khắc-Xương, rút rút dần độn quả. Thứ ba là Bang-cơ, có tướng non yếu, vô-tự. Tức là Nhân-Tông, sau bị Nghi-Dân khởi loạn giết chết. Nếu không có thần-nhân ở trong thai thứ-phi là Lê-thành-Tông, thì cơ nghiệp nhà Lê sụp đổ. Nguyễn-Trãi thực là bậc tiên-tri.

(2) Chằm Văn-Chương xưa kia thuộc về huyện Thọ-xương, cây cối um tùm như rừng. Nay dân cư đông đúc, đổi tên là làng Văn-Chương, thuộc Đại-Lý Hoàn-Long, ngoại-thành Hà-nội.

SINH CON THÁNH

Ở chằm Văn - Chương nường nấu đúng 12 tháng, — vào hồi đầu giờ Sửu, ngày 20 tháng 7 năm Nhâm - Tuất Thái-bảo thứ 3, đời Lê-thái-Tông (1442), thứ-phi sinh con

trai, trên trán có một cái sẹo, đúng như trông mộng, khôi ngô đĩnh đạc, phong thái khác thường, rõ một vị thần-nhân, ai trông thấy cũng phải kính sợ. (1)

Lê-thái-Tông được tin, mừng rỡ khôn xiết, cho là đúng mộng triệu của mình, bèn truyền xa giá đón cả hai mẹ con thứ-phi về cung, đặt tên húy cho con là Hiệu. Hiệu nghĩa là rộng rãi bao la, có ý nói: bọc thần-nhân cao cả, người phàm không ai sánh kịp. Muốn để kỷ-niệm giấc mộng của Lê-thái-Tông, đình thần tâu xin giáng tôn húy là Từ-Thành, có ý-nghĩa là: lòng thành kính của nhà vua cảm động được trời đất, nghĩ làm sao được đúng như vậy.

Thái-Tông càng kính yêu mẹ con thứ-phi bao nhiêu, thì lại càng căm giận mẹ con Nghi-Dân bấy nhiêu. Thế rồi khép mẹ con Nghi-Dân vào tội phản-tọa, nghĩa là cũng phải tội voi giầy như người đã bị oan vậy.

Được tin mẹ con Nghi-Dân bị tội voi giầy, thiên hạ ai cũng lấy làm hả, chỉ mong từng giờ từng phút cho chóng đến ngày thi hành, để xem mặt mẹ con người hung ác kia. Đúng ngày, mờ mờ sáng, người ta đã kéo nhau lũ lượt, không biết cơ man nào mà kể, đứng đầy cả quanh chẩm Văn-Chương, để đợi giờ xử quyết. Chỗ thì xôn xáo nói: Chẳng chết mẹ con nhà ấy thì chết ai? Chỗ thì rì rầm bàn tán: Thứ-phi bị oan, nay mới được rửa hờn, hôm nay chắc thứ-phi phải được hả giận. Chỗ thì nhức mồm: Thế mới đáng kiếp! Thương gì mẹ con người ấy? Trời nào chứng con người độc ác ấy? Nào là Hại nhân nhân hại, Nào là, — Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều.

Đương xôn xáo bàn tán, người ta trông thấy 4 con voi đi lững thững qua đám đông người, ra chỗ pháp trường, nơi mà Nguyễn-thị-Quý cùng Thái-tử Nghi-Dân đương chờ để phục tội. Rồi kéo nhau sùm sít vòng trong vòng ngoài, chen vai nghếch trông, ai cũng chăm chăm để mắt vào chỗ

4 con voi và chỗ 2 mẹ con Nghi-Dân đứng. Chợt thứ-Phi bế con đến, đến ngay chỗ pháp-trường, đứng liền với mẹ con Nghi-Dân. Đứng chung quanh vòng ngoài trông vào, ai cũng lấy làm ngạc nhiên, sao mẹ con thứ-phi cũng đến làm gì? Nhiều người bàn tán: « Có lẽ thứ-phi đến để chứng kiến, muốn trông thấy đích thực cho hả gia. Nào là; Chuyến này thì mẹ con Nghi-Dân hẳn bỏ đời. Nào là: Có thứ-phi ở đấy, thì mẹ con Nghi-Dân còn trốn lên mây. Nào là: Trông thứ-phi hiền hậu hoàng-tử ngây thơ, đáng thương đáng quý, thoát tội là phải; trông Thị-Quý nanh ác, Thái-tử hung tợn, vu oan giá họa, đồ xấu cho người, đáng khinh bỉ, đáng chán ghét, trông mặt đều lộ tướng bất đắc kỳ tử, bị tội voi giầy là phải. Sao không thi hành mau lên, cho hả gia thứ-phi đứng kia, và cho hả gia thiên hạ? »

Hết ba hồi trống cái, tiếng loa thét ở trên chòi cao: Vạn dân tĩnh túc, phụng mạng thi hành.

Dứt tiếng loa, 4 con voi lưng thưng đến trước thị-Quý và Thái-tử Nghi-Dân, con nào con ấy đều 2 tai phe phẩy, đầu gật gù, vòi dài lê thê, ngoắt lên ngoắt xuống giữa đôi ngà vừa trắng vừa dài, như hai cái bơi chèo, tiếng rống hét vang ầm rùng rợn cả một vùng. Chợt thứ-phi bế hoàng-tử Hiệu đến, đẩy mẹ con Nghi-Dân ra ngoài để mẹ con mình đứng vào chỗ chịu tội thay, Triều-thần súm lại gỡ cho mẹ con thứ-phi, rồi mời ra ngoài mà thưa rằng: Thưa lệnh bà, trước kia mẹ con Thái-tử Nghi-Dân vu tội ác cho lệnh bà, để lệnh bà bị khép vào cực hình, thì nay họ bị tội phản-tọa, phải chịu cực hình thay lệnh bà. Giám xin lệnh bà ra ngoài, để cho Triều-thần phụng hành quốc pháp.

Thứ-phi kêu nài xin tha tội cho mẹ con Nghi-Dân, vì can-phạm một lần đầu, bao giờ cũng được pháp-lệnh khoan hồng tha thứ, huống chi mẹ con Nghi-Dân chưa phải là người có tội.

Triều-thần không nghe, nói:

Tội mẹ con Nghi-Dân đã hiển nhiên, pháp luật đã quyết định, có chữ châu-phê của thánh-thượng. Nay chỉ còn việc phụng mệnh thi-hành, không thay đổi được nữa. Xin lệnh bà đừng kể lể lời thôi, để cho chúng tôi làm việc.

Thấy triều-thần không nghe lời kêu nài của mình, lại một mặt cứ quả quyết xúc tiến việc thi-hành, thứ-phi bèn bế con lăn xả vào chỗ mẹ con Nghi-Dân đứng, nắm xống xướt mà kêu to lên rằng:

Ôi trời đất ôi! Mẹ con tôi hiện còn sống đây, thì mẹ con người ta chưa phải là kẻ có tội. Muốn khép tội mẹ con người ta, thì phải để cho voi giầy mẹ con tôi trước đã. Sao lại khép tội oan cho mẹ con người ta như thế? Đây, mẹ con tôi đây, xin cho voi giầy trước đã.

Thấy thứ-phi bế con lăn xả vào, kêu gào thảm thiết như thế, hết thấy ai cũng lấy làm cảm động, không nỡ thi-hành; vả lại thứ-phi ngăn cản một cách ráo riết quá, nếu triều-thần có quả quyết cho lắm, cũng bị ngăn trở không tài nào thi-hành được nữa. đành phải hoãn lại công việc, mà làm sơ tấu vậy.

Thái-Tông nhận được sớ tấu của triều-thần, rất khen ngợi thứ-phi là người có lượng; vì cảm động quá mà không nỡ gia-hình mẹ con Nghi-Dân nữa. Liền giao đình thần thương nghị, có thứ-phi dự bàn đề góp ý kiến. Thứ-phi can thiệp mãi, mẹ con Nghi-Dân được miễn tử-hình. Rồi có lệnh-chỉ giáng Thị-Quý xuống làm thường dân, giáng Thái-tử Nghi-Dân xuống làm lạng-sơn vương.

LỜI CHUA

(1) Làng An-Lão, huyện Thư-Tri, tỉnh Thái-Bình, có đền thờ Quang Thục Hoàng Thái Hậu (tức thứ-phi Ngọc-Rao, sinh mẫu Lê-thánh-Tông) ở đấy còn bia kỷ-niệm, còn nhiều di tích, tỏ rõ rằng: Quang Thục Hoàng Thái-Hậu đã sinh Lê-thánh-Tông ở đấy.

Người ta đã quả quyết rằng: Thứ-phi Ngọc-Rao được Thị-Lộ cứu thoát nạn, đem về giấu ở Chằm Van-Chương. Sau việc vỡ lở. Thị-Lộ lại phải di-chuyển về làng An-Lão, rồi sinh Lê-thánh-Tông ở đấy.

Nên ở đấy có đền thờ Quang-thục Hoàng-thái Hậu.

Còn ở Chăm Văn - Chương thì : Quang-thục Hoàng-thái-Hậu bẽ con là Thánh - Tông, mới sinh chưa đầy một tuổi, về ngay chỗ thi-hành lệnh voi giầy mẹ con Nghi-Dân. ; cứu xong, bà liền ở ngay đấy với con, đề xuất gia tu hành, thổ dân dựng chùa Dục Khánh để bà ở làm trụ-trì. Khi Lê-thánh-Tông lên ngôi trị vì, ra lệnh cho thổ dân dựng thêm điện Hoa-văn ở bên ngoài chùa để thờ vọng. Lâu ngày, dân nhớ lắm, nên đã dựng bia kể rõ nơi sinh của Lê-thánh-Tông ở thôn Hoa-văn, thuộc làng Văn - Chương.

NGUYỄN - THỊ - LỘ

NGƯỜI, - KHÔNG PHẢI RẰN.

Trước khi chưa gặp chân-nhân Lê-Thái-Tổ, Nguyễn-Trãi thường đi khắp nước để tìm bạn đồng-chí diệt thù cứu quốc. Một hôm lần mò lên núi Tản-viên, vừa đến bến Triệu - Xuyên thì trời đã nhá nhem tối. Nguyễn-Trãi phải vào trong làng xin ngủ trọ một đêm để sáng hôm sau đi sớm.

Nhưng không nhà nào giám chứa, vì hồi bấy giờ quân Miuh đương hoành hành, thường cải-trang giả làm người Nam trà trộn vào dân chúng để bóc lột, nên đâu đâu cũng có lệnh cấm chứa trọ, khám xét rất ngặt.

Đêm tối như mực, lại trời mưa như trút nước, Nguyễn-Trãi phải dò từng bước ra bến sông, chực thuê thuyền sang bờ bên kia, nếu có ai cho trọ thì trọ, nếu không thì cứ lần mò đi mãi cho đến sáng.

Hỏi thuyền, vì đêm hôm mưa bão không thuyền nào giám đi. Hỏi trọ, trên bờ bến chỉ có một nhà, không phải hàng cơm, cũng không phải hàng nước : nhà tranh có hai gian chật hẹp : gian ngoài bị bão tốc mất một nửa mái, còn một mái bị nước hắt lênh láng đầy thềm, gian trong chỉ dùng được hai giường, chỗ vợ chồng nằm, chỗ hai đứa con nằm, chỗ chất củi rác, chỗ mấy ổ chó, mấy bu gà, không còn chỗ nào len chân đứng được nữa.

Bất đắc dĩ, Nguyễn-Trãi cứ vào, đánh liều hỏi trọ. Ông chủ nhà ra tiếp, hai tay nâng áo tơ che đầu ở dưới mái vừa hắt vừa giọt, thực tình kể cho khách nghe, và lại đốt đuốc để khách ngó vào nhìn cho biết cảnh huống ở gian bên trong, Nguyễn-Trãi đã lấy làm thất vọng, không giám nghĩ thêm ý - kiến gì nữa, chỉ bần thần và ngẫm ngẫm lo ngại một mình mà thôi: ở đây tất không được, đi đâu bây giờ? bao giờ cho đến sáng?

Chủ-nhân trông thấy đáng điệu khách, nể cũng thương tình, không nỡ từ chối, bèn nói: Nhà cháu đây thật là chật hẹp, và mưa bão đổ mất nửa mái nhà, đấy ngài trông, tình cảnh thực là khổ? — Nhưng ngài là khách qua đường, đêm hôm lỡ bước, may cho tôi được dịp gặp quý nhân, lẽ nào để quý nhân phải ân hận. Nếu quý nhân không nề hà chật hẹp ẩm thấp, tôi xin xếp chỗ để quý-nhân nghỉ. Nói xong, liền vào nhà trong lăm dăm bàn tính với vợ, nhường hẳn một giường nằm cho khách, còn hai vợ chồng thì che cút ở nhà ngoài để nằm. Mời khách vào nhà trong rồi, chủ nhân đứng chấp tay thưa một cách rất kính cẩn:

• Thưa ngài, ngài đi từ xa đến, tất chưa cơm nước gì. Xin thối cơm ngài xơi tạm cho đỡ đói lòng.

Khách đáp: Thực tình, từ sáng đến giờ chưa ăn cơm, đói lòng quá. Nhưng cũng có thể nhịn đến sáng đi sớm, không giám phiền ông; ông cho ngủ trọ lúc này, thực phúc to lắm rồi.

— Không mấy khi rông đến nhà tôi, cả nhà tôi rất lấy làm sung sướng. Nếu không gặp dịp này, thì dầu tôi có lầu son gác tía, mâm ngọc đĩa ngà, hồ rêu đã được ngài chiếu cố đến. Xin ngài cứ thực tình, để vợ chồng con cái chúng tôi được hả gia.

Nguyễn-Trãi chưa kịp trả lời, thì chủ-nhân đã chạy xuống bếp gọi em gái rây, thịt gà làm cơm. Bếp là một chái hẹp, chỉ đủ bắc bếp đun nấu của một gia-đình

thời. Cô em gái, mọi khi vẫn ngủ ở nhà ngoài trông nhà. Hôm ấy vì trời mưa bão, gian nhà ngoài bị tốc một mái, nên phải vào nằm tạm trong chái bếp. May vừa ngớt mưa, em gái dậy, cùng bà chủ gióm bếp nấu nước thịt gà làm cơm. Ông chủ, miệng đu tay bế thằng cu con mới lên 2 tuổi, đương quấy khóc vì mẹ nó bận ở dưới bếp, chạy ra chạy vào, vừa thu xếp chỗ ngủ cho khách, vừa pha nước mời khách uống.

Khách vì đi xa mệt nhọc, uống mấy chén nước xong, nằm nghỉ cho đỡ mỏi lưng. Một lúc chưa lâu, đã thấy cô em bung mâm cơm lên, bà chủ nhà tay cầm be rượu, tay bung thùng cơm theo sau. Ông chủ tay bế con bé, tay thu gọn ấm chén, đứng mời khách:

Rượu ngài rây xới cơm ạ.

Bà chủ: Tối tắm mưa gió, cơm xoảng, xin ngài chiêu cổ cho. Cô em gái: Quê mùa uộm thuộm, mong ngài thứ lỗi.

Khách ngồi rây cảm ơn hỏi:

Gà đâu sẵn thế? Đêm hôm bày vẽ làm gì thế này?

Chủ: Gà, cô cháu vừa mang ở trong quê ra chiều nay. May quá, nếu không thì ở đây đêm hôm, rau cũng không có mà ăn. Ngài thực là đức to mà lại tốt lộc, tự trời run rủi.

Khách vừa chén vừa nói truyện, chủ ngồi bên cạnh rót rượu xới cơm hầu truyện.

Khách: Quê ta ở gần đây à? Thế ra đây không phải là chính quê ư?

Chủ: Quê nhà cháu ở cách đây một cánh đồng, cũng không xa lắm, Còn đây là quê mẹ cháu. — Vì nhà cháu có nghề buôn thuyền, phải bán nhà đất ở trong làng, lấy tiền ra đây mua vật liệu dựng lên mấy gian nhà lá ở bãi đất công, tiện bến cho rẽ ngược xuôi buôn bán.

— Gia-đình nhà ta ở tất cả đây hay sao?

— Ở đây chỉ có 2 vợ chồng tôi và 2 đứa con; đứa

con gái lên tám tuổi, cháu đương nằm ngủ ở giường bên kia, thằng cu bé đây, cháu quấy lắm. Còn cô em gái đây thì ở trong quây với bà cháu, thỉnh thoảng ra chơi.

Cơm no rượu say, khách xĩa răng uống nước xong rồi, cả nhà đi ngủ. Trời lại mưa bão, mưa bão to hơn lúc chiều và lúc chập tối. Vợ chồng chủ nhà không thể ngủ ở nửa gian nhà ngoài được, vì mưa hắt dũ quã. Lại phải chạy vào nằm chen chúc ở chiếc giường con bên trong. Vừa gion giẹp, vừa che đây, vừa con khóc, vợ chồng lĩnh kinh suốt đêm.

Khách nằm một mình một giường rộng rãi êm thắm, nghĩ cảnh chủ, cảm lòng không dặng, bèn mời ông chủ cùng nằm chung giường cho tiện, nhưng ông chủ không giám. Thấy chủ trọng đãi mình một cách đặc biệt, Nguyễn-Trãi rất cảm động, cũng trần trọc thâu đêm không ngủ. Nghĩ vợ nghĩ vãn, phần cảm tình chủ, phần ngao ngán nỗi mình.

Sáng tinh sương, khách rậy cáo từ để đi sớm, chủ nhất định mời khách ở lại chút nữa xơi nước. Khách vừa rửa mặt uống nước xong, thì cô em gái bung mâm cơm ra, mời khách xơi tam miếng cơm, rồi sẽ lên đường. Không đợi khách từ tạ, cô em nói tiếp luôn:

Từ đây lên Ba-Vì còn xa lắm. Tuy trông thấy tưởng gần, nhưng đường khuất khúc quanh co, phải đi riết thì chiều tối mới đến nơi. Xin ngài xơi cơm no rồi sẽ đi, kéo đường rừng ít người qua lại, không có hàng quán.

Hai vợ chồng chủ nhà cũng cố mời. Tứ chối mãi không được, Nguyễn-Trãi đành phải ngồi nán lại ăn xong bữa cơm rồi mới đi. Nguyễn-Trãi vừa bước ra khỏi cửa, thì cô em gái chủ nhà chạy theo đưa cho một mớ cơm nắm, giặn rằng: trong có cơm và trứng, muối, cầm sẵn đi đường, phòng đi xa, lỡ lúc nào đói thì ăn.

Trông thấy hai tay nồn nà và lời nói quẽ mua êm dịu, lại cảm lòng thành thực của cô bé, Nguyễn-Trãi vui lòng nhận ngay. Ngổ ý cảm ơn và hẹn khi nào về qua, sẽ lại vào thăm.

Khi đi đường, Nguyễn-Trãi lúc nào cũng nghĩ đến lòng tốt của vợ chồng chủ-nhân, và lúc nào cũng tỏ tưởng đến đáng điệu cùng lời ăn tiếng nói của cô em gái. Xế chiều đã đến chân núi Ba-Vì, nhưng leo trèo quanh co mãi hết trống canh một mới đến cửa đền trung. Cửa đền đóng chặt, Nguyễn-Trãi gõ mãi không thấy mở, tức mình đâm đập như phá, làm cho trong đền phải nồn nao, tưởng là giặc cướp, không ai dám ra mở cổng, cứ ngủ kỹ. Sư cụ ở chùa trong năm mộng có một vị tướng-quốc đương chờ ở cổng đền. Sư cụ chợt tỉnh, giục người nhà ra cổng đón tướng-quốc. Người nhà đốt đuốc ra cổng đón, chỉ thấy một ông đương ngồi ngủ gục. Liền đánh thức mời vào, bạch sư cụ để cho ngủ ở dưới tam-quan. Sư cụ thân hành ra đón, kể lại giấc mộng, rồi kinh cần mời vào nghỉ ở gian bên cửa tam-bảo. Trước hết pha trà, rồi sửa soạn chăn chiếu tiếp đãi vào bậc thượng khách.

Nguyễn-Trãi cảm tấm lòng của sư cụ, và mừng thăm vận-mệnh của mình chắc sẽ được y như giấc mộng. Vì mừng quá đôi mà không ngủ được. Đương trăn trọc thì sư cụ, ở trong nhà tổ chạy ra báo Nguyễn-Trãi rằng: Lại vừa nằm mộng thần nhân báo có vị "thượng-tướng" đương đợi ở cổng ngoài. Sư cụ vừa nói vừa giục người nhà đốt đuốc ra đón. Vì sư bác ban nầy đã vác đuốc ra cổng đón Nguyễn-Trãi, đêm hôm mất giấc ngủ, chẳng thấy Tướng-quốc đâu, chỉ thấy một ông củ rú củ rù chẳng có tinh tướng gì cả, đã một phen bực mình. Nay lại một ông Tướng nữa, lại làm mất giấc ngủ nữa, sư bác phát cáu:

Sao mà lằm tinh tướng thế? quấy rầy suốt đêm, mất cả ngủ!

Sư bác cầm đuốc ra mở cổng, chẳng thấy một ai. Soi đuốc vùng ra tận ngoài xa, đến một gốc cây gạo, thấy một người mặc quần áo nâu cộc, nằm gối đầu lên đồng rễ cây ngáy kho kho, bên cạnh có một gánh dầu. Sư bác chạy về bạch sư cụ, và xin đóng cổng lại để đi ngủ.

Sư cụ : Thần đã báo mộng như thế, chắc người ấy là Thượng-tướng đấy ! Ta nên đón vào.

Sư bác : Tướng với ta gì đồ chết giẫm ấy ! quần áo bẽ rạc, nằm xóng xượt, ngáy rống như bò. Đích là anh lái buôn dầu, vì có gánh dầu ở bên cạnh.

Sư cụ : Thần đã báo mộng, ta cứ hồ nghi, nên kịp đón vào.

Sư cụ nói xong liền cùng sư bác ra cổng nghênh tiếp. Sư bác gàn mãi không được, đành phải cầm đuốc thoe sư cụ ra cổng, mồm cứ lầm bầm :

Mộng với mơ ! chỉ rước những của nợ ấy vào mà hầu. Đêm hôm mờ mịt, mua lấy vất vả vào thân, — rõ là bực mình !

Thế rồi đón được ông hàng dầu vào. Sư cụ giới thiệu 2 ông với nhau, và kể câu truyện thần mộng. Cả 2 ông đều lấy làm mừng, vì thần đã báo cho biết được gặp đồng-chi. Rồi cùng xưng họ tên và quê quán, cùng nhau kết nghĩa làm bạn tâm-phúc.

Ông vào trước xưng tên là Nguyễn-Trãi, quê ở làng Nhị-Kê, tỉnh Hà-nội (nay thuộc tỉnh Hà-dông), — ông vào sau xưng tên là Trần-Nguyên-Hãn, quê ở làng Hoắc-Sa, thuộc tỉnh Sơn-tây.

Trong khi đàm đạo, có nhiều câu ý hợp tâm đầu, có nhiều câu hứa hẹn. Đang đêm 2 ông rủ nhau thắp hương làm lễ sơn thần, yêu cầu năm mộng tìm cho được chân nhân, để cứu nước. Sơn thần báo mộng : Không nên tiết lộ thiên-cơ, chân-nhân là ai ? người ở đâu ? Không thể cho biết được. Muốn biết, phải đến hỏi bà Tiên-Dung.

Sáng rầy thật sớm, 2 ông làm lễ tạ sơn thần, rồi từ-giã sư cụ, cùng giắt tay nhau ra về, hỏi lối đi Tự-nhiên-Châu, tức Chằm Dạ-Trạch (thuộc tỉnh Hưng-yên bây giờ) để bái yết bà Tiên-Dung, xin năm mộng gặp chân-nhân.

Trong khi đi đường, Nguyễn-Trãi kể cho bạn nghe nông nổi mưa bão đêm hôm trước ở trên bờ bến Triệu-Xuyên, và luôn luôn nhắc nhở đến tấm lòng quý-hóa của

2 vợ chồng ông buôn thuyền, cùng lời ăn tiếng nói, đáng điều yêu kiều của cô em gái nhà ấy. Nhân đói bụng, lại tiện có mo cơm nắm còn y nguyên, Nguyễn-Trãi lấy ra cùng ăn với bạn, vừa ăn vừa tán-dương cô em gái. Đương cơn đói bụng, miếng ngon nhớ lâu, ơn nghĩa cô em gái nhà kia lại càng in sâu vào tâm-khảm hai ông đồng-chí. Trần-Nguyên-Hãn khuyên Nguyễn-Trãi nên tiện đường vào qua tạ ơn cựu-chủ: một đêm nằm bằng một năm ở, và nhất là tạ ơn cô em gái: miếng khi đói bằng gói khi no. Thế rồi 2 ông lại giắt nhau vào túp lều tran ở trên bến đò cũ. Lúc bấy giờ, mới chập tối, vợ chồng chủ trọ và cô em gái đương giong giep đồ đạc để đóng cửa đi nghỉ; trông thấy khách quen, đều chạy ra đón chào một cách niềm nở. Chủ và khách đều tỏ vẻ mừng rỡ, hình như quen thân nhau đã lâu.

Tối hôm nay, cũng như tối hôm trước, chủ thiết tha khoản đãi cơm rượu; khách sã suồng như người trong một nhà, lại thêm một ông bạn mời nữa, truyện trò rả rich, chêm vào những câu khôi hài lý thú, làm cho cả nhà vui vẻ náo nhiệt.

Nguyễn-Trãi nằm lim dim ngủ, Nguyên-Hãn ngồi hỏi truyện lân la, trước hỏi truyện nhà, truyện buôn bán của ông chủ bà chủ, sau đến truyện cô em gái.

— Cô em tên là gì? bao nhiêu tuổi? Đã có chồng con gì chưa? vẫn ở đây buôn bán với ông bà hay sao?

Ông chủ ngồi im, bà chủ đáp:

Thưa hai ngài, cô cháu tên là Thị-Lộ, 19 tuổi. Vừa mới ở Tây-Hồ về được gần sáu tháng nay. Không giám giấu chi hai ngài, trước kia ở vùng này có nhiều giặc cướp lắm. Cô cháu mới 12 tuổi bị giặc Tàu bắt. Chúng định đem về Tàu. May khi sắp vượt qua biên giới, chỗ ấy rừng núi hiểm trở, có mấy người lương dân cũng bị bắt với cô cháu, thừa cơ lúc leo trèo, quân Tàu không để ý, họ cùng cô cháu đều trốn thoát được. Mấy tháng trôi lẩn lút,

lặn suối trèo đèo, vừa gánh thuê hoặc kiếm củi, vừa làm đũa ở hoặc đũa ăn xin, để gượng sống tìm lối về nhà. Từng trải bao nỗi gian nguy, ném đủ mùi đời cay đắng, lần mò về được đến Tây-Hồ, tưởng là nơi gần quê hương, tâm thần đỡ phần lo sợ. Nào ngờ ở đấy cô cháu lại gặp nhiều nỗi đắng cay hơn khi chui rúc ở nơi rừng xanh núi đỏ.

Số là : trong khi cô cháu còn đương trốn tránh ở trong rừng, một hôm có bà cụ già vào rừng kiếm củi, gặp cô cháu ở khe suối. Lân la trò chuyện, trước lạ sau quen. Bà già rủ cô cháu về kẻ chợ, hứa sẽ tìm cho công ăn việc làm, đủ đường no ấm, già già rồi sẽ liệu về cố hương. Nghe lời bà già nói như gãi vào chỗ ngứa, cô cháu liền vâng lời bà già, theo bà già về Tây-Hồ gần thành phố Hà-nội. Bà già, nhà bán hàng cơm, hiếm hoi chỉ được một mụn con gái, cùng tuổi với cô cháu, tên là Lan-Hương. Bà già nuôi cô cháu làm con nuôi, để làm bạn với Lan-Hương, và giúp đỡ công việc vặt trong nhà. Lan-Hương yêu cô cháu như chị em ruột, khi ăn khi ngủ lúc nào cũng quấn quít với cô cháu; chiều chuộng cô cháu hết sức, muốn gì được nấy. Bên hàng xóm có thầy đồ ngồi dạy học, cô cháu cũng được sang đó theo đòi bút nghiên với Lan-Hương. Bà già nhận là con đẻ, nhận là em Lan-Hương, đặt tên cho cô cháu là Cúc-Hương.

Thầy đồ thấy hai chị em có tài mà lại có sắc, liền ra cho 2 chị em một vế câu đối tức cảnh :

« Hoa khai tử muội cúc lan hương »

Thầy đồ tên là Đinh-Khánh-Sơn, biệt hiệu là Đầu-Ngưỡng. Cô cháu cũng tức cảnh đối ngay :

« Thế cảm sư nho sơn đầu ngưỡng »

Không nghĩ ngợi gì, cô cháu đối xong liền dịch nôm cả 2 vế như sau :

*Chị em hoa nở một nhà,
Cúc lan thơm ngát mặn mà cả hai.
Đạo thầy nghĩa nặng ơn giày,
Sáng như Bắc-đầu, cao tày Thái-sơn.*

Thầy đồ thấy nói chạm đến tên mình, không những không giận, mà lại còn phục là có tài ứng khẩu hoạt bát, lúc nào thầy cũng tấm tức khen ngợi, và đoán chắc là người phi thường, sau này sẽ làm được những việc phi thường.

Cô cháu cùng Lan-Hương đương thân mến nhau, học nghiệp đương tiến, đương cùng nhau vui hưởng trong cuộc đời tươi thắm. Thì bỗng dưng, vì sự tình cờ, cô cháu đã khám phá được Lan-Hương không phải là một người con gái, chính là một người con trai, đã cải trang ngay từ khi mới đẻ. Nguyên cha mẹ Lan-Hương, vốn nhà khá giả, nhưng số hiếm hoi, 5 lần sinh con trai, 4 lần đầu không nuôi được; lần thứ 5, sinh Lan-Hương, — Lan-Hương là tên con gái, muốn đặt như vậy để cho dễ nuôi. Ăn mặc lối con gái từ khi mới lọt lòng, cả nhà xưng hô đều lấy tên con gái, vì sợ lộ truyện thì trời phạt bắt đi mất, nên bố mẹ đều phải giữ kín, không giám thổ lộ một ly một tý nào con mình là con trai, — Lan-Hương đã nghiêm nhiên là một tráng thiếu nữ yêu kiều, không ai giám tưởng là con trai nữa. Cô cháu là người biết xem tướng, mà cũng không nhận được thực hay giả. Hơn một năm trời gần gũi nhau, không hề thổ lộ một chút nghi ngờ. Vì cuộc tranh luận về tướng số, cô cháu đã ngẫu nhiên khám phá được Lan-Hương đích thực là con trai. Sau khi đã khám phá được sự bi-ẩn của Lan-Hương, cô cháu liền tìm cách lảng xa, sang ở nhờ người chị em bạn bên hàng xóm.

Lan-Hương bị xa cô cháu, sinh ra buồn bã. Thường đêm ngày mơ tưởng đến cô cháu. Một hôm, sau khi nằm mộng gặp cô cháu, Lan-Hương làm một bài hát tức - sự gửi cho cô cháu :

Người đâu gặp gỡ ?

Hắn là duyên hay nợ kiếp tiền sinh ?

Bóng hắt nga thấp thoáng lúc đêm thanh,

Lời hải thệ sơn minh là thế thế.

Gót ngọc như in hồn Thục-Đế,

Hương trầm còn đượm bến Tiêu Tương.

suốt năm canh trăn trọc mơ màng,

Gấm cơ hội can tràng thêm bối rối.

Duyên tác hợp kia ai run rủi,

Lúc thanh nhân riêng hỏi ý trung nhân.

Ước gì mộng giả thành chân.

Cô cháu tiếp được bài hát, biết rằng Lan-Hương có ý khêu gọi mình, liền theo vần viết ngay 4 câu trên sáu dưới tám để trả lời :

Xưa nay trong cõi hồng trần,

Chung vòng mộng ảo ai phân tỉnh tao,

Truyện đời còn lắm chiêm bao,

Có không không có ai nào đã hay ?

Lan-Hương tiếp được thơ, biết rằng cô cháu có ý cự tuyệt, liền kể truyện với mẹ. Bà mẹ vốn lập tâm lấy cô cháu cho Lan-Hương, ngay từ khi gặp cô cháu ở trên rừng, thấy cô cháu có chút nhan sắc, lợi dụng trong cơn lỡ bước, rủ về nhà nuôi làm bạn với con, vừa được phúc lại vừa được món hời, là :

May ra phận đẹp duyên ưa,

Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén,

Thì con mình tự nhiên lấy được vợ hiền,

đỡ phần tốn kém.

Bà mẹ đương đình ninh trong gia mừng thầm, thì sảy ra cơ sự; bà mẹ đâm buồn, buồn vì tiếc công nuôi nấng tốn kém, mà chẳng nên cơm cháo gì. Trước còn

tim cách giỗ ngon giỗ ngọt, để mong cô cháu xiêu lòng, sau thấy cô cháu cố tình cự tuyệt, biết là không có hy vọng gì nữa, liền sinh lòng oán ghét, tìm hết cách nói xấu, lại còn thêu dệt những tiếng không hay, cố làm cho cô cháu tủi nhục, để lại phải quay đầu về luôn lụy bà ấy.

Hồi ấy cô cháu thực đã tủi nhục trăm đường, không biết lấy sống làm vui nữa. May được cô hàng xóm giúp đỡ: sẵn cửa hàng chiếu, ngày ngày cô cho gánh hàng đi bán, cốt trả đủ vốn, còn lời bao nhiêu thì lấy. Mấy tháng trời bán chiếu không phải bỏ vốn mà được lãi; ăn tiêu may mặc tạm đủ, lại được bạn thân khuyên giải, khuya sớm đỡ buồn.

Hồi đầu năm ngoài, được tin cô cháu đã về ở Tây-Hồ, cả nhà mừng rỡ. Bà cháu xuống đón. Hôm sắp về, còn một gánh hàng cô cháu quảy ra chợ bán nốt. Đi giữa đường, gặp một ông có vẻ văn-sĩ, để ý đến cô cháu, đọc một bài tứ tuyệt (thơ 4 câu) để đùa mát cô cháu. Bài ấy tôi vẫn nhớ, xin đọc:

*Ở ở đâu mà bán chiếu gon,
Có chồng hay chữa? được bao con?
Xuân thu phỏng độ bao nhiêu tá?
Ướm hỏi hàng cô chiếu hết còn?*

Cô cháu gánh hàng, cùng đi với bà cháu, đương nóng ruột bán nốt để về quê, thấy ông văn-sĩ đọc mấy câu hỏi đùa mát, cô cháu chẳng để ý gì đến tác giả, và cũng chẳng có tình ý gì khác, bèn họa theo vần đáp luôn bốn câu:

*Tôi ở Tây-Hồ bán chiếu gon,
Chồng còn chữa có hỏi chi con,
Xuân thu vừa độ giảng tròn lễ,
Ông hỏi làm chi chiếu hết còn?*

Ông văn-sỹ hình như có ý giận, theo dõi cô cháu mãi, đáng chừng muốn gặp mặt để trách mắng chi đó; cô cháu vừa thẹn, vừa sợ mẹ mắng, cứ phải cúi gục mặt xuống mà đi cho nhanh. Cách một quãng xa, ông văn-sỹ không theo kịp, quay đi đằng khác, thế là thoát nạn. Mẹ con thẳng đường về nhà, may được trời chảy không gặp sự gì trở ngại. Tỉnh ra, cô cháu bị lưu lạc thắm thoát 7 năm trời, từng trải đủ mùi cay đắng. May được về đến nhà, thật là hủ vía,

Nguyễn-Trãi đương chập chờn ngủ, nghe truyện câu được câu chẳng, nguyên không để ý cho lắm. Nhưng khi nghe thấy bà chủ đọc đến hai bài thơ, mỗi bài ông bần lại đọc nhắc lại bằng giọng thật to, làm cho Nguyễn-Trãi giật mình, cố chờ cho hết câu truyện, rồi ngồi phắt dậy, nhìn bà chủ, nhìn chung quanh như có ý tìm xem cô em gái ở đâu, rồi nói tiếp:

Thế ra cô em là cô bán chiếu ở Tây-Hồ đấy à? tôi là ông văn-sỹ đã thả bài thơ hỏi đùa cô ấy đây. Đâu cô em đâu? cho tôi xem mặt lại. Mời cô em ra đây, xem nào.

Thị-Lộ đứng nấp ở bên cánh cửa bằng phen, lồi xuống chái bếp, để nghe truyện; bà chủ lại giật tay kéo ra, mà rằng:

Thưa ngài, cô cháu đây.

Nguyễn-Trãi: Tưởng ai, té ra người quen. Xin mời dịch lại gần đây, cho tôi nhìn lại mặt cô bán hàng chiếu. Cô khinh người lắm. Cô đã mắng tôi và rửa tôi bằng câu văn bông bầy

Thị-Lộ: Thưa ngài, ngài dạy quá lời. Thân này còn giám coi ai làm thường. Ngót mười năm lưu lạc giang hồ, không ngờ còn được sống sót, không ngờ còn được trông thấy mẹ già đến đón. Mừng mừng tủi tủi, rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao. Đương lúc mừng tủi, bối rối bàng khuâng, gặp ngài hỏi đùa bằng thơ, cũng vội vàng

đáp đùa bằng thơ, trong khi bông đùa, tránh sao cho khỏi thất lễ. Xin ngài lượng thứ.

Nguyễn-Trãi vốn căm tức về câu :

« Chồng còn chưa có hỏi chi con »

Của cô hàng chiếu. Lại phục tài cô hàng chiếu đã lờm mình bằng câu văn bóng bảy ấy. Trước kia muốn gặp mặt, không được, nay duyên trời xui khiến, được nhìn tận mặt, thì sung sướng xiết bao. Suốt đêm trò chuyện, hai bên hên hò, câu khôi hài lý thú do ông ban lại thả ra rông rông, cả nhà lúc bấy giờ lại tăng phần vui vẻ náo nhiệt hơn lúc cơm xong bắt đầu câu chuyện.

Sáng sớm hôm sau, hai ông khách từ giã nhà hàng. Nguyễn-Trãi và Thị-Lộ đã ăn cần đề dính, hẹn ngày thân chinh.

OAN NGUYỄN-TRÃI.

Thị-Lộ từ khi về với Nguyễn-Trãi, vì tài đức được bổ chức lễ-nghi học-sĩ, cả triều đình ai cũng phải tôn trọng. Lại từ khi cứu được thứ-phi thoát nạn, trông nom săn sóc khi sinh nở được mẹ tròn con vuông, Thái-Tông vẫn đề ý cảm ơn, thường ban phẩm vật, lui tới thăm hỏi luôn.

Một hôm giữa ngày mừng bốn tháng tám, sau khi đi duyệt binh thành Chí-Linh về. Thái-Tông được Nguyễn-Trãi ra đón tận Côn-Sơn, rồi tiện đường ghé vào nghỉ tại vườn Lệ-Chi, (Bắc-Ninh). Vườn Lệ-Chi tức là vườn vải, cây vải mọc um tùm như rừng, Nguyễn-Trãi từ khi về nghỉ, vẫn thường ở đó, di dưỡng tính tình, vì mền phong cảnh u-tịch, và lại gần kinh đô. Hôm ấy, sau khi ngự tiệc chiều tối xong, Nguyễn-Trãi cùng Thái-Tông ngồi chơi ở ngoài vườn, truyện trò bàn tính, hết việc nhà đến việc nước, qua nửa đêm gần sáng, xem ý đều mệt nhọc cả rồi mới đi nghỉ.

Lạ gì: ban ngày đi duyệt binh mệt nhọc, tối đến uống rượu say khướt, ngồi giải giờ đêm hôm ở giữa vườn, sương thu khi độc, ai mà không rẽ bị cảm. Quả nhiên Thái - Tông kêu nhọc, đòi đi nghỉ; trong mình thấy choáng váng, Nguyễn-Trãi cố vực vào đến giường do Thị-Lộ chỉnh mình giốn giệp xếp đặt, và đương đứng chực ở bên cạnh, —]Thái-Tông vừa nằm vào giường thì mắt đã trợn ngược, bờ hơi như tâm như tã. Thị-Lộ lấy thuốc xoa thuốc uống, tìm hết cách cứu chữa. Kêu khóc âm ỹ, các quan văn võ tùy tùng kéo đến đông nghịt, chỉ thấy thánh-thượng nằm trơ bất tỉnh nhân sự, mà Thị-Lộ thì đương đứng cúi áp vào long nhan, khóc nức khóc nỏ. Trong tộc-phả Lam-son có chép: Cụ Thái - Tông bị cảm, mất tại vườn Lê - Chi, đêm mùng 4 dặng ngày mùng 5 tháng 8 năm Thái-bảo thứ ba. Cụ lên ngôi năm 11 tuổi, ở ngôi 10 năm, thọ 20 tuổi.

Cứ thể thời: Lê-Thái-Tông thực đã bị cảm gió mà mất, không phải do Thị - Lộ giết. Thái-Tông vì cảm ơn Thị-Lộ đã cứu thứ-phi, càng trông thấy hoàng-tử Hiệu là một vị thần nhân trời cho, lại càng nghĩ đến ơn sâu xa của Thị-Lộ, nên chi yêu quý Thị-Lộ một cách lạ thường. Người đời cho là: Thái-Tông yêu Thị-Lộ, đêm hôm ấy ngủ với Thị-Lộ suốt đêm ở vườn Lê-Chi, rồi bị Thị-Lộ giết chết. Có người bảo: Vì có mối thù từ kiếp trước, Thị-Lộ đã hóa ra con rắn cắn chết Thái-Tông để báo thù. Lại có người tán: Thị-Lộ và Nguyễn-Trãi có thù xưa, — hình như Nguyễn-Trãi trước kia đi giệp giặc, lặn lội trong rừng núi, đã chém chết một con rắn thần, rắn thần hóa sinh ra một người tuyệt đẹp, tức là Thị-Lộ, để tìm cách báo thù, làm cho Nguyễn-Trãi bị cực hình tuyệt tọc.

Đò chẳng qua đều là những lời bàn tán xuyên tạc, không lấy gì làm bằng cứ.

Xét cho đúng thì:

Nguyễn-Trãi là bậc công thần đệ nhất đời Lê, lại là người thông minh chính trực, nét mặt nghiêm nghị, ai

cũng ghen ty và sợ hãi. Người ta đã tìm hết cách để hãm hại, hễ kiếm được một mối nghi ngờ còn con, là ít xuýt ra nhiều, cái lòng thành ra đồng củi, — lạ gì: chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết.

Thái-Tông chết một cách bất ngờ ở ngay vườn vãi nhà Nguyễn-Trãi, có Thị-Lộ ở bên cạnh giường, ai mà không để ý ngờ vực? Ngay hôm lập vị nối ngôi, người ta đã để ý đến một đứng thiên thần Hoàng-tử Hiệu, nhưng người ta lại e là về đảng với Nguyễn-Trãi và Thị-Lộ, nên người ta đã bỏ qua, đồng ý lập Bang-cơ con thứ ba của Thái-Tông lên nối ngôi, hiệu là Nhân-Tông Tuyên Hoàng-đế.

Bang-cơ khi ấy mới lên 2 tuổi, mẹ là Nguyễn-thị-Ngọc-Anh, người xã Bồ-Vệ, huyện Đông-Sơn, tỉnh Thanh-hóa, được tôn phong làm Tuyên-Tử hoàng-thái-hậu, chính sự trong nước đều do tay mình định đoạt.

Thói đời: vợ nọ vợ kia, ưả nhau sao được, chỉ chực lừa nhau từng miếng. Nguyễn-thị-Ngọc-Anh với Ngô-thị-Ngọc-Rao vốn cùng nhau hãm hực ghen tuông, trước kia đã từng tâu xin khép Ngọc-Rao vào tội voi giầy, khi Ngọc-Rao thoát tội voi giầy, Ngọc-Anh lại cố tâu xin khép Ngọc-Rao vào tội phát lưu. Lại khi thấy Thị-Lộ cùng Nguyễn-Trãi cứu Ngọc-Rao ra khỏi chốn lao tù, trông nom săn sóc khi sinh Hoàng-tử Hiệu, — Ngọc-Anh càng mang lòng oán tức để tâm thù oán Thị-Lộ và Nguyễn-Trãi. Mối thù của Ngọc-Anh vốn đã ngấm ngấm từ lâu.

Nay Bang-Cơ là con Ngọc-Anh được lên ngôi Hoàng-đế, tuổi còn thơ ấu, Ngọc-Anh được tôn phong lên ngôi Hoàng-thái-Hậu, thay con trông coi việc nước, chính là một dịp may mắn được rửa hờn cho hả giận.

Một dịp may hiếm có, là: Thái-Tông bỗng nhiên chết ở trong vườn vãi nhà Nguyễn-Trãi. Lúc bấy giờ Ngọc-Anh muốn vu thác cho ai tội gì mà chẳng được để ai sống thì được sống, bắt ai chết thì phải chết, thiên; hạ ai giám hé răng. Thế rồi việc hóa ra to, triều-thần

hợp để nghị-quyết. Cả triều phải theo ý Ngọc-Anh, không ai giám kễ công đức của Nguyễn-Trãi đối với nhà Lê to tát những thế nào, — không ai giám bày tỏ thay cho Nguyễn-Trãi: lòng trung trực, dạ kiên trinh, tính nghiêm nghị, rất trọng gia-pháp và quốc luật, suốt đời chỉ hy-sinh vì dân vì nước, không thêm làm điều gì ám muội.

Hết thấy từ trên chỉ dưới, vào hùa với Ngọc-Anh. Người ta đã mở cuộc điều tra rất kỹ, nhưng vì người ta đã có lòng thiên vị, nên không tìm ra được sự thực; vả cũng chẳng ai đếm xỉa đến sự thực. Người ta đã viện những lẽ bâng quơ sau này để khép tội người ngay:

— Khi Thái-Tông đi duyệt binh ở Chí-Linh, Nguyễn-Trãi ra tận núi Côn-Sơn nghênh giá, rồi đón về nghỉ đêm tại vườn Lệ-Chi, — chắc có ý gì khác, đã tiềm tâm hãm hại từ trước;

— Nhân dịp Thái-Tông say rượu, đêm khuya thanh vắng, cho Thị-Lộ lên vào giết, không cho gia nhân một người nào biết, sợ lộ truyện.

— Nguyễn-Trãi để cho Thị-Lộ tư thông với Thái-Tông, rồi thừa cơ hãm hại.

— Khi mọi người súm lại, ai cũng trông thấy Thị-Lộ đứng kề ngay bên cạnh Thái-Tông giả vờ khóc, làm ra bộ thảm thương.

— Có người đã mục-kích một con rắn như con thường luồng, vừa to vừa dài bằng cái cột nhà, bỏ từ ngoài hồ bán nguyệt ở giữa vườn vãi vào trong nhà, chỗ Thái-Tông nằm, người ta theo rồi vào xem, thì con rắn đã biến mất rồi, chỉ còn Thị-Lộ đứng bên cạnh.

Một chứng cớ vu vơ xuyên tạc cuối cùng để khép người hiền vào tội lỗi. Đáng buồn cười và đáng giận. Nguyên ở trên bờ hồ bán-nguyệt có dựng một cái cột rất

cao, vừa làm cột cò vừa làm cột đèn; đêm hôm ấy, trong khi bối rối, người ta đã trông thấy ở dưới hồ có bóng cột chiếu xuống, bị sóng nước xô đẩy, quẩn quai như hình con rắn đang ngoi lộn ở dưới nước. Một người nói trông thấy, rồi theo hơi nhau, vô số người trông thấy. Thế rồi tiếng đồn gần xa, thành ra không phải là một tin bịa đặt hàm hồ gì nữa. Vì thế mà Nguyễn-Trãi bị khép vào tội chu di tam tộc.

NGHI - DÂN KHỞI LOẠN.

Mẹ con Nghi-Dân tuy được thứ-phí can thiệp, khỏi tội voi giầy, nhưng vì mẹ bị truất, con bị giáng, nên vẫn dè ý cảm hơn. Từ khi mẹ con giắt nhau lên Lạng-Sơn, là nơi rừng thiêng nước độc, nghĩ đến cảnh huống cực nhục như tội lưu, tội đồ, lại càng khiến cho trong lòng đeo nặng thêm mối thù oán. Đêm ngày chỉ họp tập những đồ đảng vô lại, âm mưu tiềm tàng, đợi cơ hội để khởi sự.

Bỗng được tin : Thái-Tông bị Thị-Lộ giết chết ở trong vườn Lệ-Chi nhà Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Trãi bị tội diệt tộc, bao nhiêu tả hữu văn-võ chân tay của ông ta cũng đều bị tử tội hoặc bị bãi cách hết cả. Mẹ con mừng thầm, bảo nhau : Trước kia ta chỉ e sợ có Nguyễn-Trãi và văn võ tả hữu của ông ta, nay họ bị tiêu diệt hết, trong triều ngoài nội toàn là những hàng nhá còm không võ, sức không trói nổi con gà, không còn một người nào đáng để ý e sợ nữa. Vậy ta phải mau mau khởi sự, kéo lỗ mất thời cơ.

Đúng thượng tuần tháng 6 năm Kỷ-Mão niên-hiện, Diên-Ninh (1459) Nghi-Dân mở tiệc khao quân, cử Phạm Đồn, Phan-Ban, và Trần-Tuấn đốc suất binh mã, kéo thẳng về kinh-dô, vây hãm hoàng-thành, bắc thang trèo lên cửa Đông-Môn, tiến vào cung điện. Nhân-Tông và

Hoàng-thái-hậu hết nơi trốn tránh, cả hai mẹ con đều bị hại. Nhân-Tông ở ngôi 18 năm, thọ 19 tuổi, không có con.

Nghi-Dân chiếm cứ kinh thành, tiếm ngôi hoàng-đế, gần một năm trời, Lê-Lăng hợp sức cùng Nguyễn-xí và Đinh-Liệt cử binh đánh Nghi-Dân, giết được 3 đại tướng Phạm-Đồn, Phan-Ban và Trần-Tuấn. Còn Nghi-Dân, thì Lê-Lăng nghĩ tình tộc thuộc, không đang tay giết, bèn giao cho một tấm lụa bắt phải thắt cổ lấy để tự-tử. Trước khi cầm lụa thắt cổ, Nghi-Dân nói :

« — Một đời ta có 2 điều bội nghịch đáng chết :

« 1.) Lập tâm hãm hại em út khi còn ở trong bào thai
« thứ - phi,

« 2.) Đã đang tay giết cả hai mẹ con em thứ ba.

« Lần trước thứ-phi cứu thoát khỏi cực hình, nhưng
« vẫn bị lương tâm cắn rứt; lần này các người không
« đang tay giết ta, cho ta được tự quyết, ta lại càng lấy
« làm hổ thẹn. Tội ta thực đáng chết, Không còn mặt mũi
« nào giám trông thấy thiên hạ và thành-trì tôn-xã này
« nữa. Dầu sao, ta cũng cảm ơn các người, và cảm ơn
« thứ-phi là người đại lượng, họa chẳng trên đời chỉ có
« một không hai. Duy có một điều ta thỉnh - cầu, là : xin
« bảo toàn cho mẹ ta và cả gia-đình ta hiện đương ngấm
« ngấm đau xót ở Lạng-Sơn. »

Nói xong, liền cầm lụa tự quyết.

Triều-thần họp bàn để đón vị kế thống. Trước hết đón Cung-Vương Khắc-Xương là em thứ hai Nghi-Dân. Nhưng Khắc-Xương là người hiểu biết, biết mình tư chất lỗ độn, không kham nổi việc lớn, huống chi đương lúc gia nạn quốc biến, công việc tày trời, khó mà giải quyết. Biết em Hiệu tức là Tư-Thành là người trời sai xuống, có thể yên nước yên nhà, giữ vững được non sông Hồng Lạc. Nên chi cố từ để nhường em.

TÌNH CỜ GẶP THẦN - NHÂN

Hoàng-tử Hiệu tức Tư-Thành, là một vị thần-dồng xuất thế. Thông minh lỗi lạc, lại thêm tính chuyên cần nhân nại, không hề tay rời quyển sách. Lèn 6 tuổi đã biết làm văn, chữ viết tốt, ưa ngâm vịnh, nghiêm nhiên một vị văn hào đặc sắc. Tuy được phong làm Bình-Nguyên Vương, có dinh ở ngay phía tây hoàng cung, nhưng vì tính hay ngâm phong vịnh nguyệt, không thiết ngại vàng, nên hoàng-tử thường đi du lịch khắp nơi, kết giao với những văn-nhân hiền sĩ bốn phương, không mấy khi ở dinh. Vì thế mà hoàng-tử đã hiểu thấu rõ được nhân tình thế thái, kinh nghiệm thêm được biết bao phương pháp bí ẩn về văn-khoa cũng như về vũ lược.

Một buổi chiều tà, Hoàng-tử đi lững thững hóng mát trên bến sông đào vùng Tống-Sơn, trông thấy một thiếu nữ trạc tuổi cập kê, kiều diễm khác thường, vừa vo gạo ở dưới bến sông lên, liền ngâm một câu tức cảnh:

Gạo trắng nước trong, mển cảnh lại càng thêm mển cả (1)

Thiếu nữ mỉm cười đáp luôn:

Cát lằm gió bụi, trông người sao chẳng kịp trông xa.

Nghe thiếu-nữ ứng khẩu đối lại một cách nhanh nhẹn không phải nghĩ chut nào, mà lại cố ý quở mắng, liền giật mình, và gật gù ngâm nghĩ: «Cát lằm gió bụi là đời loạn, đương đời loạn mà chỉ biết trông ngắm người đẹp, không biết trông xa để cứu đời. Ý câu này

(1) Ý nói: Gạo của cô trắng, nước bến sông lại trong, làm cho kẻ đứng trông vừa mển cái cảnh gạo trắng nước trong, lại thêm mển cả cái người trong ngọc trắng ngà kia nữa.

là mỹ-nhân quở mắng ta đây. Mỹ-nhân tất phải là người phi thường và người hiểu thời thế. Ta phải kính trọng người này, và phải cần dùng người này »

Nghĩ vậy, liền đến gần thiếu-nữ mà rằng:

Cảm phục đại tài quý nương, xin cho biết chỗ ở để tới thăm.

Thiếu-nữ chỉ nói: Không giám..., không giám..., Chẳng nói địa-chỉ, cứ gánh gạo đi thẳng.

Hoàng-tử thất vọng, ngậm ngùi lui thủi trở về, đương nghĩ vờ nghĩ vẫn thì chợt gặp một cậu bé con quấy nời cang ra sông gánh nước, bèn hỏi: Em có gặp cô gánh gạo đấy không?

— Có, tôi vừa gặp ở đằng kia.

— Nhà cô ấy ở đâu, em có biết không?

— Ở xóm Đoài kia kia.

Cậu bé vừa nói vừa lấy tay chỉ về phía xóm Đoài, và không đợi khách hỏi, cậu bé cứ luôn miệng tiếp:

Cổ ấy đi vo gạo để về xay bột làm kẹo bán đấy. Kẹo nhà cô ấy thơm ngon có tiếng, người ta tranh nhau đến mua buôn đông lắm.

Hoàng-tử nghe thấy cậu bé nói một cách thô trực cũng vờ góp truyện tự nhiên để gọi tấm lòng thành thực của cậu, may biết được tung tích gì về mỹ-nhân chẳng, liền tiếp:

— Ấy tôi cũng muốn đến mua buôn đấy, nên mới hỏi nhà.

— Nhà ở xóm Đoài kia kia, lội qua một cái lạch thì đến, nhà ở ngay đầu xóm, cổng tre chống, giữa sân có giàn trầu không to tướng, đậm như cái rừng ấy, là phải.

— Nhà cô ấy có đông người không?

— Chỉ có một bà mẹ nữa thôi?

— Thế còn bố cô ấy đâu? Anh em cô ấy đâu? Chồng con đâu?

— Họ ở đâu cả, không thấy ai ở đấy.

— La nhĩ!

— Ngày nào tôi chả đến cất hàng bán, nhà ấy có bao nhiêu người, tôi biết hết cả. Hình như cô ấy không có anh em thân thích gì ở đấy, bố cô ấy làm quan to lắm thì phải.

— Tên cô ấy là gì, em có biết không?

— Ở đấy người ta chỉ gọi là cô bán kẹo.

Gọi tiếp truyện cậu bé cũng đã khá lâu, và biết rằng cậu bé chỉ có thể giúp tài liệu được đến thế là cùng, khó đòi hỏi thêm được nữa, Hoàng-tử bèn từ biệt cậu bé.

May nhờ có cậu bé gánh nước hôm ấy, mới có đầu mối để tìm tung tích mỹ-nhân,— rồi lân la dò hỏi giần, kết quả được biết rõ lai-lịch như sau:

Mỹ-nhân tên là Nguyễn-thị-Ngọc-Hằng, sinh quán ở Miêu-Ngoại-Trang, huyện Tống-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa, con gái đầu lòng của một vị quốc-công. Ông bố vì quá say mê vợ lẽ, tình phụ mẹ cô, ruộng rẫy ghét bỏ cả hai mẹ con; mẹ cô chỉ sinh-hạ được một mình cô là gái, khi cô lên 3 tuổi, đã phải bẽ về nương náu bên quê ngoại ở Nghệ-An.

Bà mẹ ở đấy tần tảo làn hồi quanh nghề bán kẹo nuôi con, đến nay cô đã 16 tuổi. Cô có nhan sắc, và là người hiếu nghĩa đủ đường; tư chất đã thông minh, lại có tính chăm học.

Ngoài công việc giúp mẹ hàng ngày, cô thường đọc sách ngâm thơ để làm cho vui lòng mẹ. Thời bấy giờ nhiều trang tài tuần dập danh bản sể, nhưng vì cô đương

đau khổ về nỗi eo le trong gia-đình, nên cô định chỉ giữ chủ-nghĩa độc-thân, thờ mẹ suốt đời, không giây đến tơ duyên, để tránh con đường tục lụy. Nhiều người đến dạm hỏi, nhưng cô nhất vị từ chối. Vì chán ghét thói đời đơn bạc, cô đã dịch bài «Chu-bách-Lư trị-gia cách-ngôn» ra quốc-âm, để răn đời và để tự khuyên mình.

BẢN CHỮ HÁN:

- 1' — Lê minh tức khởi, sai tảo đình trừ, yếu nội ngoại chỉnh khiết; ký hôn tện tức, quan toả môn hộ, tất thân tự kiểm diêm.
- 2' — Nhất chúc nhất phạn, đương tu lại xử bất dị; bán ty bán lữ, hằng niệm vật lực duy gian.
- 3' — Nghi vị vũ nhi trừ mâu, vô lâm khát nhi quật tỉnh. Tự phụng tất tu kiểm ước, yển khách thiết vật lưu liên.
- 4' — Khí cụ chất nhi khiết, ngõa phủ thẳng kim ngọc; ẩm thực ước nhi tinh, viên sơ dĩ trần tu.
- 5' — Vật doanh hoa ốc, vật mưu lương điền.
- 6' — Tam cô lục bà, thực dâm đạo chi môi; Tỳ mỹ thiếp kiều, phi khuê phòng chi phúc.
- 7' — Đồng bộc vật dụng tuần mỹ; thê thiếp thiết kỵ diêm trang.
- 8' — Tồ tôn tuy viên, tế tự bất khả bất thành, tử tôn tuy ngu, kinh thư bất khả bất đọc.
- 9' — Cư thân vụ kỳ kiểm phác; giáo tử yếu hữu nghĩa phương. Mạc tham ý ngoại chi tài; mạc ảm quá lượng chi tửu.
- 10' — Rữ kiên khiêu mậu dịch, mạc chiếm tiện nghi; Kiến bản khổ thân lân, tu đa ôn tuất.
- 11' — Khắc bạc thành gia, lý vô cửu hưởng; luận thường quai suyễn, lập kiến tiêu vong.
- 12' — Huynh đệ thúc diệt, tu phân đa nhuận quả; trưởng ấu nội ngoại, nghi pháp túc từ nghiêm.

- 13— Thính phụ ngôn quai cốt nhục, khởi thị trượng phu; trọng xi tài bạc phụ mẫu, bất thành nhân tử.
- 14— Giá nữ trạch giai tể, vô sách trọng sính; thú tức cầu thực nữ, vật kế hậu liêm.
- 15— Kiến phú quý nhi sinh siểm dung giả, tối khả sỉ? Ngô bản tiện nhi tác kiêu thái giả, tiện mạc thậm.
- 16— Cư gia giới tranh tụng, tụng tắc chung hung; xử thế giới đa ngôn, ngôn đa tất thất.
- 17— Vật thị thế lực nhi làng bức cô quả; vô tham khẩu phúc nhi tứ sát sinh cầm. Quai tịch tự thị, hối ngộ tất đa; đòi nọa tử cam, gia đạo nan thành.
- 18— Hiệp nật ác thiếu, cứu tất thụ kỳ lụy; khuất chí lão thành, cấp tắc khả tương y.
- 19— Khinh thính phát ngôn, an tri phi nhân chi trầm tố, đương nhân nại tám tư; nhân sự tương tranh, yên tri phi ngã chi bất thị, tu bình tâm ám tưởng.
- 20— Thi huệ vô niệm; thụ ân mạc vong.
- 21— Phàm sự đương lưu dư địa, đặc ý bất nghi tái vãng. Nhân hữu khánh hỷ, bất khả sinh đồ kỵ tâm; nhân hữu họa hoạn, bất khả sinh hỷ hạnh tâm.
- 22— Thiện đức nhân kiến, bất thị chân thiện; ác khủng nhân tri, tiện thị đại ác.
- 23— Kiến sắc nhi khởi dâm tâm, báo tại thế nữ; nặc oán nhi thụ ám tiễn, họa diên tử tôn.
- 24— Gia môn hòa thuận, tuy ung xôn bất kể, riệc hữu dư hoạn; quốc khóa tảo hoàn, tức nạng thác vô dư, tự đắc chí lạc.
- 25— Độc thư chi tại thánh hiền, vi quan tâm tồn quân quốc.
- 26— Thử-phận an mệnh; thuận thời thính thiên. Vi nhân nhược thử, thứ hồ cận yên.

BẢN DỊCH NÔM CỦA NGỌC-HẰNG:

- 1.) Mờ sáng rày nhà sân rầy quét :
Phải gọn gàng sạch hết trong ngoài.
Tối thời liệu sớm nghỉ ngơi.
Chính mình công ngõ khóa cài trông nom.
- 2.) Bưng bát cháo lưng cơm phải nghĩ :
Bồi đâu ra ? há dễ du mà ?
Nửa mụn vải nửa sợi tơ,
Của đồng công nén nghĩ đà gian nan.
- 3.) Nên che đậy trước cơn mưa tới,
Đừng chờ khi khát mới đào khơi.
Tự mình ăn mặc sơ sài,
Đừng nên khách khứa tiệc mời liên miên.
- 4.) Đồ đạc cốt vững bền sạch sẽ,
Hủ sành kia hơn thê ngọc vàng.
Uống ăn vừa phải chỗ hoang,
Rau vườn tinh khiết cao lương khó bì.
- 5.) Chớ lộng lẫy hoa hờ nhà cửa,
Đủ nơi ăn chốn ở thì thôi.
Ruộng sâu trâu nái mặc người,
Mưa mô chi lắm ở đời thêm lo.
- 6.) Lú đồng cốt bà cô tập nập,
Tổ gây nên trộm cắp dân tà.
Hầu đẹp để thiếp nồn nà.
Khuê phòng được phúc chi mà ước ao.

- 7.) Nên cẩn thận kẻ hầu người hạ,
Chớ dùng phùng bộ quá bảnh bao.
Buồng trong vợ với nàng hầu,
Đừng cho học thói quá chiều diềm trang.
- 8.) Tổ Tiên dẫu xa hàng thế thứ,
Phải kính thành tể tự mới nên.
Cháu con dẫu thực ngu hèn,
Sớm khuya kính sử phải chuyên học hành.
- 9.) Cốt giữ mình quê mùa vừa phải,
Khéo dạy con đừng trái nghĩa phượng.
Ham chi những của ngoài đường,
Không nên uống rượu quá lờng hại thân.
- 10.) Cùng những kẻ vác khuân gồng gánh,
Mua bán đừng suy tính phần hơn.
Xóm diềng nghèo khó cô đơn,
Đem lòng thương xót luôn luôn đỡ đỡ.
- 11.) Giầu có bởi làm ăn khắc bạc,
Lẽ tự nhiên không được lâu bền,
Luân thương cần bậy đảo điên.
Báo ngay sa sút nhân tiền cho xem.
- 12.) Trong nhà chỗ anh em chú cháu,
San sẻ đều cùng chịu đói no.
Nghiêm trang phép tắc ngôn từ,
Trong ngoài lớn bé phải cho chỉnh tề.
- 13.) Xa cốt nhục bởi nghe lời vợ,
Chỉ khi hèn không có trượng phu.
Những người lấy của làm to,
Khinh thường cha mẹ là đồ con hư.

- 14) Gả con gái rề cho đáng rề,
Đừng thách người nặng lễ cưới xin
Lấy dâu phải chọn dâu hiền,
Đừng ham những chốn lắm tiền hồi môn.
- 15) Thấy giàu sang ra luồn vào cúi,
Ấy là điều đáng tui đáng nhớ.
Gặp người lỡ bước sa cơ,
Kiêu căng làm bộ rất là đáng khinh.
- 16) Ở nhà chớ tranh giành kiện tụng,
Kiện tụng nhau sao cũng mang điều.
Ở đời ta chớ nổi nhiều,
Nói nhiều ắt cũng có điều hở cơ.
- 17) Chớ cậy thế quả cô lấn át,
Đừng tham ăn tàn sát chim muông.
Lỗi lầm vì tội gàn ương,
Khó thành gia đạo vì vương bệnh lười.
- 18) Thân mật lắm cùng loài trẻ ác,
Giần giẩn lâu, sau chắc lụy nhiều.
Lão thành ta phải kính chiều,
Phòng khi hoạn cấp nhiều điều cây trồng.
- 19) Chớ nhẹ dạ nghe không suy nghĩ
Biết đâu người, chẳng chí gièm pha.
Việc gì cũng cứ ganh đua
Có khi mình trái, ngấm cho kỹ càng.
- 20) Mình làm phúc mở đường ân hực,
Chớ nghĩ chỉ người sẽ báo đền.
Ơn người là phúc là duyên,
Ngậm vành kết cỏ ta nên nhớ đời.

- 21°) Vội gì cũng đề nói thừa thãi,
Được rồi đừng lui tới quen mui.
Người hay ta chớ ghen người,
Người mà hoạn nạn ta thời xót xa.
- 22°) Làm thiện muốn người ta biết đến,
Chưa hẳn là điều thiện đáng khen.
Làm xằng bưng bít thói quen,
Là người đại ác ta nên đề phòng.
- 23°) Thấy sắc đẹp nổi lòng dâm dục,
Báo vợ con tui nhục đến ngay
Độc ngầm ném đá giấu tay,
Đề cho tai vạ đến bày cháu con.
- 24°) Ở cho được gia-môn hòa thuận,
Dẫu thiếu ăn nhưng hẳn thừa vui.
Kỳ sưu thuế sớm xong xuôi,
Túi không thừa thãi, dạ thời hả hê.
- 25°) Đọc sách phải biết suy biết nghĩ,
Đạo thánh hiền đề chí noi theo,
Làm quan bụng phải lo âu,
Nặng lòng quân quốc trước sau ân cần.
- 26°) Lại phải biết yên thân giữ phận,
Theo thời có kính cần mệnh trời,
Làm người cứ thế mà noi.
Họa chẳng trọn đạo ở đời mấy may.
-

TUNG TÍCH CÔ GÁNH GẠO

Phùng - thị - THUẬN

KHÉO KẼN CHỒNG.

Nguyễn-Dĩnh-Thường, quê ở Miêu-Ngoại-Trang, huyện Tống-Sơn, tỉnh Thanh-Hòa, nhà nghèo, cha mẹ mất sớm, ở với chị gái. Chị gái tuy lấy chồng nghèo, nhưng chịu khó săn sóc em, rất đề ý đến sự ăn học của em.

Lên tám tuổi, Dĩnh-Thường vào nhập-môn cụ Chiêu-Phùng Thuấn-Thần, con một vị khoa giáp có danh vọng nhất vùng ấy. Cụ Chiêu tuy không đỗ đạt gì, nhưng văn hay chữ tốt có tiếng, học trò đông, nhiều người có khoa danh sự-nghiệp to. Sĩ-phu thời bấy giờ, những hàng ưu tú nổi tiếng nhất, phần nhiều là học trò cụ. Cụ đã khen người nào, thì người ấy tất sau này được thành đạt.

Triều đình biết rõ tài đức của cụ, mời cụ ra làm quan. Cụ từ chối không được, cụ phải nhận chức giáo thụ. Sau được thăng Thái-Thủ. Vì thấy tụi quan liêu bấy giờ hư hỏng, cá lớn nuốt cá bé, quen thói nịnh hót quan trên dè dặt nên bóc lột lẫn nhau, tục tham những đã hoành hành, cụ chán cảnh làm quan, coi đó là một con đường ô uế nhất; cụ xin từ chức, về nhà yên nghỉ, và lại tiếp tục nghề dạy học.

Hôm bắt đầu tiếp tục khai giảng, cụ có ra một kỳ vẫu thưởng. Trong các đầu đề có một bài dịch sách: dịch bài « quy khứ lai từ » ra tiếng nôm. Bài này có quan hệ nhất, vì ngụ ý-chỉ của cụ. Kỳ này học trò trở tài, có nhiều bài dịch đúng nghĩa và lời văn bóng bẩy. Có hai bài được đặc sắc nhất, là bài của Dĩnh-Thường và bài của con gái cụ là Thị-Thuận. Khi bình văn, cụ Chiêu đã

chủ ý nhất đến đoạn trên của Dĩnh-Thường, và đoạn cuối cùng của Thị-Thuận. Sau cụ cho hợp hai đoạn văn của hai người lại làm một bài, cho được thành một bài hoàn toàn có giá trị.

Thị-thuận là con gái đầu lòng cụ Chiêu, người có nhan sắc, mà lại có nết na, đủ đường hiếu nghĩa, trong đám học trò nhiều chàng ngấp nghé, nhưng cụ Chiêu còn kén rề, chưa hề ngỏ ý cho một chàng nào. Những trang thanh niên, văn thường được ưu bình, cụ Chiêu vẫn để ý, và dự đoán là tay thám bảng sau này, kẻ có hàng mấy chục người;— ai cũng đinh ninh sẽ được làm rể cụ. Nhưng từ khi Dĩnh-Thường đoạt được giải nhất về bài dịch « quy khứ lai từ », lại Thị-Thuận được giải nhì về bài dịch ấy, cụ Chiêu liền chú ý đến Dĩnh-Thường. Cụ Chiêu đã biết rõ học lực của Dĩnh-Thường, kể đó cụ để ý từng ly từng tí về hành vi và hạnh kiểm. Đương lúc thiên hạ khao khát mong chờ xem ai sẽ có hân hạnh được làm giai tể cụ Chiêu, thì bỗng có tin Nguyễn-Dĩnh-Thường được hưởng hạnh phúc duy nhất ấy. Cả đám học trò đều ngạc nhiên, và cả đám đóng vai rề rệu, đều ngã ngựa người ra.

Dưới đây là hai bài văn dịch tuyệt tác của đôi uyên ương đã do duyên trời tự-nhiên kết hợp :

QUY KHỨ LAI TỪ

— Nguyên văn chữ Hán —

(Đào - Tiềm tên tự là Uyên - Minh, đương làm quan Lệnh - doãn ở huyện Bành - Trạch. Được tin có một quan chức cao-cấp đi kinh lý đến huyện, một nhân viên bảo Đào-Tiềm phải sắm sửa lễ vật, mũ áo kính cẩn, để đón tiếp. Đào - Tiềm thở dài nói: Ta không thể vì dẫu gạo phải khúm núm đến còng gầy lưng. Lập tức nộp ấn từ quan. Khi đứng rậy ra về, làm bài này để ngụ tâm chí

của mình. Về sau nhất định không chịu ra làm quan nữa, bao phen vua vời, nhất định từ chối.)

Quy khứ lai hề, điền viên tương vu hồ bất quy. Ký tự rĩ tâm vi hình dịch, hề trù trưởng nhi độc bi. Ngô rĩ vãng chi bất gián, tri lai giả chi khả truy. Thực mê đồ kỳ vị viễn, giác kim thị nhi tạc phi. Chu dao dao rĩ khinh dương, phong phiêu phiêu nhi xuy y. Vãn chinh phu rĩ tiên lộ, hận thần quang chi hy vi. Nãi chiêm hành vũ, tái hân tái bồn. Đồng bộc hoan nghênh, trĩ tử hậu môn. Tam kính tỵ hoàng, từng cúc đo tồn. Huề ấu nhập thất, hữu - tửu doanh tôn. Dẫn hồ trưởng rĩ tự chúc, miễn đình kha rĩ di nhan. Ý nam song rĩ ký ngạo, thâm dung tất chi dị an. Viên nhật thiệp rĩ thành thú, môn tuy thiết nhi thường quan. Sách phù lão rĩ lưu hoại, thời kiều thủ nhi du quan. Vân vô tâm rĩ xuất trực, điều quyên phi nhi tri hoàn. Ảnh ế ế rĩ tương nhập, phủ cô từng nhi bản hoàn.

Quy khứ lai hề, thỉnh tức giao rĩ tuyệt du. Thế dữ ngã nhi tương di, phục giá ngôn hề yên cầu. Duyệt thân thích chi tình hoại, lạc cầm thư rĩ tiêu ưu. Nông nhân cáo dư rĩ xuân cập, tương hữu sự ư tây trừ. Hoặc mệnh cân xa, hoặc tạo cô chu. Ký yếu diệu rĩ tâm hắc, diệc khi khu nhi kinh khuru. Mộc hân hân rĩ hướng Vinh, tuyên quyên quyên nhi thủy lưu. Tiện vạn vật chi đắc thì, cảm ngô sinh, chi hành hưu. Rĩ hỷ hồ, ngũ hình vũ nội phục kỷ thì, hạt bất ủy tâm nhiệm khứ lưu, hồ vi hồ, hoàng hoàng đục hà chi. Phú quý phi ngô nguyện, đế hương bất khả kỳ. Hoài lương thần rĩ cô vãng, hoặc thực trượng nhi vân tỳ. Đăng đông cao rĩ thư khiếu, lâm thanh lưu nhi phú thi. Liêu thừa hóa rĩ quy tận, lạc phù thiên mệnh phục hề nghi.

Bài dịch nôm của Nguyễn - Đình - Thường.

Về đi ta trở lại nhà,
Ruộng vườn hoang hủng sao ta chẳng về ?
Đem tấm gánh việc nặng nề,
Tiếc thương chi để thân kia ngậm ngùi.
Xưa đã trót đại thì thôi,
Còn mong theo đuổi đến bởi mai sau.
Lầm đường may chóng tỉnh tao,
Rầy khôn mới biết xưa sao đại khờ.
Thênh thênh nhẹ lái dò đưa,
Hiu hiu gió thổi phất phơ áo quần.
Bạn đường hỏi lối xa gần,
Vãng đông chưa rặng bản khoán mọi bề.
Thoát trông nhà đã gần kề,
Bụng thì mừng rồi chân thì bước mau.
Mừng reo tôi tớ đón chào,
Cổng ngoài lủ trẻ xôn xao đứng chờ.
Gần hoang ba khóm lơ thơ,
Cây thông khóm cúc từ xưa vẫn còn.
Bước vào tay giặt đàn con,
Trong nhà đã sẵn rượu ngon hũ đầy
Gật gù nâng chén tình say,
Nhìn sân cảnh cũ vui vầy xiết bao.
Nam song ngồi tựa nghêu ngao,
Mình dù ở chật thân hầu được yên.
Thú vườn gieo gót ngày quen,
Nhà tuy có cổng nhưng then vẫn cài.
Bước lần chống gậy dong chơi,
Có khi xa ghéch phương trời ngắm quanh
Mây quen quán quýt non xanh,
Đàn chim bay mãi, biết quanh tìm về.
Tà tà bóng gác non tề,
Gốc thông còn đứng vổ về thiết tha.

(Đoạn này không được đặc sắc cho lắm, nên đã trích ở trong bài của Thị - Thuận lấy đoạn được có vẻ đặc sắc nhất, tiếp theo cho thành một bài hoàn toàn).

Bài của Phùng - thị - Thuận.

(tiếp theo bài trên)

Về đi ta ở lại nhà,
Xin chừa giao thiệp mà xa bạn bầu.
Đời cùng ta đã xa nhau,
Lại còn ra đề mưu cầu nữa đư.
Thỏa tình thân thích truyện trò,
— Lấy vui đàn sách đỡ lo tâm thần.
Nhà nông rằng đã sang xuân,
Mùa màng công việc cũng gần tới nơi.
Khi xe chạy, lúc thuyền bơi,
Dưới khe lưng thưng, trên đồi khắp khênh.
Cỏ cây tươi tắn màu xanh,
Mới sa cuộn cuộn nước ghềnh chảy xuôi.
Muôn loài kia khéo gặp thời,
Nghĩ thêm cảm nỗi đứng ngồi thân ta.
Thôi thôi nói nữa chi mà,
Cõi đời nường nấu được là bao lâu.
Bạn lòng chỉ truyện khứ lưu,
Bồn chồn còn muốn đi đâu bây giờ.
Giàu sang ta vốn mẫn ngơ,
Cảnh tiên ao ước bao giờ được cho ?
Tốt trời lần bước thần thờ,
Có khi chống gậy ra khươ cỏ đồng.
Lên cao đứng hát thông dong,
Suối trong khi xuống thòa lòng ngâm nga.
Trọn đời nấn ná cho qua.
Vui cùng số mệnh, chi mà hoang mang.

Năm ấy, Nguyễn - Đình - Thường, 15 tuổi, Phùng - Thị - Thuận, 14 tuổi, được cụ Chiêu cho làm lễ kết hôn. Người thì mừng, kẻ thì tiếc, người thì ghen tỵ nổi điên, người thì bức tức đâm rồ đâm rại, lời bàn tán đã sôi nổi một hồi bấy giờ.

Cưới vợ năm trước, năm sau Đình - Thường đi thi, ai cũng đoán chắc là khôi - nguyên phải về tay Đình - Thường, vì cụ Chiêu là người tri nhân, cụ đã cho làm rề tất phải là người có tài lỗi lạc, tranh khôi đoạt giáp như chơi.

Cùng đi thi khoa ấy có ba bạn đồng học với Đình - Thường, là: Ngụy - Nhữ - Lâm, Khang - Trọng - Anh, Khúc - Đình - Bát, đều là tay học trò xuất sắc của cụ Chiêu, chính cụ Chiêu cũng đã chấm ba tay ấy vào hàng Thám Bạng. Chỉ vì Đình - Thường lỗi lạc xuất sắc hơn, nên được tuyển vào ngôi giai tế, mà ba bạn kia đều bị ra rìa cả. Người ta đoán rằng: khoa ấy, giải khôi - nguyên phải thừa Đình - Thường rồi mới đến tay ba chàng kia.

Ngờ đâu ba chàng kia, kẻ trên người dưới, đều có tên trong bảng rồng, còn Nguyễn - Đình - Thường thì bị hồng, vì phạm húy. Tin về đến nhà, cụ Chiêu thản nhiên như không, lại còn tỏ vẻ mừng rỡ nữa, cụ cho rằng: con rể cụ (tức Đình - Thường) thế nào cũng phải đỗ khôi - nguyên. Khoa này trường cụ có hai người tranh nhau giải khôi - nguyên, là Nguyễn - Đình - Thường và Khúc - Đình - Bát. Cả hai người đều được điểm số toàn ưu cả, nếu không có một người phạm húy bị truất, thì vì điểm số ngang nhau, tất phải rút thăm; đã rút thăm thì phải có kẻ trên người dưới, trường cụ Chiêu chỉ được một khôi - nguyên mà thôi. Vừa thiệt cho trường cụ mất một khôi - nguyên nữa, mà cụ lại còn mang tiếng không phải là bậc tri - nhân. Nay Đình - Thường phạm húy, bị truất, khoa sau tất không ai địch nổi, trường cụ lại được thêm một

khôi-nguyên nữa. Riêng Nguyễn-Dĩnh-Thường cò về phần uất. Ngay hôm xem bảng không thấy tên, Nguyễn-Dĩnh-Thường đã tỏ ý chán ngán: nào là phụ lòng thầy học tin chắc về văn tài của mình, nào là phụ lòng vợ hiền đã đặt hết cả một đời hy vọng vào mình, nào là hổ thẹn với anh em chúng bạn, nhất là bọn Khúc-đình-Bạt bọn mà sức học không hơn gì mình, lại gặp phúc gặp phận hơn mình, họ đã kém mình về duyên chỉ thăm, lại hơn mình có tên bảng vàng. Nghĩ vơ nghĩ vẩn, Dĩnh-Thường chỉ muốn đâm đầu xuống sông xuống biển, hay biệt tích một nơi, không muốn nhìn thấy ai, và nhất là không giám nhìn mặt vợ.

Sau khi thi hỏng, Dĩnh-Thường đương lui thủ về nhà, giữa đường gặp một lão nông nhà giàu. Hai bên trò chuyện một hồi lâu, lão nông biết Dĩnh-Thường là một người học trò giỏi thi hỏng, bèn đón về nhà dạy học. Dĩnh-Thường đương đau xót về số phận, muốn lánh xa nhà, liền nhận lời theo luôn lão nông về nhà. Lão nông giao cho Dĩnh-Thường dạy 2 đứa con, và bắt buộc mấy điều kiện sau này:

Hàng năm cơm ăn áo mặc đủ, ngoài giờ dạy hai trẻ học, còn phải kiêm việc chăn lợn gà, ngày mùa phải ra đồng trông nom cấy cấy, biên chép sổ thu hoạch và công thợ, lại còn thỉnh thoảng làm giúp công việc lật vật trong nhà; như: thối cơm, xay lúa, giã gạo, hay quét tước cổng ngõ, rửa bát đĩa, chẳng hạn. Nếu dạy thêm được giảm ba đứa trẻ con hàng xóm, thầy đồ được thu lễ tết ngoài. Cờ gặp nước bi, điều kiện ngặt nghèo đến đâu Dĩnh-Thường cũng phải cắn cổ chịu, miễn cho được sống qua khỏi cơn tủi nhục, để chờ khoa sau.

Phùng-Thị-Thuận, con gái cụ Chiêu, cũng giống tính cụ, không vì chồng thi hỏng mà buồn bực, thường vẫn cứ thản nhiên như không. Khoa thi ấy, học trò cụ Chiêu có ba ông Tân-khoa tức là Ngụy-Nhữ-Lâm, Khang-trọng-

Anh và Khúc - đình - Bat. Khúc - đình - Bat đỗ khôi nguyên khoa ấy, chính là rề hựt của cụ Chiêu. Đáng lẽ Phùng - thi - Thuận về tay Khúc - đình - Bat, nhưng vì Đình - Thường có tài xuất sắc hơn nên Đình - Thường thắng, ngày năm ngoái Đình - Thường có hân hạnh được kết duyên cùng Thị - Thuận, tự lấy làm vinh hiển bao nhiêu, thì ngày nay thi hỏng cũng tự lấy làm tủi nhục bấy nhiêu. Ngày năm ngoái, Khúc - Đình - Bat trượt cái vai giai - tế cụ Chiêu, tự lấy làm tủi nhục bao nhiêu, thì ngày nay giạt giải khôi - nguyên tranh của Đình - Thường, cũng tự lấy làm vinh hạnh bấy nhiêu. Nhà cụ Chiêu vừa được tin Đình - Thường thi hỏng hôm trước, thì hôm sau 3 tân - khoa đến làm lễ bái - môn thầy học (1) rồi tiễn đường dân làng rước 3 tân - khoa vinh quy bái tổ (2). Sân nhà cụ Chiêu hôm ấy quan khách rập riu, ngựa xe vũng lọng chật ních như đám rước thần ở cửa đình cửa quán vậy.

Xong lễ bái - môn linh đình ấy, cả nhà cụ Chiêu: nhất là cô Thị - Thuận, trông ngóng Đình - Thường, hết ngày ấy sang ngày khác, rồi hết tháng ấy sang tháng khác, chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Hỏi thăm trong đám học trò, hay dò la kẻ quen người thuộc, không một ai biết rõ tung tích Đình - Thường đã xiêu giạt nơi nao; nhiều người còn đồn rằng Đình - Thường đã chán đời trầm mình tự vẫn. Giần giẩn lâu không thấy tin tức gì, cả nhà cụ Chiêu cũng hết thấy mọi người đều yên chí là Đình - Thường đã chết rồi, không ai để ý gì đến nữa. Thị - Thuận thì tự - nhiên hóa ra người vi - vong, để cho trong đám môn sinh cụ Chiêu lại một phen sôi nổi ganh đua tài sức để mong kẻ chân ngôi giai - tế.

(1) Lễ bái - môn : ngày xưa, học trò thi đỗ, phải đội mũ mặc áo tân khoa đến trước mặt thầy học làm lễ tạ ơn thầy, giảng lễ vật và phủ phục lạy 4 lạy.

(2) Vinh quy bái tổ: Ngày xưa, học trò thi đỗ, được dân làng đón rước, có vũng lọng cờ quạt chiêng trống, đón từ nơi tiếp giáp địa phương, về đến tận nhà, để làm lễ trước bàn thờ tổ. Khi đón rước, người đi đông như đám hội, rất linh đình trọng thể.

NUÔI CHỒNG ĂN HỌC.

Thấm thoát lại đến khoa thi. Bốn phương sỹ tử lại một phen lều chõng tập nập đến trường thi, để thi nhau tranh khôi đoạt giáp. Bọn học trò cụ Chiêu lại một phen trở tài để mong chiếm ngôi giai tể của cụ. Chẳng nào cũng cầm chắc Trạng-nguyên trong tay, và dinh ninh thế nào cũng chiếm được ngôi giai-tể của thầy.

Đến hôm xướng danh treo bảng, người ta đồn rầm lên rằng: học trò cụ Chiêu có 6 người đỗ, trong đó có một khôi nguyên. Ai cũng tiếc rằng nếu con rể cụ Chiêu là Dĩnh-Thường mà còn sống, thì khôi nguyên khoa ấy không lọt vào tay người khác được. Người ta đương xôn xao bàn tán đến cái chết của Dĩnh-Thường, thì chợt có bảng con treo ở trước cửa trường thi, nêu tên những người phạm húy và phạm trường quy (1). Trong bảng con người ta trông thấy yết thị rõ ràng sau này:

« Nguyễn-Dĩnh-Thường đáng lẽ đỗ khôi nguyên, nhưng phạm húy nặng quá, phải hỏng tuột. Vì có tài đặc-biệt, được tha tội hình. »

(1) Thẻ lệ thi của ta ngày xưa. Mỗi khoa thi có 4 kỳ. Mỗi kỳ chấm bài xong, có bảng lớn yết tên những người đủ điểm, được vào kỳ khác, và có bảng con yết tên những người phạm tên húy của nhà vua, hay là phạm kỷ luật hoặc quy-chế của khoa trường.

Lúc bấy giờ người ta mới biết là Dĩnh-Thường vẫn còn sống. Anh em bạn học cùng bà con thân thuộc đổ xô đi tìm. Một tân-khoa tên là Phùng-trọng-Bình, vừa là cháu gọi cụ Chiêu bằng bác, lại vừa là bạn chí thân của Dĩnh-Thường, tình linh bắt gặp Dĩnh-Thường đương ở chỗ treo bảng con, chạy ra, đương lảng vảng có ý tránh mặt, chực trốn tránh bà con. Trọng-Bình bèn ôm choàng lấy mà rằng: Anh Dĩnh-Thường, anh vẫn còn sống, thế mà người ta đồn rằng anh đã chết rồi. Vậy lâu nay anh ở đâu? Sao không về nhà? Ở nhà, Thầy, cô, và chị, mong anh lắm đấy. Chị cũng chắc mười mươi là anh đã chết rồi nên vẫn để tang anh đấy.

Dĩnh-Thường đáp:

« Thầy tin chắc ở sức học của tôi, anh em
« chúc vọng vào tôi, vợ tôi đặt hết hy-vọng vào tôi. Tôi
« thiết nghĩ đã phụ hết thầy mọi người, nên không giám
« trông thấy mặt ai nữa. Đương định đi tự vẫn, thì gặp có
« chỗ đón đi dạy học. Tuy bị họ bắt buộc vừa dạy học
« vừa kiêm cả những công việc tôi tớ của họ, hết sức
« khó nhọc và hết sức nhục nhã, nhưng được cái hân hạnh
« là không trông thấy một người nào quen thuộc ở nơi
« rừ r; xanh núi đỏ kia. Khoa này lại hỏng, tôi thiết
« tưởng không nên vác mặt ở đời mà trông thấy ai nữa.
« Nhất là trông thấy mặt vợ, thì lại càng tủi nhục lắm.
« Bây giờ chỉ khẩn khoản xin anh đừng nói truyện với
« ai là có gặp tôi, để tôi lại lên chỗ dạy học cũ, kiêm
« cả chức thẳng ở cho khuất mắt mọi người. Anh nghe
« lời tôi, tức là anh đã làm phúc cho tôi. Tôi cảm tạ,
« anh suốt đời.

Phùng - Trọng - Bình :

« Thầy cô mong anh, chị mong anh, cả nhà mong
« anh, bè bạn mong anh, ai cũng thương tiếc anh, vì
« tưởng anh đã chết. Bây giờ được tin anh còn sống,
« chắc ai cũng mừng. Anh không nên phụ lòng tin yêu
« của mọi người. Anh nên về nhà khiến cho mọi người
« trông thấy để mừng. Còn về đường khoa danh, xin anh
« chớ ngại; anh là người có tài, chẳng đỗ khoa này thì
« đỗ khoa khác, tuổi còn trẻ, còn nhiều cơ hội, chưa
« đã muộn gì. »

Dĩnh - Thường thi hổng luôn 2 khoa, đương uất ức đến cực độ, tuy gặp bạn giải thích hết điều khôn khéo, nhưng không để vào tai, nhất định không chịu về nhà, nhất định lại đẩy liều lấm thân lên chỗ rừng thiêng nước độc, tiếp tục nghề gõ đầu trẻ, kiêm chức vụ đưa ỏ, cho qua ngày đoạn tháng. Khi ấy, Trọng-Bình đã lĩnh mũ áo tân khoa, kẻ đón người đưa tấp nập, sắp sửa vinh quy bái tổ. Nghe Dĩnh-Thường nói toàn giọng cố-chấp, không chịu theo lời mình về nhà, Trọng-Bình liền sai thân nhân tìm lấy Dĩnh-Thường, đêm ngày săn sóc từng ly từng tý, không cho rời đi đâu một bước, đợi đến ngày vinh quy đưa Dĩnh-Thường về nhà mình, rồi đến ngày bái môn thầy, đưa Dĩnh-Thường về tận nhà thầy giao trả cho chị là Thị-Thuận. Dĩnh-Thường mấy lần định tìm cách trốn thoát, nhưng bị săn sóc nghiêm ngặt quá, không tài nào rời đi đâu được một bước. Tuy tự lấy làm thẹn thùng nhục nhã, vì thua bạn một ly, nhưng cũng phải theo bạn bắt đi đâu thì đi, như thân tử tội vậy.

Nhà cụ Chiêu có tin báo Trọng-Bình đến làm lễ bái-môn, cả nhà mừng rỡ, ai nấy đều chờ đợi trông ngóng, vì Trọng-Bình vừa là cháu con nhà chủ, lại vừa là học trò có vẻ đặc sắc. Trong lúc mọi người chú ý chờ đón,

người ta đã sững sốt trông thấy Dĩnh-Thường đi bên cạnh Trọng-Bình, có mấy người săn sóc chung quanh như là đám áp giải tù-bình. Người kéo nhau đến xem đông nghìn nghịt, ai cũng lấy làm mừng rỡ, mà lại bàng khuâng nửa tin nửa ngờ, nhất là Phùng-thị-Thuận, mừng mừng tủi tủi, rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.

Dĩnh-Thường từ khi bị bắt ép về nhà cụ Chiêu, tự lấy làm hổ thẹn, người sinh ra bản thân, có lúc như ngầy như dại. Trước kia là người thông minh lỗi lạc, bây giờ hóa ra người dần dộn. Ai cũng ái ngại cho cô Thuận, tiếc thay cho đời cô Thuận.

Trước cái cảnh chồng là học trò nghèo, luôn 2 khoa thi hỏng, lại thêm nỗi con người dần dộn, Thị-Thuận tự lấy làm đau khổ cho số phận của mình. Những chàng tân khoa trước kia tự thẹn duyên phận hẩm hiu, không được diễm phúc như Dĩnh-Thường, thì nay đã vồng điều vồng thắm nẹhnh ngang, làm cho Thị-Thuận nát từng khúc ruột. Vì hoàn cảnh, Thị-Thuận không thể diễm nhiên ở lì mãi bên nhà cha mẹ với đức ông chồng dần dộn để ngồi mà trông thấy những hàng khoa danh hiển-hách ra vào cửa nhà mình, những hạng ấy phần nhiều lại là những hạng mà khi trước mình không thêm đếm xỉa tới.

Ngậm đắng nuốt cay, Thị-Thuận phải xin phép cụ Chiêu đưa Dĩnh-Thường về ở chính quê, tần tảo nuôi chồng ăn học, để chờ kịp khoa. Bao nhiêu giấn vốn cụ Chiêu bà cho riêng, và các đồ tế-nhuyên, giần giần bán hết để lo liệu cho chồng, chuyên cần đèn sách. Thêm vào canh củi vá may lần hồi, tuy không đến nỗi đói rách, nhưng cũng rất đói gian khổ. Vì Dĩnh-Thường bè bạn đông, phần nhiều là những bạn công khanh khoa bảng, kẻ lui người tới tấp nập, cơm rượu khoản đãi, không mấy ngày không. Thị-Thuận lao đao vất vả ăn bữa hôm lo bữa mai; bề

ngoài vẫn tươi cười vui vẻ, làm cho được lòng bạn, và vui lòng chồng, bề trong thì chỉ biết ngấm ngấm đau từng khúc ruột, vì nhiều khi chính mình phải nhịn đói để cho chồng no say với chúng bạn từng hàng tuần hàng tháng. Lại còn những việc hiếu việc hỷ, giỗ chạp hay phe giáp, tháng nào cũng chồng bắt hết việc nợ đến việc kia, tuy trong nhà tiền hết gạo không, nhưng vẫn phải vay mượn hay cầm cố, để lo liệu cho bằng đủ, không khi nào chịu thua bạn một ly. Hàng xóm láng giềng cùng kẻ quen người thuộc, ai cũng thương hại cho Thị-Thuận là một thân con gái thơ ngây phải gánh vác công việc nhà chồng hai vai nặng trĩu, người đảm đang đến đâu cũng khó mà đương nổi. Ai cũng mong cho Dĩnh-Thường chóng đỗ đạt, để cho Thị-Thuận chóng qua khỏi cơn lăm than cay đắng, cũng nghênh ngang vồng điều vồng thắm cho bố những lúc cơm sung cháo diễn, nhịn đói nuôi chồng ăn học.

BỊ CHỒNG TÌNH PHỤ.

Thấm thoát khoa thi đã đến. Dĩnh-Thường đổi tên là Đức-Trung để đi thi, có ý thay tên cũ đổi tên mới, để tránh những sự rủi ro, và đón lấy những sự may mắn. Quả nhiên Đức-Trung đỗ Tiến - sĩ cập - đệ. Tin ấy đã làm vang ầm khắp mọi nơi. Ai cũng lấy làm mừng cho Dĩnh - Thường đã trả xong nợ bút nghiên, và mừng cho Thị-Thuận đã hết cơn bỉ cực tới tuần thái - lai. Người ta mừng cho Dĩnh-Thường một phần thì lại mừng cho Thị-Thuận mười phần, vì nợ bút nghiên của Dĩnh-Thường chẳng trả khoa này thì trả khoa sau, trước sau không hề gì, còn Thị-Thuận thì đương cơn quần bách, khốn khó đủ trăm đường, ví cũng như con cá đương nằm giãy trên bãi đất khô, đương mong từng giây từng phút, được gáo nước để hồi tỉnh lại. Thị-Thuận cần phải được hồi-sinh ngay, sớm ngày nào hay ngày ấy, sớm phút nào hay phút ấy.

Người ta đương trông ngóng ngày vinh-quy của Dĩnh-Thường để đón xem khung cảnh vinh hoa của vợ chồng ông Tân-khoa, như câu ta thường nói: Vồng điều vồng thắm nghênh ngang, vồng anh đi trước vồng nàng đi sau. Cái tên Thị-Thuận cũng như 2 chữ Dĩnh-Thường, không ai dám gọi đến nữa, mà người ta chỉ gọi là bà khôi nguyên hay là ông khôi nguyên mà thôi.

Thế rồi, một ngày gần đấy, đám rước vinh quy linh đình rục rờ đã tới. Người ta kéo nhau lũ lượt đi xem như đi xem hội. Đám rước vừa đông người vừa oai vệ, Trống tiền trống hậu, trống cái trống con. Tiếng la dấy dấy, bóng tinh rợp trời. Người ta cố len lỏi vào đám rước đông người để nhìn ông khôi nguyên và bà khôi nguyên. Ai cũng chú ý nhất đến bà khôi nguyên, vì ai cũng muốn xem mặt Thị-Thuận để nhận xét khi trước áo nâu váy đụp so với ngày nay quần là áo lượt, hay mũ mẫng xiêm áo xem khác nhau thế nào. Người ta nóng ruột nhất là muốn chóng trông thấy mặt Thị-Thuận, vì ai cũng thương hại Thị-Thuận lắm than khổ cực, nay muốn trông thấy hiện tượng vinh hoa phú quý của Thị-Thuận để mừng.

Người ta chăm chú nhìn chăm chặp vào cái vồng điều đi sau. Nhưng ôi thôi, người ta đã sững sốt, thất vọng, vì người ta trông thấy vị phu-nhân ngồi ở vồng điều thứ hai không phải là Thị-Thuận, mà lại là một người con gái lạ mặt. Ai cũng lấy làm ngạc nhiên thương tiếc cho Thị-Thuận, căm giận Dĩnh-Thường, muốn xé tan người con gái lạ mặt ngồi trên vồng. Người ta thắc mắc kéo nhau lũ lượt theo đám rước vinh quy về tận nhà Dĩnh-Thường, tò mò rò xét xem duyên cớ éo le ấy ra sao.

Thì người ta đã thấy cảnh tượng rất chán ngán cho Thị-Thuận, đáng thương hại bội phần cho Thị-Thuận, số là :

Khi đám rước vinh-quy về tới sân nhà Dĩnh - Thường, cờ quạt vồng long vừa hạ xuống, tiếng trống tiếng la cùng âm nhạc vừa im lặng, quan khách đương nhốn nháo sửa soạn bước vào trong nhà, thì Thị - Thuận, quần nâu áo cộc, chân lấm tay bùn, vai đeo giỏ cua, tay cắp một rổ khoai lắn những dau lang dau sắn, vừa ở ngoài đồng về. Người nhà súm lại bảo nhỏ Thị - Thuận vào ngay nhà trong rửa ráy và thay quần áo để ra chào quan khách. Quan khách đương nhốn nháo, không ai để ý; có ai trông thấy, thì cũng chỉ đồ chừng cho là một người nhà đi bắt cua bắt ốc mới về mà thôi. Duy có những người thân thích, hay kẻ quen người biết quanh đây, chỉ trở thì thăm nghị luận, nhưng không ai to tiếng, vì còn muốn giữ thể-diện cho gia-đình ông khôi nguyên, một vị mới nổi danh tiếng nhất vùng đó.

Hắn ai cũng hiểu rằng người con gái lạ mặt kia là vợ lẽ của Dĩnh - Thường. Dĩnh - Thường đưa vợ lẽ vào nhà trong chào Thị - Thuận, và bẽn lẽn thú thực rằng :

« Đây là con gái nhà hàng cơm trọ. Người có nhan sắc mà lại tử tế, tình nguyện xin lấy làm lẽ ».

Thị - Thuận nghe nói, điềm nhiên như không, tỏ vẻ tức giận, và không ghen tuông chút nào. Họ hàng mời Dĩnh - Thường và Thị - Thuận lên nhà thờ để làm lễ yết miếu (1). Thị - Thuận cùng Dĩnh - Thường đôi vợ chồng tân khoa, lên nhà thờ làm lễ. Theo cổ lễ, đáng lẽ chỉ một mình người vợ cả có quyền được vào dự lễ với chồng. Nhưng cô vợ lẽ này có ý muốn lấn át vợ cả, nên đã chen vào đứng cùng chiếu ngang hàng với vợ cả, để cùng làm lễ. Họ hàng thấy truyện chương mắt, đều bảo cô vợ lẽ phải ra ngoài, bảo mãi không nghe, phải giắt tay lôi ra. Cô

(1) Ngày xưa, những người, đỗ đạt hay những người mới có chức danh phận, phải làm lễ trình tổ tiên.

vợ lẽ xấu hổ, từ đấy đem lòng oán hận, rồi làm cho gia đình Thị-Thuận tan nát. Thị-Thuận đối với Dĩnh-Thường vừa là 'con thầy học, vừa là ân-nhân, đáng nhẽ thì hàn vi có nhau, vinh hiển có nhau, mới phải. Trái lại, lúc hàn vi thì tấm thân cực nhục, nhịn đói chịu rét để cho chồng được no ấm đầy đủ, theo đòi nghiệp học đến thành tài; đến lúc vinh hiển thì người khác hưởng, nâng khăn sửa túi đã có người, vớng thắm vớng điều không đến lượt.

Dĩnh-Thường tuy thông minh, nhưng vốn tính lẳng mạn, lại là người vô tình. Đương là nha nhà nho kiết bông chốc quan sang, rể sinh lòng thay đổi. Cô vợ lẽ, vừa đẹp vừa ăn nói nhẹ nhàng, khéo lựa ý khéo chiều chuộng. Đêm ngày đường mật ton hót, làm cho Dĩnh-Thường say mê, rồi sinh ra nể sợ, nói gì cũng nghe, bắt buộc thế nào cũng phải chịu.

Quả nhiên Dĩnh - Thường chán ghét vợ cả, không những coi như người đứng, mà lại còn coi như người thù nữa. Thường có những nhời om xòm nhiếc mắng, xen vào những hành động phũ phàng tàn bạo. Đối với cử chỉ vũ phu và phi-nghĩa của Dĩnh - Thường, Thị-Thuận không hề oán trách nửa nhời. Khi ấy Thị-Thuận đã có với Dĩnh - Thường một mụn con gái lên ba tuổi, đặt tên là Hằng tức Ngọc - Huyền. Dĩnh - Thường đã quá vô tình, mê gái mà tình phụ vợ hiền, nỡ bỏ cả con thơ là kẻ vô tội.

Đức-Trung tức Dĩnh - Thường thi đỗ được 3 tháng, thì có sắc-chỉ bổ nhiệm chức Thái - Thử. Đức - Trung sắp sửa hành-lý đi cung chức. Sánh vai với cô vợ bé cùng hưởng phú quý. Không hỏi gì đến Thị-Thuận. Trước khi cùng cô vợ bé lên xe để đi đến chỗ nhậm chức, còn gắt gỏng hắt hủi, coi mẹ con Thị-Thuận như là người thù hằn vậy.

Lủi thủi một thân một mình với đứa con thơ không nơi nương tựa, Thị-Thuận đành phải bế con về Nghệ-An, là nơi quê ngoại, tần tảo nuôi con cho qua ngày tháng.

Thấm thoát Ngọc-Hằng đã 16 tuổi. Một dịp tình cờ, lòng trời xui khiến, gặp Hoàng-Tử-Hiệu tự nhiên kết thành phu-phụ. Năm ấy Hoàng-Tử-Hiệu đúng 18 tuổi, chỉ ham mê ngâm vịnh, ngao du sơn thủy, không thiết gì ngôi báu, và cũng không để ý đến chuyện gia-đình. May gặp Thị-Hằng, vì một câu tức cảnh ngẫu hứng, mà sợi tơ hồng tự nhiên dằng buộc, không hẹn mà nên. Qua một thời gian dò la, qua một thời gian gần bó, rồi hôn lễ thành. Rồi lòng cứu nước qua khỏi cơn cát lăm gió bụi đã xúc động cho vị thần nhân: vui lòng nhận ngai vàng, nổi tiếng anh hùng tài lược.

CỨU CHỒNG THOÁT TỘI

Hoàng-tử Tư-Thành cùng Ngọc-Hằng tức Ngọc-Huyền kết duyên với nhau vừa đúng một năm thì sinh con trai. Hôm ấy là ngày mồng mười tháng tám năm Tân-Ty, niên hiệu Quang-Thuận thứ hai (1490), Ngọc-Huyền đau bụng, giở da, trong mình choáng váng, nằm thiu thiu ngủ, chợt thấy trong nhà sáng rực, một con rồng vàng lượn quanh mấy vòng, sợ hãi chồm dậy, cố mở mắt nhìn, thì rồng đã biến mất, liền sinh con trai. Lấy nghĩa: « sáng sủa vẻ vang », nên đặt tên húy cho con là Huy, — vì có hy vọng về người con ấy sẽ là nền tảng của quốc-gia sau này, nên lại đặt thêm một tên húy nữa là Tăng. Vừa đầy tháng con trai, thì Hoàng-Tử được Triều-đình đón lên ngôi Hoàng-Đế. Thoạt tiên hoàng-tử từ chối, nhưng vì có bà vợ khuyên giải mãi, sau cùng hoàng-tử phải nhận.

(1) Hình như minh đội hương hoa lễ chùa Phật-Tích (tức chùa Thiên-phúc ở làng Thụy-Khê, huyện An-Sơn tỉnh Sơn-Tây.)

Nhân dịp lễ đăng quang, Phùng-Thị-Thuận là sinh-mẫu hoàng-hậu được mời vào hoàng-cung dự lễ khánh hạ. Hôm ấy, ở ngôi nhà tranh, đầu xóm Đoài làng Miêu-Ngoại-Trang, người ta đã thấy ngựa xe rộn rịp đến đón bà sinh mẫu hoàng-hậu. Thị-Thuận lúc bấy giờ, không còn khoác bộ quần áo của mẹ bắt của ở nhà Đức-Trung hồi trước nữa, mà đã mũ mấn xiêm áo chỉnh tề ngồi trên võng điều do bọn nữ quan đón rước về kinh thành. Hôm ấy, vừa đến cửa Ngọ-Môn, Thị-Thuận xuống võng, đợi trong Hoàng-cung ra nghênh tiếp. Người ta đã để ý đến cái bà cao-quý nhất trong đám ấy. Nời nói bàn tán om xòm, người kiêng chân trông, người gio tay chỉ trỏ. Người khen dáng đẹp và phúc hậu, người nhận là có quen biết đã lâu.

Bà không để ý, nhưng người ta đã chăm chăm nhìn bà, trăm nghìn người như một. Chợt trong đám đông người có một ông ra vẻ quan lớn, nhưng bị 2 quân nhân đi kèm bên cạnh, chạy lại gần bà chào hỏi một cách thân mật âu yếm lắm. Bà đương nhìn kỹ để nhận xét thì ông kia đã cất tiếng to lên rằng: Bà quên tôi rồi ư! Đức-Trung tức Dĩnh-Thường đây mà.

Nghe nói đến tên, bà sức nhớ đến người. Chính là người đã tình phụ bà, làm cho bà đau đớn ê chề, đắng đắng chốc đã 17 năm trời; chính là người đã say mê cô vợ bé, ruồng rẫy mẹ con bà, làm cho bà ngậm đắng nuốt cay, bế con về nương nhờ bên quê ngoại.

« Con người phụ bạc kia, ai ngờ lại còn trông thấy mặt! » ai ngờ lại còn giám trông mặt ta! » — đó là những lời bà lẩm bẩm một mình, trong khi nghe thấy ông kia xưng tên là Nguyễn - Dĩnh - Thường.

Nghe đến tên, tuy căm giận, nhưng vẫn còn nghĩ, « đến tình cũ, bà liền đáp: « Ông đấy à. Tôi quên thật đấy, « gần 20 năm trời rồi còn gì. Bây giờ trông khác xưa nhiều

nếu ông không nói tên thì tôi cũng chịu không nhận được là ai nữa. Thế bây giờ ông làm đến gì rồi? Còn tại chức nữa không? Đi đâu thế? Chắc vào Triều dự lễ bái khánh thì phải.

— Sắp bị mất đầu đến nơi rồi đây. Còn gì mà được dự lễ bái khánh.

— Sao thế ông?

— Nguyên tôi mới được thăng bổ chánh-sứ, được triều đình cắt ra trấn thủ nơi quan-ải, thuộc địa phận Thanh Hóa. Chưa đầy ba tháng thì xảy ra sự biến cố này.

— Biến-cố thế nào?

— Số là có một bọn hải-phỉ xông vào cướp phá quan-ải, đốt doanh trại, cướp khi giới kho tàng, nhiều thnộc hạ bị bắt, may tôi trốn thoát. Cứ tình trạng như thế, chiều luật phải tử hình, lại còn bị tịch một gia sản để bồi thường công khó nữa. Nay đến đây để đợi giờ vào tam pháp-tư, thăm vấn lần cuối cùng nữa, rồi tuyên án thi-hành. Đương lo ngay ngáy, không biết cầu cứu vào đâu cho thoát tội, thì may gặp bà đây, mới biết là con Ngọc-Huyền yêu quý của nhà ta đã lên ngôi Hoàng hậu. Tôi mừng quá, có lẽ tôi không phải tội chết nữa. Tôi tin chắc rằng: tôi tuy tẻ bạc, nhưng bà vẫn thương tôi, cũng như Ngọc-Huyền vẫn thương cha, không khi nào nó để cho tôi hồn phách lìa xác, cơ nghiệp sung công, gia-dình tan nát.

Phúc ấm nhà ta còn to thật! tôi biết rằng tội của tôi đối với gia-dình cũng đáng chết như đối với tổ-quốc. Tôi rất ân hận, chỉ mong gia-dình tha tội, tổ-bnóc tha tội, để lấy thân tàn báo đáp mai sau. Tôi tuổi chửa già, sức còn khỏe, còn có thể bổ-ích muôn một cho gia-dình tổ-quốc.

Ông đương muốn tiếp luôn nữa, thì bỗng trong hoàng cung có lệnh đưa ra đón bà, hai nữ-quan và một đôi cung

tần, xiêm áo xán lạn như đàn tiên, sùm sít quanh bà, chào mừng rối rít, rước bà vào cung. Họ làm rối cả lên, bà không thể tiếp truyện thêm được, bắt đặc rĩ đành phải từ giã ông, chỉ ngoảnh cổ lại với bảo ông rằng: Thôi, ông cứ yên tâm, để tôi xem.

Bọn nữ-quan cung-tần đương reo mừng riu rít đón bà, chẳng ai để ý đến cái ông đương đứng nói truyện với bà, và cũng chẳng ai để tai nghe những lời bà nói với lại cùng ông là chi chi cả. chỉ biết tranh nhau nắm tay lôi áo mời bà lên kiệu để rước vào.

Nguyễn-Đức-Trung đứng sững người ra để nhìn, nhìn theo mãi lối đi thăm thẳm vào trong, giần giần không thấy hút bóng đâu nữa mới thôi, rồi lững thững quay lại chỗ 2 quân-nhân áp giải. Chờ độ một lúc, rồi đứng giờ vào Tam-pháp Tư-hầu cuộc thăm vấn. Cuộc thăm vấn một hồi lâu xong rồi, người ta lại điệu về nhà giam để đợi ngày trảm quyết.

Về nhà giam, nhân gặp bà vợ bé mang cơm và quà bánh vào thăm, ông liền kể truyện vừa gặp bà cả ở cổng thành, và nói tiếp:

Bà ấy bây giờ to lắm rồi. Con ngọc-Huyền được làm Hoàng-Hậu, bà ấy vào chơi với con, may tình cờ bắt gặp ở cổng thành.

Tuy xa cách nhau đã lâu, nhưng thoát trông thấy mặt, mình nhận được ngay, vì người và dáng điệu không thay đổi gì mấy, có phần còn đầy đà và mỹ miều hơn trước nhiều. Về phần bà ấy, xem ra có lẽ quên mình, nếu mình không xưng danh, thì bà ấy không nhận được là ai nữa.

— Bà ấy lơ đi đấy chứ gì, quên thế nào được.

— Kể ra, mình đối với bà ấy cũng tệ bạc lắm thật. Đáng lẽ gặp mình, bà ấy không những không thêm trông mặt, mà lại còn khạc nhổ vào mặt nữa là đằng khác.

Nhưng xem ra, không phải là bà ấy giận mình, chính là bà ấy đã quên mình thật,

— Dầu sao, bà ấy cũng còn căm giận chúng mình lắm thì phải.

— Xem ý không căm giận gì đâu. Người có lượng, ai thèm chấp những cái vặt. Tôi biết bà ấy là người có lượng.

— Sao ông không nói với bà ấy tìm cách tha tội cho?

— Có, tôi đã liệu điều nói mãi, đương nói giờ câu truyện thì tui cũng tần ra đón bà ấy vào, làm ngắt mất những câu đương cần nói tiếp, tiếc quá.

— Bà ấy có nhận là giúp cho không?

— Có, bà ấy giận: cứ yên tâm, để bà ấy xem.

— Còn để xem, thì ăn thua gì. Tôi e không có chút hy vọng nào cả?

— Ấy, tôi cũng e như thế. Nhưng còn trông ở tấm lòng quảng đại của bà ấy. Tôi biết là bà ấy tốt. Chỉ tại cái tính «có mới nới cũ», làm cho tôi ăn ở tệ bạc với bà ấy. Tôi hối hận vô cùng. Nhưng lượng cả bao dong của bà ấy bao giờ cũng sẵn sàng tha thứ cho tôi. Tôi chắc như thế. Huống chi lại còn Ngọc-Hằng ở đấy, tình máu mủ, cha con không bao giờ bỏ nhau. Thế nào nó cũng phải cứu bố. Chỉ sợ bà ấy quên, không kể truyện cho con nó biết mà thôi.

— Ấy, tôi cũng chỉ sợ bà ấy quên. Nào con rể Hoàng-đế, nào con gái Hoàng-Hậu, nào cung tần hầu hạ, yến tiệc luôn luôn, lúc nào cũng vui, để ý gì đến việc của mình.

— Nghĩ thế, tôi lại đâm lo, mất ăn mất ngủ, thôi đành phó thác mặc trời xanh, chỉ còn mấy hôm nữa là kết liễu tính mệnh.

Hai ông bà kể lể đến đấy, rồi bàn tính việc gần xa, kiểm đếm lại gia sản, ông thì lo mất đầu, bà thì lo mất nghiệp, hết kế nuôi thân, sau cùng đến chết mà thôi. Rồi hết ngày ấy sang ngày khác, ông chỉ ngấm ngấm lo phiền đời ngày tận số, bà chỉ than thân trách phận, đời ngày thác theo ông.

Đằng đẳng hơn một tháng trời trông ngóng, không chút tăm hơi, tưởng hết hy vọng, cả hai ông bà người cứ sòm giần, ăn nói vợ vẫn như mất cả hồn vía.

Chợt có lệnh ân xá, được triệu hồi Kinh để đợi chỉ. Đức-Trung mừng cuống cuồng, thu xếp hành-lý để về Kinh tạ tội. Khi lên đường, ông lên giọng sung sướng tự đắc nói với bà bé:

Tôi biết bà ấy là người có lượng, không thêm ghen tuông lèm nhèm, chấp trách những cái nhỏ mọn. Tôi mình thực đáng chết, không gặp bà ấy thì bỏ đời. Chuyến này, không những phải tạ tội với triều đình, mà còn phải tạ tội với cả bà ấy nữa.

Bà bé tiếp :

— Người ta tha tội cho ông mà tôi thêm xấu hổ? thật là vì tôi mà ông đã mang tội tình phụ bà ấy, vì tôi mà tan nát gia-đình nhà ông. Nhiều người như tôi đã làm cho biết bao nhiêu người đau khổ vì tình, tự vẫn vì tình, đâm chém nhau vì tình. Nhiều người như tôi đã làm cho cuộc đời điên đảo, lòng người đổi thay. Hạng người như tôi, ở đời không nên có; cái cuộc tơ duyên như ông với tôi, ở đời cũng không nên có.

Bà bé nói dứt lời, liền cầm giao cắt cổ tự-tử. Ông vội vàng giăng lấy giao cứu chữa, nhưng vết giao đã sâu, máu chảy lênh láng, bà chỉ còn giẫy giữa vạt vĩa

một hồi lâu, rồi thở hơi cuối cùng.

Đã là thân tù tội, lại gặp tang tóc giữa đường, Đức-Trung đành phải quyền nghi tổng táng một cách lạo thảo :

*Sấm sanh nếp tử xe châu,
Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.*

Thế rồi

*Trải bao thổ lặn ác tà,
Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm.*

TRÚC MAI SUM HỌP

Lê-Thánh-Tông là người chí hiếu. Ở ngôi hoàng-đế chỉ tôn, mà đối với mẹ thì tự đặt mình như là một người thường dân, không nề thức khuya dậy sớm, không quản khó nhọc, luôn luôn ở bên cạnh mẹ, săn sóc lúc ăn lúc ngủ cho mẹ được khỏe mạnh ; lại thường đọc sách ngâm thơ và kể truyện cổ tích đá giọng khôi hài, làm cho mẹ vui lòng. Hết sức lựa ý chiều chuộng mẹ, nhớ khi nào mẹ có điều gì buồn bực, thì Thánh-Tông mặc áo long-cổn đội mũ bình-thiên, phủ phục lạy mẹ, kêu van là tội lỗi ở mình, xin mẹ tha thứ, — còn sợ chữa đủ cảm được lòng mẹ, lại nhảy múa như phường chèo ôm lấy chân mẹ, để cho mẹ buồn cười. Mỗi khi mẹ ốm, Thánh-Tông ở luôn bên cạnh nâng rắc, hầu hạ thuốc thang. Săn sóc cẩn thận trong khi thị-tý sắc thuốc, chính tay mình rót thuốc, nếm thử trước đã, rồi mới đưa cho mẹ uống. Cơm hay những món ăn, đều do mình nếm trước, rồi mới dâng lên cho mẹ.

Mẹ muốn ra chùa tụng kinh niệm phật, Thánh-Tông chiều ý cho dựng một ngôi chùa rất nguy nga lộng lẫy ở ngay hoàng-cung, để mẹ sớm tối lễ bái cho tiện.

Trước cửa chùa, đặt một thư viện. Hằng ngày, trừ buổi đại-triền, hay những buổi tuần-thủ, còn lúc nào cũng ngồi ở thư-viện, có ý vừa xem sách vừa trông nom mẹ.

Đối với Phùng-Thị-Thuận là nhạc mẫu, Thánh-Tông cũng thờ kính như mẹ đẻ. Từ khi Thị-Thuận vào mừng lễ đăng-quang, Thánh-Tông mời ở luôn trong cung với mẹ đẻ, lễ thần hôn định tỉnh, thờ hai mẹ như một.

Một hôm, sau khi bãi triều, Thánh-Tông vào cung ăn cơm hầu truyện hai mẹ. Nhân lúc nhàn rồi, hai bà mẹ ôn lại truyện cũ, lúc hàn vi. Hai bà thông-gia, mỗi bà một hoàn cảnh, tuy trường hợp khác nhau, nhưng đều chứa chan nỗi éo le, đầy rẫy sự đau khổ. Bà Ngọc-Rao đau xót về nỗi mẹ bị hoá bùa gặp tay cường bạo xâm lăng, làm nhor nhuốc tâm thần trình bạch; bà Thị-Thuận đau xót về nỗi lang quân phụ bạc để cho bà ba chìm bấy nỗi, đau xót ê chề. Thánh-Tông cùng Hoàng-Hậu Ngọc-Hằng ngồi hầu hai mẹ, nghe thấy hai mẹ than thở đoạn trường, mỗi sầu cảm tự đau tuôn ra, vợ chồng cùng khóc, hai mẹ cùng khóc. Đương lúc trông nhau than khóc sụt sùi, bỗng có tin báo Nguyễn-Đức-Trung xin vào chầu tạ tội.

Cả nhà trông nhau sửng sốt, Thánh-Tông và Hoàng-Hậu xin tùy ý bà nhạc (Thị-Thuận) cho ân xá, bằng cách nào? phạt hay trừng-trì thế nào? xin để bà nhạc có đặc-quyền phán định. Bà nhạc đương bàng hoàng như giấc chiêm bao, tự thấy ghen cổ, không sao nói được. Bà Ngọc-Rao Hoàng-thái-hậu thay lời nói:

—Người phụ bạc kia, đã được tha cho tội chết, nếu cho vào triều bái một cách rể ràng, sợ sau này sẽ không biết ăn năn tội lỗi. Bây giờ cần phải để cho lão đại tội lập công, trở tài để chuộc tội. Nay nhân có hai vấn đề quan trọng đương cần được giải quyết: 1.) Nhà Minh đương đòi đất Chiêm-Thành, 2.) Lão Qua đương cùng với

Bồn-Man hiệp sức để quấy rối biên cương. Giao cho lão cả hai việc ấy để lão chọn lấy một việc, cố gắng lập công. Nếu việc thành, sẽ được tha tội và trọng thưởng.

Lời của bà Ngọc-Rao được bà nhạc đồng ý. Thánh-Tông liền ra lệnh cho Nguyễn-Đức-Trung miễn triều, và đưa cho hai vấn-đề trên kia để chọn lấy một mà lập công. Đức-Trung xin nhận một việc đi sứ nhà Minh. Đức-Trung cùng với bọn Bùi-Son, Vương-Khắc-Thuật tất cả 7 người, thành một phái đoàn sang sứ nhà Minh. Bùi-Son làm chánh, Đức-Trung làm phó. Sang đến Minh, Đức-Trung ứng đối linh lợi: nào kể tội Trà-Toàn, vua Chiêm-Thành, hay sinh sự quấy rối nước Nam, — nào là đất đai của Chiêm-Thành rất hiểm trở mà lại toàn những sỏi cùng cát, những núi cùng rừng, — nào là đánh được Chiêm-Thành rất khó, đánh được rồi cũng khó mà giữ nổi, — cuối cùng dẫn lời nói của Thánh-Tông để dọa nhà Minh. Thánh-Tông thường bảo với triều thần rằng :

« Ta phải giữ gìn cho cẩn thận đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tấc sông của vua Thái-Tổ để lại. » — Nào là quân dân nước Nam đương đoàn kết đánh đông dẹp bắc, mở mang thêm bờ cõi, không bao giờ chịu để một tấc đất lọt vào tay người khác, vân vân...

Nhà Minh thấy lời nói khẳng khái của sứ thần Việt-Nam, và trông thấy nước Nam bấy giờ đánh Lào giúp Chiêm, thanh-thế lưng lẩy vô cùng, nên cũng lấy lễ nghĩa đối đãi người Việt-Nam, không giám dòm ngó và sách nhiễu gì nữa. Nhà Minh khen ngợi sứ-thần và nhận hai nước kết giao thân thiện.

Sứ đoàn về triều phục mệnh, đều được phong thưởng. Riêng Đức-Trung được xóa bỏ hẳn tiền án, và thăng chức Lễ-bộ Thị-lang, Hàn-lâm viện Thị-độc. Đức-Trung nhận chức, bái tạ trước đại-dinh, xong rồi được lệnh đón vào

nội diện để yết kiến hai bà Từ cung (bà Ngọc-Rao và bà Thị-Thuận). Trước mặt hai bà, Đức-Trung quỳ lạy phục tội. Thị-Thuận nâng rây mời ngồi, Ngọc-Hằng Hoàng-Hậu lặn xuống đất, ôm lấy chân Đức-Trung, với hai hàng nước mắt đầm đìa, than rằng :

— Trời đất ôi ! ai làm cho cha con ta xa nhau ? ai làm cho mẹ con phải xa cha ? Vì lòng trời xui khiến mà cha còn nhận được mẹ con, vì lòng trời xui khiến mà con lại được gặp cha ! Trời đất ôi ! tội con thực to, khôn chuộc ! Có lẽ vì con mà cha phải ruồng rẫy mẹ con ! Có lẽ vì con bất hiếu mà cha đã từ bỏ con ! Con bị cha từ bỏ, nhưng lúc nào con cũng thương cha nhớ cha, lúc nào con cũng tin tưởng ở cha, vì trừ chồng con ra, chỉ có cha mẹ là trời đất, đáng yêu đáng quý nhất trong đời con.

*Từ đấy, trúc mai sum họp một nhà,
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.*

LÊ - THÁNH - TÔNG (1460 - 1497)

Lê-Thánh-Tông vốn thông minh hơn người, lại chăm đọc sách, ham từ chương, thích ngâm vịnh. Các loại sách, sách nào cũng đọc, phạm việc đời, việc gì cũng từng trải thông thạo. Khi còn là thái-tử, thiên hạ ai ai cũng mến phục. Kịp khi lên ngôi, chú trọng nhất việc văn-hóa. Soạn Quỳnh-Uyển cửu ca, một áng văn tuyệt tác ở đời, dựng Tao-dàn Nhị Thập bát tú, tự xưng là Tao-dàn Nguyên-Soái. Sửa đổi phép thi, đặt ra nhiều khoa để kén chọn nhân tài. Sửa pháp độ, xếp đặt lễ nhạc, định quan chức để rộng đường bổ dụng, đặt triều phục để phân biệt tôn ty. Chính-trị trong nước, hết thấy đều phỏng theo đúng khuôn phép của nhà Minh bên Tàu. Sử chép : « Văn-học chế-độ ở nước Việt-Nam thịnh nhất về đời Lê-Hồng-Đức.

Về vũ-công, Lê-Thánh-Tông đã góp một phần lớn trên con đường nam-tiến của nước Việt-Nam, kỳ-công vĩ-tích đã làm vẻ vang trên lịch-sử. Giệp Ai-Lao, diệt Bồn-Man, chiếm cứ được cương thổ của họ, lập thành tỉnh Trấn-Ninh ngày nay. Chiêm-Thành là nước hùng dũng quật cường nhất ở phía nam, bao phen xâm lăng nước nhà, các đời đã hao binh tổn tướng, giệp mãi không xong, đành phải giảng hoà để cho yên bờ cõi. Lê-Thánh-Tông nhất định đánh cho bằng được, phá sào-huyệt, chiếm đất đai, mở được tỉnh Quảng-Nam ngày nay. Người đời đã phải ca tụng công đức, và so sánh anh hùng tài lược không kém gì Hán-Vũ-Đế, Đường-Thái-Tông bên Tàu. Chúng tôi tỏ rõ bằng một đoạn quốc-sử diễn ca sau này:

*Thánh-Tông cốt cách thần tiên,
Lại thêm Kinh-thánh truyện-hiền gia công.
Quốc-âm đường luật tinh thông,
Thiên văn pháp số binh nhung cũng tường.
Tài cao-mại, đức thù thường.
Kiến-văn đã rộng, thi-trương cũng già.
Ba năm lại mở một khoa,
Tân-hung thịnh-diêm theo nhà Thành-Chu.
Nhạc-âm lễ-chế giảng cầu,
Quar-danh phục sắc theo triều Đại-Minh.
Mở Quảng-Nam đặt Trấn-Ninh,
Đề phong muôn dặm uy linh ai bì.
Kỳ công non đá còn bia,
Thi văn bút tập thần khuê còn truyền.*

* * *

Thi-văn Lê-Thánh-Tòng phần nhiều là chữ Hán. Xin
trích một ít văn nôm dưới đây để cống hiến độc giả:

CON CỐC

Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,
Chốn nghiêm thăm thăm một mình ngồi.
Chép miệng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời.

CON VOI

Xông pha bốn cõi bể chông gai.
Vùng vẫy mười phương bụi cát bay.
Phép nước gọi là tơ chỉ buộc,
Sức này nào quản búa rìu lay.

ĐỆT VẢI

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương.
Vây phải lên ngôi gỗ mối dường.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt,
Gót vàng giện đập máy âm dương.

THĂNG BỒ NHÌN

Quyển trọng ra oai trấn cõi bờ,
Vốn lòng vì nước chẳng vì đưa.
Xét soi trước mặt đôi vùng ngọc,
Vùng vẫy trên tay một lá cờ.
Giệp giống chim muông xa phải lánh,
Đuổi quân cây quốc lạng không thừa.
Mặc ai nhảy nhót đường danh lợi,
Ơn nước đầm đĩa hạt móc mưa.

ĐỀ MIẾU NÀNG TRƯƠNG

Nghi ngút đầu ghềnh toả khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ,
Làn nước chỉ cho lụy đến nàng.
Chứng quả có đôi vầng nhật nguyệt
Giải oan chỉ mượn đến đàn tràng.
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,
Khả trách chàng Trương khéo phủ phàng.

QUA ĐÈO NGANG

Bãi thảm ngàn xa cảnh vắng teo,
Đèo Ngang lợi bề nước trong veo.
Thà là cúi xuống cây đòi sứt,
Xỏ xắt trông lên sóng muốn trào.
Lạnh chạnh đầu mầm chim vững tổ,
Lang danh cuối vụng cá mong triều.
Cuộc cờ kim cổ chung bao ná,
Non nước trông chừng vẫn bấy nhiêu.

THÀNG MỖ

Mỗ này cả tiếng lại dài hơi.
Măn cần ra tay chẳng phải chơi.
Mộc đặc vang lừng trong bốn cõi,
Kim thanh rền rĩ khắp đôi nơi.
Trẻ già thay thay đều nghe lệnh,
Làng nước ai ai phải cử lời.
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.

THỢ CẠO

Nở mặt trần gian ức vạn người,
Đông tây nam bắc phải làm tôi.
Vài thanh gươm bạc xông trăm trận,
Mấy chiếc qua vàng đóng một nơi.
Kẻ trọng Tam Công thường bó gậy,
Người cao nhất phẩm cũng cầm tai.
Trăm năm tiểu sản kho vô tận,
Xếp tút kiên khôn chỉ việc ngồi.

TÔI ĐÂY

Ngắm nghĩ trần duyên khéo nực cười,
Sắc không tuy Bụt, hãy lòng người.
Chày kinh một tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm năm canh lần sự đời.
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực lạc là đâu tá?
Cực lạc là đây chín rõ mười.

NGƯỜI ĐÁNH ĐẠM

Rạng ngày cõm nước cất quân mau.
Khí cụ tùy thân đủ trước sau.
Cán lọng giữa trời, người đứng đó.
Vòng cung đập đất thấy ai đâu.
Nhưng phường trê chuối đều sây vầy,
Mấy lũ dòng dong cũng dập đầu.
Giệp nước yên rồi về kẻ chợ,
Bầy giờ các chị mới tranh nhau.

NGƯỜI ĂN MÀY

Chẳng phải ăn dong chẳng phải vay,
Lộc trời để lại được ăn may.
Hạt châu chúa cất trao ngang mặt,
Bệ ngọc tôi từng đứng lượm tay.
Nam bắc đông tây đều tới cửa.
Trẻ già lớn bé cũng xưng thày.
Đến đâu sẵn có lâu đài đó,
Bốn bề thu vào một túi đầy.

MẸ VƯƠNG - LĂNG TIỄN SỬ GIẢ NHÀ HÁN

Đình phò đằng đằng ngựa dõng chân
Nỗi mẹ con này gửi sứ-quân.
Nhớ Hán lòng còn đan một tấm,
Thương Lăng tóc đã bạc mười phân
Mọi bề trung hiếu khôn hai vẹn,
Gặp hội công danh dễ mấy lần.
Mệnh mẹ lá vàng dầu mỏng mảnh.
Về thời nhận kỷ nghĩa quân thân.

CỐI XAY

Thóc lúa trời cho vẫn sẵn đầy,
Tạo thành cái cối để mà xay.
Thu tàng châu ngọc tư mùa đủ.
Chuyền vận âm dương một máy xoay

Đất phẳng nổi đùng cơn sấm động
Vòng quanh vung té hạt mưa bay.
Đem tài xoay xỏa ra tay giỏi.
Lợi dụng cho dân đủ tháng ngày.

CÁI ĐIỀU HÚT THUỐC LÀO

Hơi thơm lừng lầy khắp trong ngoài.
Kẻ dẫu người yêu chẳng một ai.
Đầu mũ lưng đai ngồi chằm chằm,
Lòng sông rồn bể chứa vui vui.
Tiếng reo chẳng sấm mà vang đất,
Khói tỏa không mây cũng ngất trời.
Phút chốc hạ xe im nước lại,
Ai tan khói quý ngọc chìm hơi.

CÁI XE ĐIỀU THUỐC LÀO

Vốn ở lâu dài đã bấy nay,
Khi nên dễ khiến thế gian say.
Lưng in chính trực mười phân thẳng,
Dạ vẫn hư linh một liết ngay.
Động sóng tuôn mây khi chán miệng,
Nghiêng trời lệch đất thử buông tay.
Dưới từ thôn dã trên cung điện,
Ai chẳng quen hơi mền đức này.

CÁI CHÔI

Lời chúa, ban truyền xuống ngọc giai,
Trao cho quyền bính quét trần ai.
Một phen vung vẩy trời tuôn gió,
Bốn cõi tung hoành đất sạch gai.

Ngày vắng, rủ mây cung Bắc Hán,
Đêm thanh, tựa nguyệt chốn lâu dài.
Ôm lòng gốc rễ, lâu càng dài,
Mòn mỗi lưng còn một cái đai.

HOA SEN

Chẳng bận chi trần mảy mảy hơi.
Trọn bề thanh quý tốt xa vời.
Nồn nà chất thẳng nhờ duyên nước,
Ngào ngạt hương đưa nức đậm trời.
Gấm Chức dong tơ, khuấy cửai mắc.
Gương Hằng ngấm bóng, ngại trâm cài.
Đại-trì há dễ như bùn vẩn,
Hón hờ thăng bình vận thái giai.

Bốn bài thơ tứ-tuyệt vịnh cảnh 4 mùa của nữ thi-sĩ Ngô-chi-Lan, (1) được Lê-Thánh-Tông khen thưởng, dùng làm tiêu biểu nữ giới đời bấy giờ:

XUÂN :

Khí trời ấm áp đượm hơi dương,
Thấp thoáng lầu cao vẻ ác vàng.
Rèm liều liu lo oanh hót gió,
Giấu hoa phơi phới bướm chầm hương.

HẠ :

Gió đưa bông lựu đỏ rơi bời
Tựa gốc cây đa đứng nhớn chơi.
Oanh nọ tiếc xuân còn vỗ cánh,
Én kia tức cảnh cũng gào hơi.

THU :

Gói vàng hiu hắt cảnh tiêu sơ,
Lẻ tẻ bên trời bóng nhạt thưa.
Giếng ngọc sen tàn, bông hết thắm,
Rừng phong lá rụng tiếng như mưa.

ĐÔNG :

Lò sưởi kề bên ngọn lửa hồng,
Giải buồn chén rượu lúc sâu đông.
Tuyết đưa khói lạnh xông trên cửa,
Gió phẩy mưa băng giải mặt sông.

(1) Ngô-Chi-Lan, người làng Phù-Lỗ, huyện Kim-Anh, tỉnh Phúc-Yên bây giờ, — thông minh, có văn-tài. Lê-Thánh-Tông phong làm Phù gia Nữ học sĩ, được ở luôn trong cung để dạy cung nữ.

* * *

Lê-Thánh-Tông lên ngôi năm 19 tuổi, đến năm Đinh - Ty, tháng giêng, ngày 30 giờ thìn, bị bệnh mất, thọ 56 tuổi, — trị vì 38 năm (1460 - 1497).

Triều đình dâng tên Thụy là :

Sùng thiên quảng văn, Cao minh quang chính, Chí đức đại công, Thánh Văn Thần Vũ, Đạt Hiếu Thuần Hoàng-đế. Miếu-hiệu là Thánh-Tông.

14 con trai: 1. Tạng (tức Hiến - Tông), 2. Lương Vương Thuyên, 3. Tống Vương Túng, 4. Đường Vương Cảo, 5. Kiến Vương Tàn, 6. Phúc-Vương-Tranh, 7. — Diễn - Vương - Tống, 8. Quảng-Vương-Thảo, 9. Lâm-Vương-Tương, 10. Ứng-Vương-Chiêu, 11. Nghĩa - vương-Dịch, 12. Trần-Vương-Kính, 13. Triệu-Vương-Tuấn, 14. Kinh-Vương-Kiện.

20 con gái, trong số đó có Thụy-Hoa-Công-Chúa là thứ ba.

GÓP CÔNG DIỆT CHIÊM - THÀNH

Bà Lê - thánh - Tông đương kỳ thai nghén, bỗng một hôm nằm mộng thấy có người cầm một đóa hoa mai trắng đến đưa cho bà. Bà vừa cầm lấy đóa hoa thì chợt tỉnh, liền sinh con gái. Để kỷ-niệm giấc mộng, bà đặt tên cho con gái là Bạch-Mai, tên tự là Thụy-Hoa công-Chúa. Công-Chúa người đẹp mà lại có tài. Nhờ ảnh hưởng giáo-dục gia-đình, công-Chúa đã am hiểu thể cách thi-văn và thông thạo cả binh pháp.

Mấy năm đánh Ai-Lao, đánh Bồn-Man, công-chúa vẫn ân-hận vì còn bé không được dự lập chiến-công. Nay thấy vua cha thân-hành đi đánh Chiêm-Thành, mấy tháng trời hao binh tổn tướng, vẫn chưa thành công, công-chúa nhất định thưa với mẹ xin đi tham chiến. Năm ấy công-chúa mới 15 tuổi, còn bé quá, mấy lần xin, không được. Vì thấy Triều-đình luôn mấy năm đánh Chiêm-Thành chật vật mãi không xong, lại gần đây Thánh-Tông luôn mấy trận thân-chinh về không, lần này đã gần 3 tháng chưa về, Hoàng-hậu ở nhà nóng ruột, liền ưng thuận lời thỉnh cầu của con gái. Bà cho đem thêm 5 vạn viện binh tinh nhuệ, và 3.000 chiếc thuyền chở khí giới lương thực, do đường bể tiến vào cửa bể Nghệ-An, rồi lên bộ tiếp ứng.

Thánh-Tông thân chinh lần này đã định chí khi nào thành công mới về, nhưng đã gần 3 tháng trời, 2 lần vây được thành Đô-Bàn mà vẫn không bắt được chúa. Giống Chiêm-Thành cũng như loài ong mật, vào được sào huyết chưa bắt được chúa, thì dẫu đánh đến chết hết, họ cũng không chịu lùi.

Thành Đồ - Bàn, kinh đô Chiêm-Thành, tức là Tháp-Đầm-Dương thuộc phủ Thăng-Bình, tỉnh Quảng-Nam ngày nay. Về phía tây phía bắc và phía nam, 3 mặt núi rừng chông chất, hết lớp nọ đến lớp kia; về phía đông, cách một bãi cát bồi bao la, liền với bể. Lại còn nhiều ngòi, lạch và suối, quanh eo bao bọc từng lớp, làm cho địa-thế càng thêm hiểm trở bội phần. Từ đời Lê-Thánh-Tông chiếm cứ được thành, đổi tên là Tháp Đầm-Dương. Lấy tên là Tháp, vì ngay ở trong thành ấy, có một cái Tháp rất cao, công trình kiến thiết có vẻ mỹ thuật, và vĩ-dại nhất ở nước Việt-Nam ta, có ý để làm kỷ-niệm mãi mãi về sau vậy. Tháp ấy hiện nay vẫn còn, cao thon thót, có bậc trèo từ chân lên đến đỉnh, toàn thể bằng gạch. Người ta trông thấy như một đồng gạch xếp cao chót vót một cách tự nhiên, không có mạch vôi cát như những ngôi Tháp xây ở các chùa khác. Các nhà khảo-cổ cho rằng: ngày xưa người Chăm đã lấy những viên gạch bằng đất còn ướt vừa mới ở khuôn ra, xếp thành một cái tháp, có bậc từ dưới lên trên, khi đã xếp thành tháp, hoàn toàn đầu đầy rồi, chất củi rác chung quanh để nung, cũng như nung gạch thường vậy. Gạch nung chín, gắn chặt lại với nhau, như cả một khối tự-nhiên, nên ta không trông thấy mạch mà vẫn đứng sừng sững vững vàng như chòm núi đá, trải bao cuộc bể giầu, vẫn không hề thay đổi.

Vì kinh thành hiểm trở như thế, nên những nước láng giềng đều hùng cường gấp bội, cũng khó lòng công phá nổi. Đời Lý-Nhân-Tông, Lý-Thường-Kiệt phá tan được quân Tống đến xâm lăng, cướp lại được châu Quảng-Nguyên là nơi có nhiều mỏ vàng, làm cho nhà Tống vừa tiếc, vừa căm giận mà không làm gì nổi. Thế mà khi sang đánh Chiêm-Thành, phí bao nhiêu thời gian, tốn bao nhiêu binh mã, vẫn không hạ được thành, đành

phải đấu điu với chúa Chiêm-Thành là Chế - Ma - Na; lấy lại được 3 châu Địa-Lái, rồi trở về. 3 châu này là nơi rừng rậm, phần nhiều xen vào những bãi cát bao la và sỏi đá lởm chởm, ít màu mỡ, ít dân cư, — Lý-Thường-Kiệt đem tài anh dũng thân chinh kiệt quệ mãi, cũng chỉ vót vát được một ít đất vô giá-trị ấy thôi. Oai danh Chiêm-Thành vẫn không hề sút kém.

Đời Trần-Hiến-Tông, Chiêu-Nghĩa-Hầu vì đánh Chiêm-Thành mà bị hãm ở Đà-giang, hết lương thực rồi chết. Đời Trần-Dụ-Tông tuy dụ được chúa Chiêm-Thành là Chế-Củ phải giữ lễ triều cống, tuy có hân hạnh được phong cho y làm quốc-vương, nhưng mấy phen động binh, vẫn không phá được thành; đã một lần tận suất binh mã, định làm cỏ Chiêm-Thành, nhưng vì địa thế hiểm trở quá, mới vào được thành Cỏ-Lũy, đã bị vây hãm, sợ vào sâu nữa, hết chỗ rút lui, đành phải kéo quân trở về không.

Lê - Thánh - Tông 2 lần trải bao gian nguy hiểm trở, mới vào được thành. Trước khi vào thành, tên đạn ở trong bắn ra như mưa; khi lọt được vào thành, chỉ thấy thành không, tuyệt nhiên không có một bóng người. Khi ra khỏi thành, tên đạn lại tung ra như cũ. Khi quay lại tiến công vào thành, tình hình lại vẫn im lặng, vẫn vắng tanh - như cũ. Trước hiềm - tượng kỳ - quái, tìm không ra manh mối, Thánh-Tông đành phải bỏ dở mà trở về không.

Về đến Đà-giang thì gặp Thụy-Hoa công-chúa đem binh mã tiếp viện, Thánh-Tông ngạc nhiên hỏi:

— Vì có gì phải đem quân tiếp viện?

Công-chúa đáp:

— Vì bà và mẹ con thấy cha thân-chính đã lâu không về, sợ binh bì lực kiệt, nên phải cho con đem quân tiếp viện.

— Tự ý con xin đi hay bà và mẹ sai con đi?
(Thánh-Tông hỏi).

— Tự ý con xin đi, con xin mãi mới được. (Công chúa đáp).

— Con còn bé quá, sao giám xông pha nơi chiến trường nguy hiểm ?.

— Thừa cha : con tuy còn thơ ấu, nhưng cũng đã biết qua binh pháp. Nay quân giặc ngoan cố quật cường, cha còn phải tự làm tướng đề đốc - chiến, lẽ nào con được khoanh tay đứng nhìn.

— Con còn thơ ấu, nhưng chí khí đáng khen. Ta tuy phải ở lâu nơi trận địa, bao phen xông pha tử - chiến, nhưng quân vẫn còn nguyên, không hề hao hụt. Hai lần vây được thành của địch, chiếm được hoàng - cung của địch, trái bao nỗi gian nguy chật vật, 'nhưng vẫn giữ được lực lượng. Ta chưa giám nói là toàn thắng, chưa giám ca khúc khải hoàn, chỉ vì chưa bắt được chúa của địch. Vả gặp nhiều nỗi ly kỳ biến ảo, bực mình mà phải tạm ngừng chiến trong một thời gian. Còn phải về qua thăm nước nhà, xem :

1.) Nội - trị có được vững vàng hay không ?

2.) Ngoại - giao với Tàu thế nào ?

3.) Văn - trị vũ - bị có tiến - triển được chút nào không ?
Trong bụng ta bối rối nhiều cách mà phải bỏ dở để về, đó là một sự bất đắc dĩ, lòng ta không muốn.

— Thừa cha, ở nhà có bà và có mẹ con, đều sáng suốt lo toan việc nước, hiện nay nội trị cũng ngoại giao hết thấy có cơ lạc quan lắm. Nền thịnh trị nước nhà có thể hy vọng vững chắc được. Chỉ còn một mối lo về nạn xâm lăng của Chiêm - Thành cần phải chấm dứt. Chiêm - Thành cũng như Ai - Lao và Bồn - Man, đều là những nước quật cường ở biên giới phía nam, cần phải giẹp yên cho hết, mới mong giữ vững được nền thịnh trị, vẻ vang nòi giống Lạc - Hồng. Ai - Lao, Bồn - Man, cha đã đánh bại được rồi, đất nước của chúng, nay đã biến thành

hạt Trấn - Ninh của ta rồi; lẽ nào còn một nước Chiêm-
Thành mà ta chịu để cho họ cứ hung hăng mãi, quấy
rối biên cương mãi. Từ khi chúa Chiêm-Thành là Bí-Cai
bị Lê-Xí tiến công bắt được, thế-tử của y là Trà-Toàn
vẫn tiềm tàng binh mã đợi cơ phục thù. Thế - Tử đã
nói ra miệng :

«Cái vết nhục nhã Đa-Lang, Cổ-Lũy (1) cần phải gột
cho sạch». Họ đã nói tất họ phải làm. Không những ta
cần phải giữ biên cương, còn cần phải tránh cho khỏi
cái họa xâm lăng của địch nữa. Nay chỉ còn một quân
địch số một, nếu không trừ được, mối đe dọa vẫn còn,
khó lòng yên tâm mà sửa sang việc nước. Xin cha đừng
về nước vội, ở nhà có bà và mẹ con, việc nước có
nơi ký thác chắc chắn, không phải lo ngại. Cha bây giờ
chỉ cần diệt cho được Chiêm-Thành, lập vũ-công bất hủ,
trừ diệt mối lo cho Tổ-Quốc. Sẵn có viện binh, con xin
theo cha tới mặt trận, tẩm thân liều bỏ mạng cho ích
cho chiến công trong muôn một.

Nghe con gái nói một giọng hăng hái, có tiến không
lùi, và được tin ở nhà có mẹ, có vợ, khéo biết lo toan
việc nước, Thánh - Tông đỡ được mối lo nội cố, lòng
quyết chiến lại thêm hăng hái; bèn đổi thế hoãn chiến
ra thế phản công. Liền cùng con gái lấy viện binh quay
quân trở lại. Một phen ồ ạt, kéo quân từ Đà-Giang tiến
qua xứ Đa-Lang, xứ Cổ-Lũy, kéo thẳng vào thành Đồ-Bàn.
Định đánh lối chớp nhoáng để bắt cho được chúa Chiêm-
Thành. Nhưng lần này cũng chẳng khác chi mấy lần
trước : khi vây quanh thành, tên đạn ở trong bắn ra như
mưa ; kịp khi đột nhập tận cũng điện, người lại vắng

(1) Đồi Lê - Nhân - Tông, Lê - Xí đem quân đánh Chiêm - Thành,
vượt qua được xứ Đa - Lang, và xứ Cổ Lũy, là nơi hiểm yếu
nhất của chúng, lọt vào thành Đồ-Bàn bắt được chúa Bí-Cai.

teo như không. Họ cũng đã khéo diễn được cái cảnh vườn không nhà trống. Nhưng mà họ đi đâu? Tháo lui ra đường lối nào? Thánh - Tông thuật lại cho công chúa nghe mấy lần trước cũng kỳ dị như thế. Rồi cả 2 cha con cùng ngẫm nghĩ suy tính, nhưng khó lần mò cho ra manh mối.

Đến đây công chúa mới hiểu rằng cha mình phải chịu phép bỏ dử về không là một duyên có chính đáng. Nhưng công chúa mau trí khôn, nghĩ ngay được một kế: Tìm được hang, tìm được tổ, tuy không bắt được chim muông, nhưng cũng phải phá tan tành hang tổ của chúng, để chúng hết nơi ẩn nấp, mới tiết được hản mối lo về sau. Liền tàu xin cha đốt phá hết cung điện miếu mao, san phẳng thành trì, chỉ để lại pho tượng Sa - Pa - Na và một cây tháp Đầm-dương để làm kỷ niệm di-tích của người Chăm. Tượng Sa-pa-Na cao 35 thước ta, chu vi 30 thước ta, chạm trổ khéo, màu sơn cổ, đối với tháp Đầm-Dương cũng là một kỳ công vĩ-dại đáng lưu truyền mãi mãi.

Thành Đồ - Bàn đang đồ sộ nguy nga, chỉ cách một ngày một đêm bỗng biến thành nơi hoang địa.

Khi thành đã hoang, còn trơ một pho tượng và một cây tháp, công chúa trèo lên đỉnh tháp để ngoạn cảnh, và trèo cả lên đùi pho tượng để ngấm nghĩa những nét sơn kỳ diệu. Tình cờ công chúa trông thấy ở bụng pho tượng có chỗ nứt, công chúa lấy tay gõ gõ, thấy miếng gỗ khấp khênh, liền nạy ra xem, té ra là một cánh cửa, đóng chưa khít. Người ta đã làm một cánh cửa ở ngay trước bụng pho tượng. Những chỗ khuy áo và những lớp mây nổi ở hai bên vạt áo đang trước bụng đều là những bản lè danh khuy và then chốt mở ra đóng vào..

Công chúa sinh nghi, liền cho phá pho - tượng. Ngờ đâu pho-tượng ấy lại là một cái nắp giếng, giếng tự hoàng cung thông mãi ra bể.

Pho tượng Sa - pa - Na ở giữa ngôi chùa trước chính điện vua Chăm. Sa - pa - Na hình như là thủy tổ của người Chăm, ngày thường thì vẫn hương hoa lễ bái theo tuần tiết; nhờ khi có biến, kinh thành bị vây hãm, sau khi đã kiệt sức kháng cự, tất cả người trong thành mở cửa bụng pho tượng thủy tổ, xuống thuyền độc-mộc chuồn ra bể tẩu thoát. Nếu không gặp được người có tính tò mò hay sang suốt như Thủy - Hoa công chúa, thì pho tượng vĩ-dại Sa - pa - Na kia cũng còn đi đôi với tháp Đầm-Dương lưu-truyền mãi cho đến ngày nay; mà sào huyệt Chiêm-Thành chưa chắc đã phá được tan, cương giới của nước Việt-Nam ta chưa chắc đã gồm có cả toàn tỉnh Quảng - Nam, bao la man mác như ngày nay vậy.

Biết lối rút lui của địch, Thánh - Tông liền sai quân dũng-cảm cưỡi thuyền lần lượt ra bể. Một mặt đàn quân vây khắp mạn bờ bể. Quả nhiên đến cửa bể Ngũ-hành-Sơn gần Hàn-Giang, hai mặt thủy bộ gặp nhau, vây bắt được chúa Chiêm - Thành là Trà - Toàn, (1470). Sau khi bắt được chúa Chiêm-Thành, liền lấy đất Đồ-Bàn, đất Đại-Chiêm đất Cỏ-Lũy, lập thành tỉnh Quảng - Nam; còn những miền cực nam và miền rừng núi Tây-bắc, thì chia làm ba nước, đặt tên: Nước Chiêm - Thành, nước Hoa-Anh và nước Nam-Phan, đặt ba vua cai trị riêng từng nước để giảm bớt lực lượng và thanh thế của chúng. Muốn cho khỏi xảy ra sự bất trắc, Thánh-Tông đặt ngay quyền cai-trị tỉnh Quảng-Nam, chia làm ba phủ chín huyện, bổ nhiệm quan chức trông coi từng hạt; chọn những thanh niên tuần tú từ 15 tuổi trở lên, qua một thời kỳ huấn luyện, được bổ chức sinh-dồ để dạy dân học,

Đặt quyền cai trị xong, Thánh-Tông cùng Thụy - Hoa công chúa ca khúc khải hoàn. Được tin báo thắng trận bồi hoan, Hoàng - Thái - Hậu (1) và Hoàng - Hậu (2) thân ra cổng thành nghênh giá, vừa gặp lúc Đức - Trung (3) đi kinh lý Trấn-Ninh cùng về tới nơi. Một nhà vợ chồng cha con ông bà cháu chắt nội ngoại sum sít vui mừng, tiếng âm reo có phần náo nhiệt hơn tiếng hoan hô của dân chúng.

Trước sân rồng, đình thần đã túc trực sẵn, Lê-Thánh-Tông cùng hoàng-gia vừa về tới hoàng cung, thì trống cái nổi hiệu, đình thần bài ban cử-nhạc làm lễ bái khánh. Sau lễ bái khánh, có lễ truy điệu các vị công thần bị giết oan do Nguyễn-Trãi đứng đầu, Thi-Lộ thứ hai, rồi đến các vị thân-nhân ba họ. Làm lễ truy điệu xong, liền có sắc chỉ truy tặng và tìm con cháu Nguyễn-Trãi cấp cho 100 mẫu ruộng để thờ phụng.

Hôm làm lễ truy-diệu Nguyễn-Trãi, sắc chỉ phục chức, và phong thưởng đẳng phúc thần, một quan chức trong bộ Lễ khâm mạng đọc bài «Biuh - Ngô Đại Cáo» để triều-đình văn võ đều nghe lời văn hùng tráng của vị khai quốc công thần, và để tưởng nhớ đến công ơn bất hủ, đáng cùng Lê-Triều xã tắc vững bền mãi mãi với non sông.

LỜI CHUA

(1) Quang - Thục Hoàng Thái - Hậu, húy Ngọc - Rao, tức Ngô - Thị Bình, (Cô cất cỏ).

(2) Trường - Huy Gia - Từ Hoàng - Hậu, húy Nguyễn - Ngọc - Hằng tức Ngọc-Huyền (Cò gánh gạo).

(3) Đức-Trung tức Dĩnh-Thường được ân xá. Xin đi sứ Tàu và đánh Bồn-Man để đại tội lập công. vì sự cố gắng đã lập được công chiến thắng. San được thăng chức Thái-Uý, và được phong tước Trinh-Quốc-Công.

Khi Hiến-Tông là cháu ngoại lên ngôi Hoàng-Đế, Đức - Trung vâng mệnh triều-đình sửa chữa lại chùa Sài-Sơn, tức là chùa Thiên-Phúc, thờ Đức Từ-Đạo-Hạnh, vì trước bà Lê-Thánh-Tông nằm mộng lên lễ chùa ấy rồi sinh Hiến-Tông. Khi Đức - Trung làm lễ, ở trước Tam-bảo, tự nhiên có một hòn đá thật to rơi xuống ở ngay trước mặt. Người đời bấy giờ cho rằng đó là Phật đã quả phạt Đức-Trung vì đã ăn ở tệ bạc với vợ. Đức-Trung hối hận, dựng hòn đá vào lòng pho tượng để thờ, làm lễ sám hối, gặt con cháu phải đời đời thờ phụng.

TỜ BÌNH NGÔ ĐẠI CẢO

(do ÔNG NGUYỄN - TRÃI soạn)

Bản dịch nôm — theo Việt - Nam sử lược Trần - Trọng - Kim

Tượng Mảng :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt chỉ vì khử bạo. Như Nước Việt-Nam ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương vực đã chia, phong tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền Độc-Lập; cũng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên :

Lưu-Củng sợ uy mất giá, Triệu-Tiết nghe tiếng giết mình. Cửa Hàm - Tử giết tươi Toa-Đô, sông Bạch-Đằng bắt sống Ô - Mã. Xét xem cổ tích, đã có minh - trung.

Vừa rồi :

Vì họ Hồ chinh-sự phiên hà, để trong nước nhân-dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ-ngược, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai - vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khước, ác chưa ngọt hai mươi năm. Bại nhân-nghĩa, nát cả càn khôn, nặng khoa liêm, vết không sơn-trạch : nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu. Nào hồ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim sả. Tàn hại cả côn trùng thảo mộc, kheo-nhóc thay ! quan quả diên-liên. Kẻ há miệng, đưa nhẹ răng, máu mỡ bấy no-nê chưa chán ; nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa. Nặng nề về những nội phu - phen,

bắt-bớ mắt cả nghề canh cửi. Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội ! dơ bẩn thay ! nước bể khôn rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhìn được.

Ta đây :

Núi Lam-Sơn dấy nghĩa, chốn hoang dã nương mình. Ngầm non sông căm nổi thế thù, thế sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa ; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh ; ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trăn trọc trong cơn mộng my, chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuấn-Kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bốn bể thiếu kẻ đỡ đần, nơi duy-ác hiểm người bàn bạc. Đồi phen vùng vẫy, vẫn dăm-dăm con mắt dục động ; mấy thừa đợi chờ, luống dằng dặc cỗ xe hư-tả. Thế mà trông người người càng vắng ngắt, vẫn mịt mờ như kẻ vọng dương ; Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội vã như khi chứng-nịch. Phần thì giận hung-đồ ngang dọc, Phần thì lo quốc bộ khó khăn. Khi Linh-Sơn lương hết mấy tuần, khi Khôi-huyện quân không một đội. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma ; cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phấp phới, ngóng vân-nghe bốn cõi đàn hồ. Mở tiệc quân, chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng sĩ, một lòng phụ-tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi ; quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung-tàn, lấy chí-nhân

mà thay cường bạo. Trần Bồ - Đẳng sấm vang sét dậy, miền Trà - lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần-Trí, Sơn-Thọ, mất vía chạy tan; Phương-Chính, Lý - An, tìm đường trốn tránh. Đánh Tây-Kinh phá tan thế giặc, lấy Đông-Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh - Kiều máu chảy thành sông, bến Tuy - Động xác đầy ngoài nội. Trần-Hiệp đã thiệt mạng, Lý - Lương lại phơi thây. Vương - Thông hết cấp lo lường, Mã - Anh khôn đường cứu đỡ. Nó đã tri cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta dày mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui; ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệp. Cậy mình là phải, chỉ quen đồ vạ cho người; tham công một thời, chẳng bỏ bày trò đơ-đuốc. Đến nỗi đưa trẻ ranh như Tuyên - Đức, nhằm võ không thôi; lại sai đồ nhút-nhát như Thạch, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm Đinh-mùi tháng chín, Liễu-Thăng từ khâu-ôn tiến sang, Mộc-Thanh từ Vân-Nam kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm, để ngăn lối Bắc-quân; ta lại sai tướng chen ngang, để tuyệt đường lương-dạo. Mười tám, Liễu-Thăng thua ở Chi-Lăng, hai mươi, Liễu-Thăng chết ở Ma-Yên. Hai-mươi-năm, Lương-Minh trận-vong, hai-mươi-tám, Lý-Khánh tự-vẫn. Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lụi. Lại thêm quân bốn mặt vi thành, hện đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ tốt ra oai tì hổ, thần thú đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh-ngạc, đánh hai trận tan tác chim-muông. Con gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi-Tụ phải quỳ mà xin lỗi, Hoàng-Phúc tự trối để ra hàng. Lạng-Giang, Lạng-Sơn, thây chất đầy đường; Xương-giang, Bình-thận, máu trôi đỏ nước. Góm-ghê thay! Sắc

phong vân cũng đổi, tham-đam thay! sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân-Nam nghẽn ở Lê-Hoa, sợ mà mất mặt; quân Mộc-Thạnh tan chưng Cần-trạm. chạy để thoát thân. Suối máu Lãnh - Cầu, nước sông rền-rỉ; thành xương Đan - Xá, cỏ nội đầm-đìa. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy; các thành cùng khầu, côi giáp xuống đầu. Bất tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội; thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu-sinh. Mã - Kỳ, Phương-Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể, chưa thôi trống ngực; Vương-Thông, Mã-Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu, còn đỏ mồ hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngổ lòng thú-phục; ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ-ngoi.

Thế mới là mưu-kế thật khôn, và lại suốt xưa nay chưa có. Giang-san từ đây mở mặt, xã-tắc từ đây vững nền. Nhật nguyệt hối mà lại minh, càn - khôn bỉ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chầu-chấn, then nghìn thu rửa sạch lâu lâu. Thế là nhờ trời đất tổ tông, khôn thiêng che-chở giúp-đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!

Vầy vùng một mảnh nhung-y, nên công đại-định; phẳng lạng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh-thành. Bá cáo xa gần, ngổ cùng nghe biết.

CHÙA BÀ NGÔ

Chùa bà Ngô, tức là chùa ngọc-Hồ, trong có đền thờ bà Quang - Thục Hoàng Thái Hậu (Cô cắt cỏ, húy là Ngọc - Rao), ở phía trong phố Sinh - Từ, bên cạnh Giám Hà - Nội. Tại sao có chùa và đền thờ này ?

Duyên do như sau :

Trần-Nguyên-Hãn là cháu dòng dõi Trần-Nguyên-Đán làm quan Tư-Đồ nhà Trần, người làng Hoắc-Sa, tỉnh Sơn-Tây. Nguyên-Hãn có học thức hơn người, thông thạo binh pháp. Nguyên-Hãn cùng Nguyễn-Trãi gặp nhau ở núi Tản, Viên, kết giao với nhau, rủ nhau vào Thanh-Hóa tìm chân-nhân để đánh giặc Minh. Cả hai người tìm đến tận nhà Lê-Lợi ở Lam-Son, nhưng mấy lần đến nhà đều không được gặp mặt. Lúc bấy giờ Lê-Lợi giấu tiếng, vì sợ quân Minh theo rồi. Thường ở luôn trong khu rừng núi gần đấy để bàn tính quân cơ, đợi ngày khởi nghĩa. Hai người lạ mặt đến nhà, cả nhà ngờ là gián điệp của địch, vả chăng không giám tiết lộ việc lớn, cho nên bất cứ ai đến hỏi Lê-Lợi, người nhà đều giữ kín không cho biết.

Nguyên-Hãn và Nguyễn-Trãi nhất định theo tìm cho bằng được. Ngày ngày chầu chực ở một bụi cây gần trước cổng. Một hôm, dòm thấy Lê-Lợi về nhà, có hai người thân tin đi theo. Hai người đương định rủ nhau vào trong nhà, thì thấy thầy trò Lê-Lợi lại đi ngay, có vẻ vội vàng. Hai người liền theo chân gọi với lại, nhưng Lê-Lợi đi nhanh quá, theo không kịp, gọi to đến đâu cũng không nghe tiếng. Hai người mãi miết chạy đuổi, một quãng thì mất hút. Lăn mò hết đồi nọ sang đồi kia, từ chập tối đến hết trống canh một, hai người đã ngã lòng, muốn trở lại. Chợt trông xa thấy có ánh lửa

lòe rồi lại tắt. Hai người cứ nhắm chỗ lửa lòe tiến mãi. Đến một chỗ ven đồi, chung quanh cây cối rậm rạp, thấy có ánh lửa lọt khe phen ở trên một cái chòi, làm ghếch lên giữa mấy cành cây cổ thụ. Hai người đến gần, biết trên chòi có người, và đoán chắc Lê-Lợi ở đấy. Vì chòi cao mà lại không có thang, Nguyễn-Hãn để Nguyễn-Trãi đứng lên vai, gio tay nắm lấy cành cây leo lên như con vượn, Nguyễn-Trãi đẩy cửa phen chui vào. Lê-Lợi kinh hãi, tuốt gươm định chém. Nguyễn-Trãi tươi cười một cách tự nhiên, kính cần nói:

Chúng tôi mạo hiểm lần mò đến đây, vì biết chắc chúa - thượng sau này làm chủ được thiên hạ. Xin đem hết tài trí mưu lược, thề cùng sống chết để giết giặc, giữ vững lấy non sông.

Lê-Lợi để gươm xuống sàn gác, vừa cười vừa nói:

— Chắc tiên sinh có nhiều mưu lược.

Nguyễn-Trãi đáp:

— Thưa có. Vả thông hiểu cả khoa Thái-Ất thần kinh nữa. Lê-Lợi mừng, mời ngồi, và nhận lời xin trọng dụng.

Nguyễn-Trãi biết ý Lê-Lợi, không ngại gì nữa, kể luôn câu truyện châu chực lần mò từ chập tối đến giờ, và mách còn ông bạn đồng-chí đứng chờ ở dưới gốc cây. Lê-Lợi liền bảo Lê-Thụ (người thân tín nhất, luôn luôn ở bên cạnh) bỏ thang xuống cho bạn đồng-chí của Nguyễn-Trãi trèo lên. Lên đến nơi, Nguyễn-Hãn xưng tên tuổi quê quán nghề nghiệp của cả hai người và kể qua lại cả lại lịch từ khi gặp nhau ở trên núi Ba-Vì, cùng những nông nổi lần mò khắp nơi để tìm chân-nhân. Lê-Lợi cả mừng, thu-dụng tất cả. Rồi cùng ngồi đề tính Thái-Ất. Lê-Lợi và Lê-Thụ hạ con tính, thấy đến năm Hợi mới tốt. Nguyễn-Trãi nóng ruột, muốn khởi binh ngay, bèn hạ con tính, bớt đi một số, tức là năm Tuất, nghĩa là sớm

được một năm. Ngay năm ấy là năm tuất, liền cùng họp bàn mưu lược, bắt đầu khởi binh.

Trần-Nguyên-Hãn cũng như Nguyễn-Trãi, đều có công đệ-nhất bình định thiên hạ. Nguyễn-Trãi nguyên giữ chức Đại-Hành-Khiển, sau được phong tước hầu; Trần-Nguyên-Hãn nguyên giữ chức Tư-Đồ, sau được thăng Tả-tướng-Quốc. Công nghiệp hiển hách nhất đời bấy giờ.

Nguyên-Hãn biết trước rằng Lê-Thái-Tổ là người ghen ghét công thần, nên sau khi giúp chúa giúp hết được quân Minh, nhất thống được thiên hạ, chỉ tìm cách ẩn dật, không muốn tham dự việc nước nữa. Hãn thường nói với những người thân tín rằng:

« Lê-Lợi (tức Lê-Thái-Thải) có tướng Việt-Vương Câu-Tiên, chỉ có thể cùng nhau chia sẻ lúc đau khổ, không có thể cùng nhau yên hưởng lúc thái bình ». Rồi từ quan về lập trại yên nghỉ ở Sơn-Đông (nay thuộc huyện Lập-Thạch, tỉnh Vĩnh-Yên). Hãn về đó, dựng những lâu đài tráng lệ, và kết từng đội thuyền bè để đi chơi dọc các sông ngòi, có ý làm như thế để vui chơi lúc tuổi già, quên mùi khanh-tướng.

Nhưng chính vì Hãn làm như thế, thành ra Lê-Thái-Tổ sinh lòng ngờ vực, vì Hãn là dòng dõi nhà Trần, nên lại càng bị nghi kỵ riết. Những bọn nịnh hót, xưa nay vẫn ghen tỵ, nay vì có ton hót thêm, gièm pha đặt để là có ý phản, để khôi phục nhà Trần.

Thái-Tổ cho là đúng, bèn sai bọn lực sĩ hơn bốn mươi người đến Sơn-Đông bắt giải, Hãn ngẩng cổ lên vái trời, mặt khẩn xin trời đổ mưa bão. Rồi đứng lên giữa thuyền hò hét dấm đập làm cho thuyền dấm. Hãn cùng hơn 40 lực-sĩ đều chết đuối. Dân ở đấy cảm động thương xót, lập đền thờ, linh ứng có tiếng.

Bà Ngô thị Ngọc-Rao, khi Thánh-Tổng lên ngôi báu, được tôn phong là Quang Thục Hoàng Thái-Hậu. Bà thường đi lễ các đền chùa. Vì cảm thương Nguyên-Hãn bị ức mà phải tự sát, Quang Thục Hoàng Thái-Hậu thân lên tận đền thờ Nguyên-Hãn ở Sơn-Đông tuyên sắc phong thượng-dăng tối linh thần, và viết mấy hàng truy điệu vào một tờ giấy lệnh trắng, kê công trạng với đất nước, để tưởng nhớ bức anh hùng bị uất ức, sai quan khâm mạng đọc ở trước ban thờ, rồi đốt ngay ở đấy. Khi đốt tờ giấy truy-diệu ấy, Quang-Thục đứng trông thấy có hình người nhẩy múa ở trong khói lửa. Quang-Thục cảm động quá, chảy nước mắt, bảo chung quanh cận thần phải làm lễ tạ. Các quan làm lễ tạ xong, Quang-Thục hồi loan.

Khi Quang-Thục về đến phía trong phố Sinh-Từ, (ngay chỗ đền bà Ngô bây giờ) thì bỗng trong mình bâng hoảng choáng váng, như có người giữ lại không cho đi nữa. Quang-Thục nhìn về phía đằng trước, rõ có người đứng cầm thanh kiếm vẩy vào trong, như có ý bảo hãy lánh vào trong để khỏi bị tai vạ.

Quang-Thục truyền cho hạ kiệu để vào phía trong ngồi nghỉ. Vừa hạ kiệu, quan quân vừa theo Quang-Thục vào nghỉ ở phía trong, thì bỗng có một tiếng sét đánh ngay xuống giữa lối kiệu Quang-Thục đang đi. Một tiếng sét đánh, làm cho Quang-Thục đương mê man, hồi tỉnh ngay lại. Khi mê man, Quang-Thục nhận thấy một người đỉnh đạc như có vẻ một vị thượng-tướng, cầm thanh-kiếm vãi chào, rồi vẩy tay bảo giẽ về phía trong; khi vào phía trong ngồi nghỉ thì người ấy cũng chạy theo vào, ghé vào tai bảo rằng:

— Cảm người có đức độ, được hưởng phúc già. Người lại có lòng thủy chung với công thần vì dân vì nước, đáng được sống lâu với tôn xã, hương khói ngàn thu. Nay nhân lệnh quốc phạt của thiên-đình, trừ những kẻ

gian ác phản bội. Không nỡ để người phải vạ lây, nên phải tìm cách để người tránh nạn.

Vừa giúrt lời của Lục thượng tướng ấy, thì tiếng sét nổ. Quang-Thục hồi tỉnh, biết rằng Nguyên-Hãn vẫn đi theo mình để lộ vế, liền sai cận thần sắm sửa lễ vật làm lễ vọng Nguyên-Hãn để tạ ơn đã cứu mình thoát nạn.

Thổ dân thấy Quang-Thục ghé kiệu vào đây, và sửa lễ linh đình; không hiểu ý nghĩa làm sao. Chỉ biết lập đèn thờ bà Ngô Quang-Thục Hoàng Thái Hậu, để tưởng nhớ đại đức một vị từ-mẫn của đương thời hoàng-đế. Ngoài đền dựng hành-cung của Lê-Thánh-Tông. Bên cạnh đều dựng ngôi chùa gọi là Ngọc Hồ tự, để thờ Phật. Về sau, trải bao phen binh lửa, bề giâu biến đổi, sự thực sai giần. Hiện người ta chỉ biết thờ Đức Mẫu ở phía trong ban thờ Lê-Thánh-Tông. Không biết Đức Mẫu ấy có phải, theo đúng sự thực, là đức thánh mẫu Quang-Thục Hoàng Thái-Hậu, — hay chỉ là một vị Thánh-Mẫu để cho các bà đồng bà cốt với bộ khăn chầu áo ngự, nhảy nhót ở trước mặt để hò hét bắt tà bắt ma mà thôi!

24 ĐIỀU CẢO DỤ,

do Lê-Thánh-Tông đặt ra, sức cho dân xã toàn quốc
thường thường giảng đọc, để giữ lấy thói tốt:

1.) Cha mẹ dạy con phải có phép tắc; trai, gái đều có nghề
nghiệp, không được rượu chè, cờ-bạc, tập nghề hát xướng
để hại phong tục.

2.) Người gia trưởng tự mình phải giữ lễ phép, để
cho cả nhà bắt chước, nếu con em làm càn thì bắt tội người
gia trưởng.

3.) Vợ chồng cần kiệm làm ăn, ân-nghĩa trọn vẹn, duy chỉ
có khi nào người vợ phạm tội Thất-xuất, thì mới được bỏ,
chứ không được thiên-ái cầu-dung làm hại đến phong hóa.

4.) Làm kẻ tử-đệ nên yêu mến anh em, hòa thuận với
hương đảng, phải lấy lễ nghĩa mà cư xử, nếu trái phép thì
người tôn trưởng, đánh đập dậy bảo, có tội tở thì phải đem
nộp quan để trừng trị.

5.) Ở chốn hương đảng tông-tộc, có việc hoạn nạn, thì
phải giúp đỡ lẫn nhau; nếu ai có tiếng là người hạnh
nghĩa tốt thì các quan phủ, huyện sở tại phải bẩm lên tòa
Thừa, tòa Hiến, để tâu vua tỉnh biểu cho.

6.) Đàn bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng trị, thì
nên phải sửa mình đôi lỗi, không được tự-tiện trốn đi, làm
hư mất nết đàn bà.

7.) Người đàn bà góa không được chứa những trai trẻ
ở trong nhà, nói dối là con nuôi để âm-hành những việc
gian-dâm.

8') Người đàn bà góa chồng đối với các con vợ cả, hoặc vợ lẽ, nàng hầu, nên có lòng thương xót, không được mưu mô để chiếm đoạt gia tài làm của riêng mình.

9') Đàn bà góa chồng chưa có con cái, phải ở nhà chồng để giữ đủ tang lễ, không được chuyển vận của cải mang về nhà mình.

10') Làm đàn bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình phú quý mà khinh nhà chồng; nếu không như thế thì bắt tội đến cha mẹ.

11') Kẻ sĩ phu nên quý phẩm hạnh và giữ phép quan, nếu cứ xu-nịnh những kẻ quyền quý để cậy thế làm càn, thì phải cách bỏ đi, không kể đến nữa.

12') Kẻ điền-lại chỉ việc giữ sổ sách giấy má để làm việc quan, nếu làm những sự điên đảo án tù, thì quan trên sẽ xét ra mà trừng trị.

13') Quan dân đều phải hiếu đễ và chăm chỉ làm ruộng, cùng giúp đỡ lẫn nhau; khi đi làm việc quan, không được trễ biếng trốn tránh. Nếu ai có tiếng là người lương thiện, thì các quan phủ huyện phải trình tâu Thừa tâu Hiến để tâu vua tỉnh biếu cho.

14') Kẻ thương mại phải tùy thời giá mà buôn bán với nhau, không được thay đổi thương dẫu và tụ tập đồ đảng để đi trộm cướp; nếu phạm điều ấy, thì trị tội rất nặng.

15') Việc hôn - giá - tế - tự phải giữ lễ phép, không được làm càn.

16*) Chỗ dân gian có mở trường du hí, hoặc cúng tế, thì con trai con gái đến xem, không được đứng lẫn lộn, để khỏi thói dâm.

17*) Các hàng quán bên đường, có phụ nữ đi xa đến trọ, thì phải phòng giữ. Nếu để hà hiếp ô-nhục người ta, việc phát giác ra, thì người phạm cùng với chủ nhà đều phải trị tội cả.

18*) Phủ huyện phải lập bia ở các nơi sở tại để cấm con trai, con gái, không được cùng tắm một bến, để cho có phân biệt.

19*) Các xã thôn phải chọn một vài người già cả đạo đức làm trưởng, những ngày thông thả đem dân ra đình tuyên giảng những lời cáo dụ, để khiến dân bắt chước làm điều thiện, thành ra mỹ-tục.

20*) Trong hạt phủ huyện có kẻ cường đạo xâm chiếm điền thổ, ức hiếp cô-độc và xui giục người ta kiện tụng, thì cho xã thôn cáo giác lên để quan xử trị, nếu mà tuần-ăn, thì phải biếm bãi.

21*) Các nhà vương, công, đại thần, dung túng những đứa tiểu nhân, đưa người khấn lễ, và để cho người nhà đi ức hiếp dân gian mà mua rẻ các đồ vật, thì cho dân được đầu cáo để trọng trị.

22*) Những người làm quan phủ, huyện, mà biết khuyến bảo dân gian làm điều lễ nghĩa, khiêm nhường, có quan Thừa-chính, Hiến-sát xét thực, thì được cho vào hàng

tốt; nếu ai không chăm dạy bảo dân, thì cho là người không xứng chức.

23°) Các người huynh trưởng ở chốn xã thôn và phường, biết dạy bảo con em trong làng cho nên được phong tục tốt, thì quan phủ huyện phải bằn tòa Thừa, tòa Hiến, đề tâu vua ban khen cho.

24°) Các dân mường mán ở ngoài bờ cõi, nên giữ lời di-huấn, không được trái đạo luân thường, như cha, anh, chú, bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê thiếp; nếu trái phép. thì sẽ trị tội rất nặng.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

TAO - ĐÀN NHỊ THẬP BÁT - TỬ

Tên 28 vị Đại văn hào, được Lê - Thánh - Tông chọn vào
hội Tao - Đàn :

1.)	Nguyễn - Quang - Bật,	Tiến - sĩ năm	1484
2.)	Nguyễn - Nhân - Bi,	— —	1481
3.)	Ngô - văn - Cảnh,	— —	1481
4.)	Lưu - Dịch,	— —	1490
5.)	Vũ - Dương,	— —	1493
6.)	Lưu - Hưng - Hiếu,	— —	1481
7.)	Chu - Hoán,	— —	1493
8.)	Ngô - Quyền,	— —	1487
9.)	Ngô - Hoàn,	— —	1490
10.)	Nguyễn - Đức - Huân,	— —	1487
11.)	Phạm - Như - Huệ,	— —	1487
12.)	Đàm - Thận - Huy,	— —	1490
13.)	Chu - Huấn,	— —	1493
14.)	Phạm - Tri - Khiêm,	— —	1487
15.)	Nguyễn - Bảo - Khuê,	— —	1475
16.)	Ngô - Luân,	— —	1490
17.)	Lưu - Thứ - Mậu,	— —	1481
18.)	Nguyễn - Tôn - Miết,	— —	1490
19.)	Dương - Trục - Nguyên,	— —	1486
20.)	Đỗ - Nhuận,	— —	1466
21.)	Bùi - Phổ,	— —	1487
22.)	Phạm - Đạo - Phú,	— —	1490
23.)	Ngô - Tham,	— —	1493
24.)	Đỗ - Thuần - Thu,	— —	1487
25.)	Nguyễn - Ích - Tồn,	— —	1484
26.)	Phạm - Cẩn - Trục,	— —	1484
27.)	Thân - Nhân - Trung,	— —	1469
28.)	Nguyễn - Xung - Xac,	— —	1469

Chắc có nhiều sự thay đổi, nên trong bản Tao - Đàn còn thấy kê tên những vị sau này :

1.)	Phạm - Phúc - Chiêu,	— —	1472
2.)	Ngô - Sĩ - Liên,	— —	1442
3.)	Lê - Tuấn - Ngạn,	— —	1472
4.)	Nnuyễn - Trục	— —	1442
5.)	Lương - Thế - Vinh	— —	1463

NIÊN HIỆU CÁC ĐỜI VUA TRIỀU LÊ

TÊN HUY	Năm trị vì	Niên hiệu	Miệu hiệu
Lê-Lợi	1428 — 1434	Thuận - Thiên	Thái - Tồ
Nguyễn Long	1434 — 1443	1.) Thiệu-Bình 2.) Đại - Bửu	Thái-Tông
Bang Cơ	1443 — 1460	1.) Thái - Hoà 2.) Diên - Ninh	Nhân - Tông
Nghi - Dân		Thiên - Hưng	
Tư - Thành	1460 — 1498	1.) Quang - Thuận 2.) Hồng - Đức	Thánh-Tông
Huy (hay là Tăng)	1498 — 1505	Cảnh - Thống	Hiển - Tông
Đàm	1505 —	Thái-Trinh	Túc - Tông
Toàn (hay là Tuân)	1505 — 1510	Thụy - Khánh hay là Đoan-Khánh	Oai - Mục
Vinh	1510 — 1517	Hồng-Thuận	Tương-Dục
Ỡ	1517 — 1523	Quảng-Thiện	Chiêu - Tông
Xuân	1523 — 1527	Thống-Nguyên	Cung - Hòa
Ninh	1533 — 1549	Nguyên - Hòa	Trang-Tông
Huyên	1549 — 1557	Thuận - Bình	Trung-Tông
Duy Bang	1557 — 1572	Thiên - Hựu	Anh - Tông
Duy Đàm	1572 — 1600	Gia - Thái	Thế - Tông
Duy Tân	1600 — 1619	Thận-Đức	Kính - Tông
Duy Kỳ (thứ nhất)	1619 — 1643	Vĩnh - Tộ	Thần - Tông
Duy Hưu	1643 — 1648	Phúc - Thái	Chân - Tông
Duy Kỳ (thứ hai)	1648 — 1663	Khánh-Đức	Thần - Tông
Duy Vũ	1663 — 1673	Cảnh-Tri	Huyền-Tông
Duy Hội	1673 — 1675	Dương-Đức	Gia - Tông
Duy Hợp	1675 — 1705	Vĩnh-trị	Hy - Tông
Duy Dương	1705 — 1729	Bảo - Thái	Dụ - Tông
Duy Phương	1729 — 1732	Vĩnh-Khánh	Vĩnh-Khánh
Duy Tường	1732 — 1735	Long - Đức	Thuần-Tông
Duy Thịnh (chấn)	1735 — 1740	Vĩnh - Hựu	Ỡ - Tông
Duy Đào	1740 — 1785	Cảnh-Hưng	Hiển-Tông
Duy-Khiêm	1785 — 1794	Chiêu-Thống	Chiêu-Thống

